

THỦ QUÁN

B ả n T h ả o



Thảo Trần

Những bài viết về nhà văn Võ Hồng và những
sáng tác mới của các thân hữu TQBT

Tập 21 tháng 10-2005

Thư Quán Bản Thảo

TẬP HAI MƯƠI MỐT, THÁNG MƯỜI, 2005

Chủ Đề: Viết về nhà văn Võ Hồng.

Đọc trong số này:

Viết chung: Trang 5 : Phạm Văn Nhân, NG~, Trần Hoài Thư, Lữ Kiều, Cao Vị Khanh.

Trang viết về Võ Hồng: Trang 44: Tác phẩm của Võ Hồng, Trần Hoài Thư, Nguyễn Vy Khanh, Lý Không Minh, Lương Thư Trung, Trần Huiền Ân, Lê Văn Thiện, Ngô Văn Ban.

Phỏng vấn, nhận định, ý kiến độc giả: Trang 91: Trần Hoài Thư, Nguyễn Thu Trâm, NG~, Ý Kiến.

Truyện ngắn & thơ Võ Hồng: Trang 134

Sáng tác thơ: Trang 144: Phạm Ngọc Lữ, Hải Phương, Nguyễn Đức Nhơn, Lữ Quỳnh, Đoàn Chinh Nam, Đoàn Ngọc Kiều Nga, Trầm Mặc Hoa Huyền, Đức Phổ, Thanh Hồ, Nguyễn Lương Vy, Cao Vị Khanh, Từ Thế Mộng, Trầm Mặc Thiên Thu.

Sáng tác truyện: Trang 172: Nguyễn Lệ Uyên, Thành Văn, Phạm Văn Nhân, Trần Bang Thạch.

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

Thư Quán Bản Thảo số 22 phát hành vào tháng 1 năm 2006.

Bài viết xin gửi về nhanvanpham@yahoo.com và tranhoaithu@yahoo.com trước tháng 12 năm 2005. Xin gửi qua email hay floppy disk.



Viết chung

PHẠM VĂN NHÀN • NG~ • TRẦN HOÀI THƯ •
LỮ KIỀU • CAO VỊ KHANH •

Nói chuyện với NG~

Phạm Văn Nhân

1.

Tháng 10 năm 2001 TQBT phát hành số đầu tiên. Đến nay đã được bốn (4) năm. Bốn năm, với 21 số (số 21, tháng 10 năm 2005) đủ để cho chúng tôi ôn lại đoạn đường làm “ văn học nghệ thuật “thật nghèo...của một tạp chí văn học mang tiếng xuất bản ở Hoa Kỳ này. Bốn năm, 21 số, TQBT vẫn được sự ủng hộ của độc giả và bạn bè cầm bút trong và ngoài nước... Vâng, nhìn lại đoạn đường đã qua, chúng tôi đã có tất cả. Có độc giả. Có bạn bè cầm bút cũ và mới. Nhất là những bạn bè cầm bút cũ trước 1975 trong nước, dù ở cách xa nhau nửa vòng trái đất, nhưng mỗi kỳ TQBT phát hành bài viết của bạn hầu như không thiếu. Chỉ cần ới nhau một tiếng là có tất cả.

Cho nên qua 17 số, các bạn đề nghị làm số chủ đề cho những nhà văn, nhà thơ trong và ngoài nước. TQBT 18 chúng tôi làm chủ đề: Y Uyên. Qua số chủ đề Y Uyên...bài vở cũng từ các bạn trong nước viết và tìm kiếm những sáng tác của anh ấy đi trên những tạp chí văn học cũ. Dù có khó khăn, nhưng cũng đủ cho một số chủ đề về Y Uyên để làm sống lại những dòng văn học cũ thời chiến tranh.

Với khí thế chủ đề Y Uyên, chúng tôi làm tiếp số chủ đề Nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng (TQBT 19 . Dù chưa đầy đủ về một NNN). Chủ đề Nhà Thơ Nguyễn Bắc Sơn (TQBT 20. Dù chưa nói hết cái hay trong thơ NBS trong

thời chiến). Rồi, hôm nay, TQBT số 21 các bạn trong nước lại đề nghị làm số chủ đề: nhà văn Võ Hồng.

Về nhà văn Võ Hồng. Trên TQBT số 2(tháng 11.2001) chúng tôi có đi một truyện ngắn của ông: *Đi Con Đường Khác* và một bài thơ: *Ba Mươi Năm Sau*. Tuy nhiên, khi nghe anh em trong nước đề nghị. Với tôi, thật khó khi làm số chủ đề về ông. Bởi vì, ông ở vào thế hệ trước chúng tôi. Một nhà văn lão thành. Không phải ở vào : thế-hệ-chiến-tranh như chúng tôi. Ông cũng chưa phải là những người cầm bút trẻ bạn bè với chúng tôi. Vừa cầm bút vừa cầm súng ngoài mặt trận. Như: *những người vừa thực tế cầm súng và thực tế cầm bút ngoài mặt trận-những người bản thảo nhàu nát trong ba-lô, cầm bút lia trên giấy có khi tưởng là cầm súng bắn về phía trước mặt. Họ bước vào tuổi trưởng thành, tuổi yêu đương, tuổi mười tám, vừa đứng vào tuổi quân trường. Bản thảo văn chương đôi khi cũng lại là thư tình viết trong khói súng. Và thư tình đôi khi cũng là bài tường thuật ngoài mặt trận...*(VL/KH 106 trang 21). Cho nên khó làm một số chủ đề đúng với ý nghĩa.

Chiến tranh. Tuổi trẻ của chúng tôi lúc bấy giờ khác với những nhà văn, nhà giáo có một cuộc sống - cứ nghĩ như thế- ổn định trong thành phố . Vừa đến trường dạy học-bình thản- Vừa ngồi viết văn -cũng bình thản- chưa thấy hết cái đau thương, mất mát của tuổi trẻ đang ngã xuống trên chiến trường. Như những dòng văn ngắn ngủi của anh VL viết ở trên. Do đó, mà TQBT chúng tôi chỉ làm số chủ đề cho những “ cây bút” bạn bè đã nằm xuống hay còn sống trong nước, ở cái tuổi: thế - hệ - chiến - tranh đã qua. Chứ làm một chủ đề cho một nhà văn tầm cỡ như ông. Sợ e thiếu sót !

Nhưng, có lần, vào năm 1969, anh Trần Hoài Thư sau

khi bị thương lần thứ hai trên chiến trường Bình Định. Anh đã trở về Nha Trang và có làm một cuộc phỏng vấn nhà văn Võ Hồng, đã đi trên Văn cùng năm (bài phỏng vấn này chúng tôi đi lại trong số này). Võ Hồng có nói, đại khái: “... *Toi có quen bạn bè nào cứ kêu lại, đến đây trò chuyện với moi. Moi rất cần kinh nghiệm và chất liệu của anh em trẻ...*”Vâng, có lẽ, và có lẽ ông rất cần kinh nghiệm của đám trẻ chúng tôi đang “ cọ xát thực tế” ngoài chiến trường để ông có thêm “ kinh nghiệm và chất liệu” để sáng tác.

Và, khi bắt tay vào làm số chủ đề viết về ông. Việc đầu tiên là tôi đã nói với NG~ cũng như anh em chủ trương, là: TQBT chỉ làm số chủ đề như những số chủ đề đã làm (trong cái hạn hẹp tìm kiếm tư liệu. Và, không nên đi lại những bài viết về ông trên internet, cũng như các bài viết đã đi trên các báo xb trong nước), mà cũng không chủ trương “ vinh danh ” một cá nhân nào.

Nhưng, muốn làm chủ đề cho một nhà văn, nhà thơ. Chúng tôi cũng phải nhờ đến bạn bè trong nước đi tìm tư liệu để viết. Việc làm này cũng rất khó cho bạn bè chúng tôi vì còn phải sinh kế hàng ngày. Nhưng vì việc chung, theo yêu cầu(chủ đề cho số 21). Tôi gọi điện ngay về cho người bạn, anh NG~ thay chúng tôi về Nha Trang làm việc này. Và, nhớ là cố tránh những bài viết về ông đã đi trên trang Web Võ Hồng.Tôi dặn NG~ như thế nhiều lần.

Cho đến khi chúng tôi bắt tay vào việc thì chúng tôi cũng có nhận những ý kiến trái ngược nhau. Nhưng tựu trung cũng chỉ là ý kiến “ góp ý nhẹ nhàng” khi làm số chủ đề về ông. Và, trong nước, các bạn cầm bút cũ, thời mà chúng ta thường gọi: thế hệ chiến tranh lại mong có một

số chủ đề về ông ở cái tuổi 84 trên TQBT. Và khi anh NG~ về Nha Trang gặp nhiều cây bút cũ (nam, nữ) ở Nha Trang, Khánh Hòa. Các bạn ấy đã gửi bài đến chúng tôi thật phong phú để hình thành số chủ đề về ông.

2/

Bạn NG~

Song song với số chủ đề Võ Hồng (TQBT 21)phát hành vào tháng 10.2005. Chúng tôi (Thư Ấn Quán) cũng phát hành tập truyện ngắn của nhà văn quá cố Y Uyên, gồm 9 truyện ngắn của anh, mà anh em trong nước gom góp lại trên những trang tạp chí cũ:Văn, Bách Khoa...với nhan đề do chúng tôi chọn: **Tuyển Truyện Thời Chiến** . Tập truyện này Thư Ấn Quán bán với giá mua ủng hộ để chúng tôi có tiền gửi về cho gia đình anh, để tu sửa lại nơi thờ phượng, và pho tượng đồng bán thân của anh do các bạn văn ở Tuy hòa làm sau ngày anh ngã xuống . Chúng tôi nhờ đến ba nhà văn, nhà thơ: NLU, MVL, THẢ đại diện chúng tôi vào nhà anh trao quà, và thấp cho anh một nén nhang (đã gửi thư ngỏ).

Thư ngỏ đã gửi đến độc giả TQBT và bạn bè cầm bút. Chúng tôi nhận được nhiều kích lệ về việc làm trên. Nhiều bạn đã order 4 tập, 5 tập, 10 tập...với số lượng in 100 tập cũng vừa đủ các bạn và độc giả order. Chúng tôi sẽ ngưng và không in thêm nữa. Thay mặt nhóm chủ trương TQBT trong và ngoài nước xin cảm ơn đến các bạn đã order sách với một tấm lòng trân quý.

3/

Không nói đâu xa, lấy cái mốc tháng 4 năm 1975 trở lại. Tôi với các bạn không gặp nhau ; vì hoàn cảnh. Hơn 30

năm. Sau khi tôi đến định cư ở Mỹ khoảng 14 năm. Và, ngay cả khi còn ở trong nước, thời bao- cấp - nặng- nề ấy. Tôi cũng không, và không thể đi làm một chuyến thăm- hỏi-bạn- bè được sau khi ra khỏi trại tù. Vì nhiều lý do. Lý do thứ nhất là: tiền. Khi mà, ngày ấy, tôi trở về nhà cũng không có để ở, thì làm sao có tiền để mà đi thăm bạn bè được. Chịu!

Thế mà hôm nay qua TQBT là nhíp cầu, là vùng đất để bạn bè gặp lại trên chữ nghĩa văn chương. Vâng. Nhiều lắm: những bạn bè ngày xưa đã hội tụ trên một tạp chí đã phát hành được 20 số. Và, mới đây, tôi và anh Trần Hoài Thư mới nhận được hai (2) bức THI HỌA của người bạn văn ngày nào gửi tặng. Nhà văn, nhà thơ PNL từ Đà Nẵng vượt đèo Hải Vân ra Huế thăm vợ tôi, và trao hai bức “ Thi Họa” để mang qua cho tôi và THT (mỗi bức 11” x 33”). Cùng với bức Thi Họa là bài thơ: Trên Đèo Bình Đê mà PNL làm vào mùa hè 1973 (không có tạp chí nào trước 1975 chịu đi bài thơ này, vì...) tặng tôi và THT. Một bài thơ để tôi và THT nhớ lại những năm tháng khói-lửa-mật-mù ở vùng bắc Bình Định. Và, nhớ lại thời chiến trường xưa mà tôi và THT đã tham dự.

Hai bức Thi Họa do Hồ Công Khanh thảo bút: *Mỗi mồn tiếng sóng nghe chung. Bờ Tây rụng tóc bờ Đông bạc đầu.* Đọc hai câu thơ mà nghe buồn quá đỗi. Buồn với những ngày tháng qua mau; mà mỗi ngày nào nhìn lại tấm hình cũ: Tôi, PNL, NLU và THT sau lần THT bị thương lần thứ nhất nơi cây xăng Ông Tề ở Qui Nhơn - Bình Định (1968). Rũ nhau về Tuy hòa thăm anh em. Rồi nhìn tấm hình vợ tôi mới chụp PNL ra Huế thăm . Rõ là: *bờ Tây rụng tóc, bờ Đông bạc đầu.*

Về Sài Gòn, NM nghe tin cũng đến nhà thăm. Và mang đến cho tôi và Trần Hoài Thư những tác phẩm của bạn bè trong nước. Kể Phá Cầu (kịch) của LK. Mùa Xuân Trên Đỉnh Cây của HTG. Cuộc Đi Đạo Tình Cảm của nhiều tác giả. Đọc tập truyện ngắn này. Tôi mới thấy từng gương mặt của bạn bè khi còn ở cái tuổi đôi mươi. Nhất là các bạn trong nhóm Ý Thức.

Tôi điện về hỏi vợ tôi: NM và PNL thế nào? NM thấy mập còn PNL thì gầy quá. Ôi! Còn đâu những ngày xưa của một ông thầy giáo dạy học năm nào. Còn đâu ngày xưa một NM vui đầu trên căn gác 22 NTH/PR làm Ý Thức. Có điều tôi thấy vui vui khi đọc trên KH số 106 (số tháng 8), anh Viên Linh đi hai bài thơ của PNL bên cạnh thơ Lữ Quỳnh. Tôi khoái câu anh VL ghi dưới bài thơ: *thơ anh càng ngày càng hay, nhất là sau ba mươi năm khổ nhọc*. Không phải khen đâu. Thật đấy. Không hay sao được phải không PNL?

Cà kê...Võ Hồng

Ng~

Sau khi TQBT 20 chủ đề nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn phát hành. Các anh trong nước đề nghị TQBT làm số chủ đề nhà văn Võ Hồng cho số 21. Ngoài nước, hai anh bạn văn một thời với chúng tôi (Phạm văn Nhân và Trần Hoài Thư) gọi điện thoại về cho tôi, dục tôi phải về Nha Trang để gặp những bạn bè cũ, để bắt tay thực hiện chủ đề về Võ Hồng theo yêu cầu.

Thế là tôi lo thu xếp hành lý, phóng vù về Nha Trang.

Cánh cổng của căn nhà số 51 Hồng Bàng khép hờ, chỉ cần đẩy cổng bước thẳng lên gác chứ không phải bấm chuông và đợi như những năm trước. Bước lên mấy bậc cầu thang, đứng trước cánh cửa gỗ khép hờ đã thấy một phụ nữ trạc 50 đang bưng chén cháo ngồi trên ghế đẩu sát ngay cạnh giường. Ông nằm dán người lên mặt nệm, lép xẹp; đầu trùm chiếc mũ len tới tận chân mày. Nghe tiếng động, ông mở mắt. Tôi chào ông và người phụ nữ rồi “cung khai lý lịch” nhưng ông không hề nhận biết tôi là ai, mặc dù trước đó là chỗ thân quen, thường xuyên điện thoại, thư từ thăm hỏi nhau.

Tôi nói rõ mục đích chuyến ghé thăm, trao lại bó hồng của anh em TQ với lời chúc sức khỏe và gửi một số tập TQBT tận tay ông. Ông vẫn nằm trên giường và nghe và thờ nặng nhọc, nói những lời cảm ơn rất nhỏ, phải chú tâm lắm mới có thể nghe được.

Tôi quay ra ngoài hiên với người phụ nữ. Chị tự giới thiệu là học trò cũ của ông hồi còn học trường Bồ Đề Nha Trang, nhà tận cầu Dừa. Có năm ba học trò cũ trạc tuổi chị thay phiên nhau đến chăm sóc ông, bởi các con ông thì ở quá xa, còn người giúp việc thì không ai hiểu được tính ông nên hôm trước hôm sau là bỏ về. Chị không nói tên, nhưng cho biết là “bọn tui đã thay phiên nhau hơn tháng nay, thấy mỗi ngày một yếu đi” Và chị lịch sự nói: “Anh ở đây nói chuyện với thầy, chắc là lâu. Khoảng 11 giờ có người khác đến thay. Tôi phải chạy về nhà có chút việc”. Nói và chị thu xếp muống chén đặt lên chiếc bàn con rồi quày quã bước xuống cầu thang. Tôi hơi ngạc nhiên. Có thể chị hiểu công chuyện sẽ kéo dài quá lâu để chị thành người thừa trong cuộc chuyện trò chẳng mấy liên quan đến chị, hay tôi như một người

có trách nhiệm thay thế trong đám học trò ông, bởi tôi cũng xưng “thầy con”?

Tôi đỡ ông ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường, thở dốc một hồi rồi với tay lấy chiếc kính thứ hai mang lên mắt. Ông giở từng quyển TQBT, lật từng trang khó khăn hỏi: “các toi làm có bán được nhiều không?”. Trả lời: “Độc giả nhiều, nhưng không thu tiền”. Ông ngó ra một lúc: “Cảm động, thiệt cảm động”. Tôi nói: “Thầy ăn sáng đi kéo nguội” rồi tôi bưng chén súp lên, ông gạt đi “toi để đó cho moi”. Bữa ăn sáng kéo dài gần 2 tiếng. Tôi tranh thủ hỏi ông những gì đã định trong đầu và anh em đã dặn dò, nhưng câu chuyện đẩy đưa hầu như là ngược lại, ông hỏi tôi: “moi muốn về thăm quê một chuyến, liệu tình hình này đi được không?”. Tôi nói: “Thầy cứ uống thuốc, tĩnh dưỡng, khi nào thiệt mạnh thầy gọi anh em đón thầy về”. Ông ngồi lặng hồi lâu, rất lâu. Hình như hình ảnh quê hương trong ký ức hiện về làm ông xúc động. Tuổi thơ ông đã bay qua con sông Cái, làng lụa Ngân Sơn, khu Lò Gốm, Chí Thạnh, Đồng Dài... mà hơn 30 năm qua ông chưa từng chạm mặt. 30 năm đối với ông hình như là nỗi hoài nhớ mang mang để ông đắm chìm và thả nỗi nhớ nhưng chất ngất đó vào từng trang sách. Ông đẩy đưa nó đi để cảm thấy như ông còn đang gần gũi với quê nhà An Thạch. Ông kể lại những bờ ruộng, con mương, tên người, tên đất như để đánh lừa mình đang gần thật gần với Tuy An, nơi ông đã sinh ra lớn lên và từ ấy ra đi trong những cơn mê chênh choáng “Back To Sorento”. Khá lâu sau đó, ông phều phào “Nay toi viết được nhiều không?”. “Dạ, in ít thôi”. “Moi cũng cố gắng thôi, còn cầm được cây bút ngày nào moi sẽ viết để trả hiếu cho quê hương”. Không biết là lần thứ mấy mười và với bao

nhiều người thân quen ông nhắc lại chữ hiếu. Nó thôi thúc ông, réo gọi ông từ tâm thức của đứa con xa quê lâu ngày. Nó luôn là nỗi ám ảnh trong ông mỗi khi được nói, được nghe nói về quê ông. Đó là món bún làm bằng bột bắp, khoanh từng sợi vàng mịn như tơ nổi bật lên màu xanh của miếng lá chuối ăn với nước mắm nhĩ lúc xế chiều. Ông khép mắt mơ màng “Ờ, ờ bún...”.

Tranh thủ, tôi dọn dẹp bát đĩa mang vào bếp rửa. Quay trở ra định đặt lại mấy tờ báo lên ghế. Nhưng ngó quanh quẩn, chỗ này quyển sách, đầu kia rổ may đựng kim chỉ, giấy bút, chiếc gương soi, dao cạo râu, áo quần, khăn mặt... chúng thật lộn xộn, nhưng chừng như là những nơi cố định của chúng để ông có thể với tay là đụng cái này, nắm lấy cái kia theo thói quen. Loay hoay một lúc và quyết định, thôi cứ để nguyên, không khéo ông nhìn thấy lại bị “ngây ngà”.

Một người phụ nữ khác bước lên cầu thang, trên tay là gói thuốc. Ngó lên đồng hồ đã 12 giờ. Chúng tôi chào nhau. Chị lại làm công việc mà người trước đã làm. Ông nằm thêm thiếp trên giường. Trời nắng chói chang. Căn gác lợp toile nóng hầm hập. Ông vẫn nằm dán sát trên giường. Thở nặng nhọc.

Tôi thần thờ bước xuống cầu thang với chút bùi ngùi.

Rong bút

Trần Hoài Thư

Những đoạn viết rời ...

1. Nhà văn Trần Doãn Nho vừa gửi tặng 4 số báo cũ. Ba số Văn và một Tin Văn. Phải mất ba mươi năm mới được

thấy lại chúng. Bồi hồi nhìn lại từng trang chữ nghĩa. Giấy ố vàng và rạn khô. Có tập bìa thất lạc. Có tập chỉ biết là số 121 nhưng cố gắng cũng không xác định được thời điểm. Chỉ biết là trong năm Mậu Thân. Có tập mục lục in trên giấy láng, mờ không rõ. Tôi mở từng trang, rất khẽ, rất cẩn thận, như đang chạm vào một bảo vật quá đổi mong manh. Lòng tôi nẩy nỡ nổi xúc động kỳ lạ. Ôi, mái nhà văn chương của một thời tuổi trẻ, lúc mà những người viết như chúng tôi nằm trong số của những tuổi 20, khi mà văn chương đồng nghĩa với tử sinh, vành nón sắt che cả vầng mây ảo mộng, nhưng cũng là một sợi giây vô hình ràng buộc chúng tôi lại với nhau bằng một tình thân khó có thể giải thích.

Để quý bạn thấy lại thời những người cầm bút trẻ phải sống và viết như thế nào, xin được đi lại một bản tin văn học trích từ báo Văn số 121, xuất hiện vào khoảng năm 1968 được ghi bởi Thư Trung và các bạn.

Tin văn về một số những cây viết trẻ miền Nam và bằng hữu miền Trung

Băng đi một dạo, nhất là từ sau cơn binh biến đầu Xuân Mậu Thân, các cây viết trẻ miền Nam hầu như không còn hoạt động gì đáng kể. Một số nhập ngũ. Một số thì chán nản lui về "ở ẩn".

Lưu Vân, sau khi bỏ nghề bán-cháo-phở đi làm cho một cơ quan ngoại quốc, mới về Mỹ Tho cưới vợ (ngày 18-12-1968). Mặc Huyền Thương nay đã vào lính quân báo, phục vụ tại Biệt-khu Thủ-đô.

Bị lính chê mấy lần rồi là anh chàng cận thị Triều Uyên

Phượng. Hiện Phượng đi làm cho USAID Ở Cần-thơ và gần như không sáng tác được gì.

Sống khổ vì bạn nhất không ai hơn Ngô Nguyên Nghiễm. Nghiễm đang học năm thứ tư Dược-khoa. Nhà thơ miền tỉnh lẻ Châu-đốc này trong tương lai rồi sẽ đến sa lầy trong cảnh vợ đẹp con ngoan mà từ bỏ nàng Thơ, mặc dầu vốn có với nàng khá nhiều " duyên nợ ".

Hận và chửi đời thì có Hà Thúc Sinh, nhà thơ này là thông dịch viên cho Cố-vấn Quân-sự Mỹ. Đã hai lần Sinh bị thuyền chuyển vì tội đánh Cố-vấn. Bạn bè yêu Sinh chính nhờ dáng dấp du-đăng-khả-ái đó.

Vào học Truyền-tin ở Vũng-tàu có Nguyễn Bạch Dương. Vừa ra trường Sư-phạm Vĩnh-long có Nguyễn Hiền Lư-ơng. Hà Nghiêu Bích dường như nhập ngũ đã từ lâu (?). Bộ ba này đang chung lưng đấu cật lo cho tờ *Biểu-tượng*. Vũ Ngọc Đức, vì nghề nghiệp, đã quay sang viết kịch trường. Do lẽ đó, theo bè bạn, thơ Đức cũng *dứt* luôn.

Nguyễn Lan Viên đã về trại Hoàng Hoa Thám sau ba tuần học tiền sát tại trường Pháo-binh Dục-mỹ. Mặc dù có sự thúc giục đặc biệt của tòa soạn Văn, Nguyễn Lan Viên cũng không thấy có sáng tác gì mới. Không biết tại Viên bạn đi hành quân hay tại... ? (Này, bữa nào rảnh ghé tòa soạn mà nhận thư thân hữu đấy nhé ! Đến mà lại có thêm truyện mới thì lại càng " nên lắm thay ".)

Tô Đình Sự về Đồng-đế với nghề sĩ quan cán bộ. Khỏi ra trận, hết đánh giặc, nên hấn buồn.

Chu-trầm Nguyên-minh thì vẫn như xưa. Lính đánh giặc. Cô bé làm thơ nổi tiếng của Búp-bê là Tần-Vy nay không còn là cô bé nữa. Vì cô đã đủ tuổi để đi làm công chức. Và thơ cô (xem trong Văn cũng số này) còn chứng tỏ là cô đã lớn hơn số tuổi trời nhiều.

Nguyễn Lệ Tuấn hiện ở Phan-rí Cửa. Không hiểu nhà thơ này làm gì ở quê nhà. Nghe nói đang viết rất nhiều truyện ngắn và khởi viết truyện dài.

Phạm Nhã Uyên đã theo học tại trường Chiến-tranh Chính trị Đà-lạt. Lâu rất là lâu, không còn thấy Uyên đóng-cửa-làm-thơ. Bạn bè vẫn và đang chờ đợi cái mới của Uyên.

Mây Viễn Xứ (Lâm Hảo Dũng) thì đang gối súng nằm chờ giặc trên ngọn đồi 188, ngoài Phù-mỹ, Qui-nhơn. Ngước nhìn trăng sao và lắng nghe (ồ, tại sao lại cứ phải là nhịp chuyển động của bước chân quân địch ?) tiếng cựa mình của vũ trụ bao la, Dũng sáng tác được nhiều.

Yên Uyên Sa đầu vẫn ở dưới miệt Sa-đéc, vừa cùng ba bạn thơ khác cho trình diện thi phẩm *Người tình của mây và cây rừng*, xuất bản ở Long-xuyên.

Một người vừa nằm xuống. Đó là Hứa Đình Anh, cây viết hăng say của nguyệt-san *Bộ-binh Thủ-đức* khóa 26.

Người vừa ra đi khiến chúng ta nhớ lại những khuôn mặt văn nghệ trẻ đã mất trong cuộc chiến tương tàn : Trần Như Liên Phượng, Phan Huy Mộng, Chương-đài Mai Hữu Thanh...

THƯ-TRUNG và các bạn

(Văn 121 năm 1968 ?)

2. Tôi quyết định in lại những tập Văn cũ này. Dù phải ngồi suốt ngày để *scan* nguyên tập giấy ố vàng, chữ lu mờ để layout và in thành một cuốn sách. Bởi vì đây là di sản của văn chương miền Nam. Chúng là những đứa con còn được sống sót sau cơn hồng thủy. Ngay cả nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, người chăm lo tạp chí Văn ở hải ngoại bây giờ, cũng phải viết về nỗi xúc động khi ông được người bạn tặng lại mấy số Văn cũ, và ông đã trân

trọng in bìa Văn số 164 trên trang Sổ Tay trên số Văn tháng 5 & 6, 2005.

Hiện tại chúng tôi đã hoàn thành tập Văn-in-lại số 132 phát hành ngày 15-6-1969 chủ đề *Phượng Trong Thành nội* với sự góp mặt của Hồ Minh Dũng, Kinh Dương Vương, Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, Mường Mán, Ngụy Ngữ, Du Tử Lê, Kim Tuấn, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Hương Trang, Nhất Anh, Đinh Cường, Đông Trình, Nguyễn Xuân Hoàng...

Rất tiếc, bìa sau và trang 1,2 bị mất. Nhưng thà có còn hơn không.

Với tập này, chúng tôi chỉ dành để biếu tặng nếu có yêu cầu. Không bán. Xin thưa trước để tránh ngộ nhận.

3.

Buổi chiều hôm ấy, chúng tôi đã tụ họp tại nhà họa sĩ Rừng, tức nhà văn Kinh Dương Vương ở Los Angeles. Họa sĩ Rừng cho biết sẽ có một buổi tưởng niệm Hoàng Ngọc Tuấn, mới vừa nghe qua đời ở VN hôm trước.

Trên sân sau nhà, chiếc bàn dài cho một cuộc quay quần bằng hữu. Có nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Họa sĩ Nguyễn Đức Thuần, anh Phi Ích Bành (em trai của nhà văn Dương Nghiễm Mậu) và nhà thơ Nguyễn Lương Vị. Bên cạnh là bàn thờ có tấm hình chân dung của HNT do Rừng phác họa. Và lư nhang. Và đĩa trái cây. Ai đã đặt một lon bia trên bàn thờ. Mỗi đĩa một thẻ nhang, mang tâm tưởng mình về một người bạn xưa. Rồi chúng tôi cùng nhau nhắc về những kỷ niệm. NLV và NĐT nói về lận đận của HNT sau 1975, về sự thay đổi tính tình... về mối tình của anh. Và cuối cùng là cơn bệnh.

Nhưng có người lại không tin là HNT qua đời. Hỏi Rừng lấy tin này ở đâu, có cái gì để kiểm chứng không. Rừng nói thì nghe anh em gọi ra cho ta hay. Không thể được. Phải hỏi lại cho chắc ăn. Và lại thêm một lần, Saigon được liên lạc trở lại. Chúng tôi vẫn mong từ phía đầu dây bên trời, có một lời cải chính. HNT vẫn còn sống. Ai bảo hấn chết ?

Nhưng HNT đã thật sự bỏ đi. Thêm những tin từ trong nước được đánh đi báo tin về đám tang và rất nhiều anh em bạn bè cũ thời trước 1975 có mặt. Ngoài nước hưởng về. Trong nước hưởng về. Một thời, dù có bị thiệt thòi, lận đận đi nữa, nhưng vẫn không thể quên. Và bởi vì quá hoạn nạn nên càng thương yêu nhau hơn. Có phải ?

Như hai câu thơ của Lữ Quỳnh, thấm thía đến tê bầm ruột gan:

Thư bạn bè nhập nhòa bóng chữ

Không chữ nào báo trước chia xa.

4.

Con đường trở lại phòng ngủ, qua Bolsa, qua First, qua Main. Bỏ lại đằng sau những phố những đường mang chữ Việt. Mấy ngày ở Cali mà như một cơn mơ. Dễ chừng lâu lắm tôi mới trở lại nơi này. Và lạ lắm, và bồi hồi. Lạ bởi vì sự phát triển quá nhanh của cộng đồng. Rõ ràng, chúng ta vẫn còn trái tim của quê hương. Không phải Sài Gòn chết, mà trái lại nó vẫn sống, mạnh hơn là đang khác. Cho dù, có một tên mới, khiêm nhường, nhỏ bé. Little Saigon.

Còn bồi hồi vì gặp lại những bạn bè và xa cách. Ở tuổi này (trên 60), thấy nhau là quá mừng. Phải không? Đã

xa rồi những ngày những tháng mở trang báo thấy toàn đám cưới, tiệc mừng và niềm vui chúc tụng. Bây giờ là ngược lại. Đậm đen buồn bã. Hầu hết là vô cùng thương tiếc, là cõi vĩnh hằng, nước Chúa, cực lạc, thiên đàng... Thì ra, cuộc đời là những chặng đường. Nhưng chặng nào là bắt đầu. Chặng nào là cuối. Người hành khách tự chọn hay là chiếc tàu chọn thay ? Sao không nhìn nhau, à, lâu nay mình đi lạc rồi. *Để một chiều tóc trắng như vôi/lá úa trên sân rụng nhiều* (TCS). Ai cũng già hết rồi. Không còn niềm vui hoan lạc, mà một chút trầm tư khi cùng nhắc nhau những bằng hữu cũ, những hình bóng xưa.

Qua Cali lần này, sau bốn năm có lẽ. Không hẹn mà gặp bạn bè từ Saigon, Huế, Nha Trang, Đà Nẵng hay trên những chiến trường xưa. Cảm tạ Ông Trên bạn hữu vẫn còn nhiều. Chỗ ngồi không đủ để cùng nhau hàn huyên. Nhớ lại quán cà phê Bến Xe ở Qui Nhơn thời trước 1975. Vách trống sát vào nhau đỡ lạnh. Trời ngoài kia sương phủ mệnh mông. Bây giờ cô hàng quán có lẽ trở thành bà nội hay bà ngoại. Thấy lòng đâm bồi hồi. Cả một thời tuổi trẻ hôm qua, giờ còn lại những ánh nắng le lói đậu trên màu cà phê màu đen quạch

5.

Phải. Ánh nắng le lói, như cội chiều le lói của một thế hệ sinh và lớn lên trong chiến tranh. Cuối cùng, thì những tin buồn rầu thay cho những tin mừng. Từ trong nước, bạn bè gửi email báo tin một người bạn cũ chết vì tai nạn xe cộ, rồi đến lượt bạn thơ Trần Phù Thế ở North Carolina gọi cho hay nhà thơ Trần Kiều Bạt bị đụng xe vào nửa đêm vào ngày 30-7-2005 tại bang Arizona.

Buồn lắm. Buồn đến chảy nước mắt.

Nhớ Trần Kiều Bạt . Nhà Trần Kiều Bạt nhìn ra giòng Cái Khế, Cần Thơ. Trước 1975, thỉnh thoảng anh hay mời bạn bè văn nghệ ở Cần Thơ, Vĩnh Long đến nhậu. Cuộc nhậu thường tổ chức vào trưa, tiếp tục đến hoàng hôn. Bằng hữu ngồi trên chiếu rộng, thau đế pha nước coca như màu rượu chát, và những cốc rượu chuyển nhau, trong khi mặt trời nằm sau hàng dừa bờ sông trước nhà anh ánh lên rắng đỏ trên nền trời và rục rở cả một khúc sông. Nghe lại tiếng nói rộn ràng của anh. Ở anh là biểu tượng cho một mẫu người thơ miền Lục Tỉnh. Thương quý bạn bè. Thích ngồi chiếu đọc thơ bằng hữu. Và thành thật, hào sảng.

Bây giờ, sẽ không bao giờ được dịp ngồi trên chiếu rượu để chuyển nhau một hai cốc tình thân nữa. Cho dù cuối cùng, ai cũng chờ tiếng gọi ở bên kia bờ, nhưng với TKB, anh đã bỏ anh em mà ra đi quá sớm. Xin cùng bạn hữu của TKB, vĩnh biệt anh.

6.

Trong hai tháng qua, cơ sở Thư ấn quán đã cho ra lò thêm 5 tác phẩm. Cuốn thứ nhất là tập thơ *Chiến Tranh VN và tôi* của Nguyễn Bắc Sơn (tái bản), cuốn thứ hai là *Lục Bát 3 câu* của Nguyễn Tôn Nhan, cuốn ba là tập truyện ngắn của Nguyễn Nghiệp Nhượng nhan đề *Nhân Vật* gồm những truyện mà tác giả dự trù xuất bản trước 1975 nhưng không thành. Cuốn thứ tư được in lại từ tập báo Văn số 132 ra ngày 15.6.1969 chủ đề *Phượng Trong*

Thành Nội.. Cuốn thứ năm là *Tuyển Tập truyện ngắn thời chiến của Y Uyên*. Tuyển truyện này bán để gây quỹ giúp chỉnh trang ngôi mộ của Y Uyên đồng thời sửa chữa lại pho tượng bán thân Y Uyên bằng đồng mà bạn bè của ông ở trong nước đã tạc sau 1975 (lở tai trái bị kẻ gian xẻo. Xin xem TQBT số 18 chủ đề Y Uyên). Riêng tuyển truyện này, chỉ một thư ngỏ qua điện thư mà tiếng dội vang vọng khắp bốn phương đông tây nam bắc. Điều này nói lên sự thương yêu đùm bọc của những cây bút miền Nam cũ cũng như tình người đọc thật to lớn đến dường nào.

7.

Cuối cùng, số này đánh dấu 4 năm tạp chí TQBT có mặt. Số đầu tiên ra đời khi biến cố 11 tháng 9 năm 2001 xảy ra và số này được chuẩn bị trong lúc dấu tích từ cơn thiên tai Katrina vẫn còn hằn trên đất đai và trong lòng người bằng những mất mát, đau thương.

*Chiến trường chiến trường ! địa cầu kinh phong!
Như cơn bệnh đang vào giờ mê sảng
Mất bão đỏ ngẫu, xoáy cơn hôn loạn
Trút hã hê thêm lỏng lộn điên cuồng
Ta theo đoàn người bỏ trốn tai ương
Ta chạy mãi giữa biển tràn nước lụt
Nước ngập bốn bề, nước dâng, dâng ngập
Biết ở nơi nào, là chỗ bình an
Biết ở nơi nào lãnh địa Sơn Tinh?(THT)*

Xin được gửi đến những người bạn văn nghệ ở New Orleans những chia xẻ ân cần nhất của anh em chúng tôi. Cầu mong các bạn đầy đủ nghị lực cho những ngày

sắp tới...

Thử bút

Tự Tình

Lữ Kiều

Những ngày cuối năm, thật buồn. Xé những trang ghi chép của một năm, tưởng như xé đi một phần trí nhớ.

Nhưng làm sao quên? Quên. Đó cũng là một đức tính, hiểu theo một nghĩa nào đó.

Sáng nay lên nhà Nguyên Minh cũng với Hồ Thanh Ngạn. Căn phòng nhỏ nhìn ra bãi cỏ xanh mượt phi trường Tân Sơn Nhất. Gió thổi bạt đi những âm thanh của máy bay lên xuống. Nắng chấp chới trên những mái nhà xa xa. Những chiếc máy bay lặng lẽ. Nhìn. Bao nhiêu chuyến đi trong năm qua. Cuộc du lịch đã no nê, nói như Hồ Thủy Giũ.

Phải, đã nhìn ra thế giới bên ngoài, giờ đây, ta thu xếp nhìn lại bên trong của mình. Cuối năm. Cuối năm.

Thế đó...

Nhìn lại bên trong. Hình như những dịp cuối năm, đều nhìn lại mình.

Nhìn. Nhưng đâu phải lúc nào cũng thấy.

Nguyên Minh háo hức nói về những trang bản thảo mới viết, về những tình cảm vừa được giải phóng trên trang giấy, về những dự tính văn chương, con đường văn chương mà chúng tôi đã cùng đi từ thời trẻ.

- Chỉ mong đừng bệnh để tôi thực hiện...

Nguyên Minh nói bằng giọng nhiệt tình. Nguyên Minh

nhắc đến Trần Hoài Thư, Phạm văn Nhân đang làm báo ở Mỹ. Về sự bế tắc của những người bạn quanh đây, trong đó có tôi, có Lữ Quỳnh, có Châu văn Thuận. Có bạn vẫn sáng tác, ít hay nhiều, như Hồ Thủy Giũ ở Huế, Hồ Thanh Ngạn ở Sài Gòn, Trần Duy Phiên ở Pleiku...

Tôi nghe, mà lòng lênh đênh. Thuở đôi mươi, chữ nghĩa đã mê hoặc tôi. Giờ đây, những con chữ như những giọt nước trên con đường cũ. Đã thấm vào đất. Đã tan trong đất. Còn lại chẳng, chỉ là một hoài cảm. Tệ hơn, là một nỗi buồn, nỗi buồn văn chương, nỗi buồn cuối năm.

Sống là chia xẻ.

Viết là một cách chia xẻ. Đâu phải chỉ là chia xẻ chữ nghĩa, trong đó còn có quả tim tội nghiệp, cái đầu thao thức, những cơn mê sảng của lý trí, những tuyệt vọng khốc liệt của từng đêm thâu... Tưởng như có người chia với mình những điều buồn bã ấy, cho đến khi hiểu ra, cuộc sống vẫn hồn nhiên trôi đi, ta cũng trôi đi. Con đường tưởng là đi chung đến lúc nào đó, dừng lại, chỉ còn thấy ta lẻ loi một mình.

Một mình với chiếc bóng. Chiếc bóng tưởng như thật, nhưng cũng có lúc không thật nữa.

Nhớ Lữ Quỳnh. Tôi đã yêu bạn ấy biết bao. Có một ngày rất trẻ, bạn nằm bệnh viện, tôi đến, ngồi bên bạn, nắm tay bạn. Thuở đó, bạn là một đứa trẻ bất hạnh. Tôi truyền tình cảm của tôi cho bạn qua cái nắm tay hồn nhiên tuổi 13. Đó là kinh nghiệm chia xẻ đầu tiên của đời tôi.

Nửa thế kỷ sau, một ngày tháng 8 năm 2001, đặt chân lên đất Mỹ, bạn đón tôi ở phi trường, tôi nắm tay bạn. 50 năm, vẫn một hơi ấm từ bàn tay thuở đó, dù đời đã khác. Bạn lái xe đưa tôi quanh thành phố, nơi bạn định cư.

Chúng tôi đang ở xa Việt Nam nửa quả địa cầu. Sự cách xa làm tôi xúc động. Thành phố nằm trong thung lũng bao quanh là những ngọn đồi cỏ vàng. Những con đường hoa lá. Tôi lặng đi khi nhìn bạn ngồi trước tay lái: những vết nhăn trên khuôn mặt bạn, những sợi tóc bạc không dấu diếm. Phải rồi, chúng tôi không còn trẻ, quỹ thời gian của đời người đang hồi vết cạn, như cuốn vở học trò chỉ còn vài trang cuối. Chỉ vài trang cuối để ghi chép cái bao la của đời này. Đã đến hồi chung cuộc, nhưng ta không có quyền thay cuốn vở mới.

Ôi, văn chương ta viết gì cho những trang cuối cùng này?

Nói cho cùng, ta đã viết gì, đã ghi chép gì trên cuốn vở đời ta?

Ngày đầu tiên, đặt chân lên đất Mỹ, ý tưởng ấy làm tôi se lòng.

Tôi nhớ đến Ngý Hữu. Nhà của Hữu ở Vân Dương. Bạn chẵn trâu trên cánh đồng thật rộng, tôi và Lữ Quỳnh ngồi trên những thửa ruộng khô để chờ bạn dắt trâu về. Trên cánh đồng mạ ấy, chúng tôi bàn chuyện văn chương.

Nghi Hữu chết đã 2 năm. Bạn không ngồi giữa chúng tôi - thuở đó Ngý Hữu luôn thích ngồi giữa tôi và Quỳnh để sôi nổi chuyện văn thơ. Tập báo viết tay đầu tiên hình thành trong tình bằng hữu ấy. Nhưng rồi thời gian qua, sự xa cách về không gian làm chúng tôi xa nhau. Hình như chúng tôi đòi hỏi ở nhau quá nhiều, nên có lúc thất trung. Giờ, nhớ lại, quả thật chúng tôi có bất công với nhau. Đáng ra, phải chấp nhận Bạn-như-Bạn-là. Chữ

không phải Bạn-như-Bạn-phải-là.

Giờ đây. Tôi hiểu ra trong nhiều loại bất công của cuộc đời, thì bất công trong tình bạn là đáng yêu hơn cả. Tôi càng thấm thía điều đó, khi tôi đến thăm mộ Ngự Hữu Ở Chà Bang, tỉnh Ninh Thuận. Mộ Hữu nằm dưới một ngọn núi mà khi tôi đến, những cành hoa mua màu tím nở ngát làm cho núi trở thành một ngọn núi tím.

Tôi và Nguyên Minh thấp một nén hương, nhìn tấm hình bạn trên bia mộ, quanh quẩn vô cùng. Chỉ có những con trâu gặm cỏ quanh mộ Bạn. Những con trâu lui tới nơi bạn an giấc vĩnh viễn, giống như những con trâu ở Vân Dương tuổi thơ bạn chăn dắt. Tôi chảy nước mắt.

Không phải vì Bạn, mà vì những con trâu trong tuổi thơ chúng ta.

Giờ đây, chỉ còn tôi và Lữ Quỳnh, chia với nhau tâm cảnh của thành phố hoa vàng: Có thể, không bao giờ chúng tôi nghĩ sẽ ngồi cạnh nhau ở xứ người, xa hết những bằng hữu tuổi thơ. Bạn vừa lái xe, vừa kể cho tôi nghe về những ngày tháng ở quê người. Về góc phố chờ xe buýt đến sở. Về những buổi mai ra đi rất sớm, ra về rất trễ. Về bữa ăn Việt Nam người vợ mang theo, để buổi trưa hai vợ chồng ngồi ăn với nhau vội vã. Về những sắt se nhớ những người thân ở lại. Bạn cũng nói về sự an toàn trong đời sống mới, sự hội nhập cuối cùng phải có. Để sống. Chứ không phải để tồn tại.

- Còn văn chương ?

- Mình nghĩ mình sẽ viết được.

Vậy là hạnh phúc rồi. Tôi đến thành phố này lần thứ hai. Những trải nghiệm trước một nơi chốn đều mỗi khác. Á

Châu. Âu Châu. Mỹ Châu. Điều quan trọng đối với tôi ở mỗi nơi chốn là tìm thấy những đôi mắt thân yêu. Nếu không, thì nơi đến chỉ là chốn lưu đầy. Tôi nói điều đó với Lữ Quỳnh, và bạn tôi trả lời, giọng nhỏ đi.

- Mình cũng tìm thấy một đôi mắt.

Nhìn nét mặt của bạn, nghe giọng nói của Bạn, tôi hiểu rằng quả thật ở chốn này, bạn cũng tìm thấy một đôi mắt. Dù là đôi mắt mong manh. Đôi mắt muộn màng. Như thuở trước, chúng tôi rất nhạy cảm trước tình cảm của nhau.

Còn đôi mắt của văn chương

Phải, còn đôi mắt của văn chương. Đôi mắt của ý thức? Của mê thức? Của vô thức? Đôi mắt số phận của mỗi người?

Tôi nhớ lại. Cái động lực nào khiến cho chúng tôi ngày ấy ngồi lại bên nhau để cùng bước đi trên con đường chữ nghĩa? Tưởng là chơi thôi. Đâu ngờ đã vấp vào đời mình cái mê hoặc của văn chương trở nên nghiệp dĩ, mang theo suốt cuộc sống thăng trầm cho đến hôm nay.

Cho đến những ngày cuối năm này, bàng hoàng thấy lòng mình buồn vô hạn. Một nỗi buồn lạ lùng mà các năm trước, tôi chỉ nghĩ tới chứ không nhận ra. Đó là sự tỉnh thức cay đắng của cơn mộng văn chương.

Phải, tôi đã làm gì đời tôi?

Thì cũng sống như mọi người, cũng như cỏ cây chim cá cũng vui buồn theo trời đất gió mưa, cũng ngũ uẩn, cũng thất tình, thế nhưng, như mang căn bệnh tâm thần phân liệt trầm kha, tôi còn nghe một tiếng nói, tiếng nói thứ hai ngày đêm vang bên tai tôi.

Nói gì vậy?

Đó là vấn đề.

Để bước tới. Để dừng lại. Hay để nằm xuống.

Cuối năm. Những thao thức kia chợt không rời. Ta đã làm chi đời ta. Không làm gì cả. Chỉ cái Ngã nhỏ nhoi làm vương bận con đường giải thoát.

Nhớ lần cùng bạn đến khu rừng cây hóa đá. Đó là một buổi chiều, mặt trời dần tắt, đặt chân vào khu rừng già có những thân cây ngã dài trong hố sâu, sờ lên thân cây, đúng là đá. Cây đã sống trên ngàn tuổi. Và để hóa thành đá, phải có thời gian trên ba triệu năm. Vậy thì cái cây đang nằm trước mặt tôi có tuổi trên ba triệu năm: So với trăm năm của đời người, thì kiếp người quá ngắn ngủi. Quá ngắn, vậy mà sao nhiều chuyện quá. Lịch sử con người được làm bằng chiến tranh chứ không phải bằng tình yêu thương nhau. Và, vì vậy có phải văn chương là giấc mộng đem con người gần lại với nhau, tử tế với nhau...?

Nhận được bài văn của Hồ Thủy Giũ, viết về cái chết của người vợ, về một khúc nhạc tuổi thơ. Khúc Adagio trong Concerto số 1 của Max Bruch. Có tiếng vĩ cầm réo rất mà chúng tôi cùng nghe ở tuổi hai mươi. Réo rất mà se sắt vô cùng, cùng nghe với nhau, và cùng cảm thấy bị tình phụ.

Tôi đã bước qua tuổi trẻ quá nhanh. Không kịp có một tình yêu. Chỉ có những tuyệt vọng. Một cô gái gây guộc, ngồi dưới ánh đèn vàng sau khuôn cửa sổ, còn chúng tôi đi ngang qua nhà nàng, nhìn vào, một thằng đau khổ, và cả bọn đau khổ theo.

Làm sao quên được những ngày tháng đó, những ngày tháng làm nền cho cơn mê văn chương của chúng tôi. Đến nửa thế kỷ sau, một cây nến trắng trên thành cửa sổ một quán khuya cũng đủ làm đau đớn vết thương cũ chưa lành.

Tôi nhớ Châu văn Thuận, chàng trai lãng mạn trữ tình không có tuổi, với những câu thơ tượng trưng mang âm thanh và nhịp điệu thật lạ lùng. Hình như ngón ngữ thơ của Châu văn Thuận cần người đọc có một tần số chung với Thuận để cảm nhận.

Tôi nhớ Phan Thiết và người con gái áo vàng thuở Châu văn Thuận còn tuổi 20:

Ta thiên nhiên thâm nở nụ hoa vàng
Hồn thảo mộc ngâm ngùi một bóng...

Tôi nhớ những đêm rượu nồng cùng bạn. Những câu chuyện về Đạo, về Đời, về Tình Yêu, và cuối cùng về Văn Chương. Gần Bạn, tôi có cảm giác được thông cảm, tưởng như cùng biết cách bắt đầu và cách kết thúc một trầm tư.

Thế đó nhưng cùng với tuổi tác, cùng với hoàn cảnh, đã hiện ra những khoảng cách. Những khoảng cách tất yếu để nhìn ra nhau. Như cách vật trí tri. Làm sao bạn tôi hiểu được nỗi buồn của những bức phác thảo tôi vẽ về khoảng cách đó, tôi gọi là "hoà nhi bất đồng", đó là lúc kinh nghiệm chia xẻ va vào bức tường vô tri của số phận. Bất khả tư nghị.

Sống, đã là cuộc chia tay. Vậy mà vẫn mong sự ràng

buộc. Một buổi sáng lạnh buốt ở miền Bắc Mỹ, tôi ngồi trên bậc thềm với Đình Cường. Cường lặng lẽ vẽ. Lặng lẽ làm thơ. Tôi nhìn bạn, lòng bồi hồi, tôi yêu mến sự dịu dàng lãng đãng thơ mộng của bạn, của tranh bạn.

Nhờ bạn. tôi biết cầm cọ, biết màu sắc, biết vẽ bức tranh đầu tiên. Và cứ thế tiếp tục.

Người đàn bà mặc áo tím, cô gái 16 tuổi của 40 năm trước, mang lại cho chúng tôi tách cà phê. Một ngọn nến trắng chỉ còn một nửa, ngọn nến đã cháy suốt đêm qua trước thềm nhà, lặng lẽ đêm khuya tưởng niệm những người vừa chết trong cái sát-na oan nghiệt khi tòa nhà cao tầng ở Nữ Ước sụp đổ. Chiếc máy bay đâm thẳng vào. Lửa. Người chết...

Phải, sống đã là cuộc chia tay.

Người đàn bà đưa tách cà phê cho tôi. Nàng vẫn yêu màu tím, vẫn mang màu tím trong lòng từ cuộc chia tay đầu đời. Tôi nói với Bạn.

- Đã gần cuối đường đời, phải biết bỏ bớt hành trang cho nhẹ gánh...

Bỏ bớt những cái bỏ được, kể cả thân xác ta.

Căn nhà người đàn bà yêu màu tím nằm ven khu rừng. Đêm rất khuya, tôi bước vào căn phòng thờ phụng của bạn. Một bức tranh của Đình Cường, tượng Phật, bàn thờ di ảnh của cha mẹ bạn, những ngọn nến im lặng, một thanh kiếm dài đặt ngang trên bàn thờ, ảnh thờ người cha lúc bấy giờ còn rất trẻ. Thanh kiếm chỉ huy của ông. Khuôn mặt người mẹ xinh đẹp, tươi tắn. Đó là những người đã nhìn thấy tuổi trẻ của tôi, đã nhìn thấy tình yêu tôi và bạn ngày hai mươi tuổi, đã nhìn thấy chúng tôi

hạnh phúc và đau khổ, gần gũi và chia xa.

Tôi đứng lặng trong đêm, hình như tôi lúc này là một cái tôi khác, một cái tôi hồn nhiên hơn, tin cậy hơn, đáng yêu hơn và đáng ghét hơn.

Phải bỏ bớt đi hành trang nặng nề. Bỏ đi. Dọn mình. Nhưng giữ lại gì? Biết giữ lại cái gì cho mình, đó là một hạnh phúc.

Dù là hạnh phúc đã mất.

Phải, bây giờ là những ngày cuối năm. Tôi buồn vô hạn. Buồn như khát kiệt tâm hồn. Sự tỉnh thức nào cũng đau đớn. Nhất là sự tỉnh thức muộn màng. Tôi thêm hơi ấm của bàn tay Bạn, tôi muốn chia gánh nặng trong lòng, nghiêng nỗi buồn về phía Bạn. Dù ở tuổi nào trong lòng ta cũng có một đứa trẻ. Đứa trẻ ấy luôn luôn muốn được an ủi, kể cả khi nó chẳng hề buồn.

Trong đêm khuya, tôi một mình. Tôi biết người bạn cũ cũng đã một mình lặng lẽ trong căn phòng này. Bạn đã may mắn có một cuộc sống bình an. Nhìn Bạn như nhìn thấy sự thiện. Tôi nghĩ đến khoảng thời gian quá dài tôi không gặp bạn, thậm chí, có lúc dù cố gắng, tôi cũng không tưởng tượng ra được khuôn mặt Bạn ra sao, Bạn sống như thế nào, với ai, ở đâu. Trong suốt thời gian đó, bao nhiêu tai ương đã đến, nhưng vào lúc tuyệt vọng nhất, tôi vẫn nghĩ tới Bạn, đến đôi mắt tin cậy Bạn nhìn tôi. Và lòng tin đó giúp tôi đứng dậy, bước tiếp.

Bước tiếp cuộc đời, bước tiếp cơn mộng.

Tôi nghĩ đến sự may mắn. Trong chiến tranh, may mắn là viên đạn tránh mình. Trong trại tù, đó là lúc nhiều

năm không được ăn một miếng đường, một hôm đi vô rừng đốn củi bắt gặp một tổ ong mật. Với tôi, may mắn là khi gõ cửa, tôi biết, bên kia cánh cửa đóng, có Bạn. Vậy thì làm sao tôi dừng lại. làm sao tôi không đứng dậy, đi tiếp.

Đi tiếp nhưng đôi chân tôi không còn vững. Tôi không có quyền vấp ngã, vì tôi biết, mình không còn gượng dậy được. Từ đó, bước chậm. Thật chậm. Bước để mà bước, để mà trầm tư về từng bước chân của mình.

Bước đi. Hay bước về. Đồng như nhau.

Phải. Thế hệ chúng tôi không còn trẻ. Tôi nhớ sợi tóc bạc của Lữ Quỳnh ở thành phố hoa vàng. Mái tóc bạc của Hoàng Khởi Phong, của Nguyễn Mộng Giác, của Trần Hoài Thư, của Ngô Thế Vinh. Các bạn đang ở Mỹ, vẫn tiếp tục con đường chữ nghĩa. Còn ở đây, râu tóc của Hồ Thanh Ngạn năm nay bạc nhiều. Ngạn vẫn hăng say làm thơ, lập ngôn, nồng nhiệt, với quả tim trẻ trung. Đỗ Hồng Ngọc cũng chẳng hơn gì tôi, nói như Trịnh Công Sơn:... về thu xếp lại. Thậm chí người trẻ nhất bọn là Lê Ký Thương, tóc cũng đã muối tiêu. Chỉ còn tranh bạn, nỗi hoài cảm về tuổi thơ là còn trẻ.

Ô tại sao tôi lại nói về những mái tóc. Bạc tóc. Còn bạc lòng nữa - như câu hát của Phạm Duy trong bài "Thuyền Viễn Xứ": Ru con bạc lòng...

Có phải tôi cảm động nhìn thấy Nguyên Minh năm vừa qua đã già đi nhanh chóng. Giờ đây, Nguyên Minh vẫn mang tấm lòng nhiệt tình cầm bút. Anh viết nhiều.

Mỗi buổi sáng anh ngồi trước máy vi tính, gõ nhịp chậm rãi những ý tưởng của mình. Những hồi ức về người cha, về thị trấn khô, về mối tình đầu, về mối tình cuối, về

người vợ hồn nhiên tốt lành...

Anh không thao thức về văn chương. Viết, đối với anh, như ăn, như thở, như bệnh, như đau bụng, như ói mửa. Anh không suy nghĩ về văn chương, anh làm văn chương. Đó là tâm cảnh mà tôi không có.

... Cuối năm, nỗi buồn cuối năm khi nhìn lại mình. Những hoang mang về con đường mình đi. Những hoài bão về văn chương như ngọn lửa, lửa thì không còn, chỉ còn tro than. Rồi chỉ còn tro mà thôi. Than cũng tắt.

Tôi nghĩ đến những mái tóc bạc của các bạn tôi. Bạc tóc. Và bạc cả lòng nữa. Chưa hẳn là bạc bẽo. Chẳng qua chỉ là cuộc chia tay với chính mình. Ta phụ tình với ta. Ta bạc lòng với ta. Lửa đã tắt thật rồi. Tro than cũng không còn. Còn chẳng, chỉ là một sợi khói phù du...

Một sợi khói thôi, mà nặng lòng nhau... Ngày trẻ, tôi đã từng viết như vậy.

Bây giờ thì tôi hiểu rằng, không phải chỉ nặng lòng nhau, mà còn phiền lòng nhau nữa.

Tôi ngồi trong một góc phòng trên lầu cao viết những dòng này, lòng buồn vô hạn. Hằng đang ngồi vẽ dưới bếp. Người bạn đời của tôi còn trẻ, khi đến với Bạn, thì lòng tôi đã mùa thu. Khi mở lời thu ngổ ý tim, mùa Xuân trên má thẹn êm đềm. Ôi, một câu thơ bay bướm đầy âm thanh và chữ nghĩa. Tôi bước xuống cầu thang, nhìn Hằng ngồi trước giá vẽ. Nhìn bạn vẽ, bao giờ tôi cũng xúc động. Bàn tay ấy nuôi con, nấu ăn, vẽ. Tôi đứng sau lưng bạn, nhìn cái lưng bạn đã bắt đầu cong xuống dưới thời gian, tôi nhìn con cá đỏ trong tranh bạn. Màu đỏ

cam, có vài vết trắng ngang thân. Cá bơi trong hồ, có nhiều rong biển, sữa, hải quỳ...

Tôi nhớ rồi, cảnh đó là những con cá trong bảo tàng viện ở Chicago. Bạn vẽ những gì bạn thấy, bạn yêu, Như dòng sông Colorado nhỏ xíu, có chút ánh sáng xanh lục chảy giữa thung lũng đá. Như cây sồi khô cằn trên bờ vực ở Grand Canyon. Bạn vẽ đơn giản, vì bạn yêu thiên nhiên, và bạn làm cho thiên nhiên qua tâm cảnh bạn là một thiên-nhiên-của-bạn. Một cõi riêng...

Nhìn Bạn cặm cụi say mê trong đêm, tôi se sắt. Người phụ nữ đã cộng nghiệp với mình. Cuộc sống chung dễ chịu vì mỗi người là một cõi riêng, như tranh vậy, nhưng vẫn chung, như chung một palette màu sắc.

Không thể tưởng tượng ra một đời sống khác, không có bạn.

Quả thật, tôi không còn trẻ. Tôi mỗi một. Đôi khi, nỗi buồn cũng hòa nhập vào nỗi một mỗi.

Phải, lửa không còn. Than cũng tắt. Chỉ còn tro thôi.

May ra còn một sợi khói phù du bay hoài trong trí nhớ.

Như những dòng Tự Tình này.

XII 2001.

Làm thơ thời chiến

Cao Vị Khanh

Năm 72, lệnh đôn quân. Học trò giữa năm đệ nhị đệ nhứt quá tuổi ấn định được gọi trình diện Trại nhập ngũ số 4...

Mấy đứa con trai mặt mũi non choẹt, thẳng đứng đứng

đứa meo máo cùng với ông thầy trẻ chênh lệch chừng mấy tuổi kéo nhau ra quán bày tiệc-bồ-đào. Rượu vào lời ra. Và thơ ra luôn. Ngày mai em xa trường. Chiều nay uống rượu sông. Em mời tôi quán nhỏ. "Đô ", thầy. "Đô ", lệ tuôn.

Không khí bữa đó đã chờn vờn đâu sẵn mớ dấu hiệu phong ba. Mấy trận đánh lớn ở Quảng trị, cao nguyên và vùng ba từ vài tháng trước như còn thổi tạt mùi khói súng khét lẹt xuống tận mấy cái khu phố đồng bằng vốn yên tĩnh như mặt nước biển của một vùng vịnh kín... Chiều gần tắt mà nắng còn vàng lấm lớt thướt trên mấy đợt sao thưa. Quán là một căn nhà vách ván lợp tôn được ngăn ra làm hai. Một nửa trước được chủ nhân kê mấy bộ bàn ghế cũ, ọp ẹp làm nơi tiếp khách. Và nửa sau độ chục thước vuông làm nơi ăn ở cho gia đình gồm hai vợ chồng và hai đứa con. Người chồng là thương phế binh, giải ngũ với cánh tay cụt. Người vợ, khuôn mặt lúc nào cũng đỏ hồng vì lửa củi, đôi khi vừa nấu nướng vừa chần giữ hai đứa con nhỏ. Quán còn một cô gái nửa tỉnh nửa quê làm chiêu đãi, đi ra đi vô bưng dọn, thỉnh thoảng nháy nháy con mắt hiền khô liếc tình mấy chàng chuẩn-chiến-binh mặt mày còn búng ra sữa. Hẳn cô đâu biết chiều nay cái quán nhỏ xập xệ của cô bỗng trở thành một thứ quán biên đình, chỗ chia tay hão hớn !

Sau mấy tuần rượu nếp than đỏ quạch, bữa nhậu chỉ còn là một cái cốc. Học trò có đứa mới uống rượu lần đầu bắt đầu khóc, có đứa lì hơn không khóc mà con mắt bỗng dưng hiền khô như mắt nai. Từ quây thu tiền, cái radio-ấp-chiến-lược vừa phát ra bản tin chiến sự trong ngày. Lại ... quân ta vô sự, địch bỏ lại mười... con.

Ông thầy có một lúc cũng không nhớ mình làm thầy, gặt gù cụng ly rồi lảm nhảm mấy câu thơ tàu cho học trò mình nghe... khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương quan vô cố nhân... Học trò nửa hiểu nửa mù mờ cũng gặt gù làm ra vẻ thắm lắm, ngửa cổ nốc ực cái ly cối bụi tổ chẳng... làm trai thời chiến... anh đi quân dịch là thương nòi giống...

*Ngày mai em xa trường
Chiều nay uống rượu sông
Em mời tôi quán nhỏ
Dô, thầy. Dô, lệ tuôn*

Vậy đó, có một thời người ta sống giữa cái chết. Và người ta làm thơ. Mà thơ tận tình. (cho tới bây giờ, tui vẫn khoái mấy câu thơ đó của tui ! (?) ai không chịu thì ráng chịu ! (?). Mà chỉ lần này thôi, rồi bỏ)

Đọc lại trong TQBT số 20, ông Trần Hoài Thư chắc là khoái trá lắm khi nhắc đến mấy câu thơ của Nguyễn Bắc Sơn về cái chuyện sáng sớm đi kích về, ghé quán vệ đường khi quần áo trần còn nhầy nhựa mùi sương, ngồi ghéch chân lên bàn, vừa nhấm nháp cái vị đắng đắng của cốc xây-chùng vừa hít hít cái mùi khen khét của khói thuốc Ruby-quân-tiếp-vụ... mà biết mình còn sống... (dĩ nhiên lần lần trong đó có chút niềm vui nào khi thấy cuộc sống chung quanh vẫn tiếp diễn bình thường sau một đêm căng cứng trên đầu súng mình canh giữ)
*Người lính đêm qua đi kích về ghéch chân lên ghé
Chiếc xe chở những ổ mì vàng nóng hổi
Cười nụ cười đầu tiên trong ngày*

Và bật que diêm hút thuốc (NBS)

Sao tôi yêu cái hình ảnh đó quá. Ghếch-chân-lên-bàn. Nó kiêu kỳ một cách lặng lẽ. Nó du côn một cách thi vị. Và nó lãng-mạn-tiểu-tư-sản một cách hồn nhiên. Và que diêm. Và khói thuốc. Và mặt trời sẽ mọc. Và một ngày sẽ đến.... Nghĩa là tôi chưa chết. Nghĩa là cuộc sống còn đó với đủ thứ mật ngọt và thuốc độc, còn đó với đầy đủ môi hôn (môi hôn sắp tới sẽ khít khao hơn) và tay nắm (tay nắm lần tới sẽ ghệt riết hơn), còn đó với đầy đủ chuyện như ý và chuyện trái ý, chuyện trong sạch và chuyện tham nhũng, chuyện anh hùng và chuyện cà chớn nghĩa là còn đủ thứ hăm bà lằng xắn cấu chuyện đáng nói và không đáng nói... mà còn chuyện gì nữa ở đằng sau những thi ảnh quen thuộc đến tầm thường mà lại thật hơn bất kỳ thứ lý tưởng nào được kê trong những tuyên ngôn lằng nhằng như toa thuốc bắc (tiền đồn chống cộng, chiến sĩ tự do... kể cả Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc dù có được viết hoa thiệt bự). Đối cái huy chương anh dũng bội tinh với cái bữa điểm tâm sơ sài đó, chắc có người không đổi. Tôi biết đối với một người thường(chữ "thường" được hiểu như là.... thường) thì cái chuyện uống ly cà-phê buổi sáng cũng sẽ đặng đặng mà trưa trưa chiều chiều thì ly cà-phê cũng đặng đặng y chang. Còn lại cái loại thi sĩ thì là cái giống khác. Cho nên hai ông Trần ông Nguyễn, có cái buổi sáng sớm y như trăm ngàn buổi sáng khác, vẫn tìm ra trong đó một vị thơ.

Gọi cốc cà-phê un khói gió

Mấy thằng râu tóc chum thanh xuân

Vách trống, sát vào nhau đỡ lạnh

Trời ngoài kia sương phủ mệnh mông (THT)

Cà-phê ở đâu, thời nào cũng là cà-phê. Mà sao cà-phê trong thơ thời loạn lạc đó nghe ra nó phê mút chỉ. Thì cũng chỉ là loại cà-phê bí-tất trong một góc quán vệ đường, thứ quán xá mở cửa thật sớm cho những người mất ngủ (dân lao động, gái giang hồ, lính tráng... trở về sau những cuộc mần ăn đêm). Chỉ khác cái chỗ cà-phê ở đây không ướp va-ni-nước-cốt-dừa, không trộn xác cau khô hay pha chút sái nhựa, cà-phê này lại đi un-khỏi-gió.... thứ gió Lào khô khốc, thứ gió chướng thổi bung tóc mai dựng đứng tóc gáy, thứ gió bắc cắt xương, thứ gió khắc chạm lên mặt người nổi đau của đá... cho nên cà-phê, chất cà-phê-thi-vị đó trở thành một chất xúc tác huyền nhiệm làm bật dậy cuộc sống, như để dẫn xuống một đêm (tai ương) vừa qua và chào đón một ngày (hy vọng) sắp đến. Chất cà-phê pha loãng mà nghe đặc quánh hơi thở nhịp tim của những người trở về từ cõi chết.

Thôi, chắc lại sắp về rần thêm chân...

Có điều trong suốt kỳ tranh đua quá ác đó (tính luôn cả hai bên nam bắc với lại mớ đồng-minh-da-trắng-đồng-chí-da-vàng đó) có mấy ai làm thơ ngông nghênh mà hiền như cục đất vậy chưa

Mai ta đụng trận ta còn sống

Về ghé Sông Mao phá phách chơi

Chia sớt nỗi buồn cùng gái điếm

Đốt tiền mua vội một ngày vui (NBS)

Nghe mà thương ới là thương cái đám lính tráng thời loạn đó. Đi trận mà, cực khổ thấy mồ, chết chóc lằng xẹt, lại không biết lần này về lần tới còn về không nữa, thì thôi ghé xóm thăm-dân-cho-biết-sự-tình một phát cho chắc ăn, rồi ra sao tính sau. Cái nhân sinh quan đó, nếu gọi

được là nhân sinh quan, nghe nó vừa chịu chơi vừa bi quan quá thể... Tại vậy thơ đọc thì nghe vui mà lòng thì nghe ra mấy nỗi ngậm ngùi. Có phải chính sự bức bách của tình thế (thời loạn) đã làm thơ ra nỗi ấy. Tuy nhiên cái điều kỳ diệu là dù có bi quan cách mấy thì vẫn còn đó sự lạc quan tuyệt vời đã làm thơ nhìn thấy những điều khó thấy trong cuộc chiến-tranh-mà-mất vừa qua

Cô hàng ơi cho một ly không

Tôi rót mời một người lính Bắc

Hắn nằm banh thây dưới hầm bí mật

Trên người vẫn còn sót lại bài thơ (THT)

Bài thơ trên xác kẻ địch! Thi ảnh đẹp đến rợn người. Thử tưởng đến cảnh máu me tùm lum, thịt thà nát bấy... mà đầu đó lấp ló tỉnh bơ một trang thơ mới làm (thơ, trời xanh mây trắng; thơ, nhớ mẹ nhớ cha; thơ, hoa bướm rủ ren; thơ, nhớ bồ nhớ bạch...) Cảnh như vậy đã có xảy ra(1). Vấn đề là làm sao cho con mắt thấy. Và làm thơ cũng từ con mắt nhân ái đó, phải không ?

Hỏi khắp cả bộ đội xẻ-dọc-Trường-sơn-di-cứu-nước (kể cả anh nuôi chị nuôi tập kết nằm vùng...) có ai trong suốt cuộc chiến-giải-phóng-thần-thánh vừa qua đã lần nào nhìn thấy trên khuôn mặt xác chết lính miền nam một cái gì thân thiện, đồng chủng, "bức xúc" hay chỉ thấy toàn ác-ôn-mỹ-ngụy-mặt-xanh-nanh-vàng, dù người chết đã... chết? Hay có mà không dám nói ra? Hay chỉ mới chợt nghĩ là đã hốt hoảng lảng qua chuyện khác vì sợ lập trường chao đảo, sợ xuống-cấp, trăm thứ sợ làm tê liệt thần kinh như con chuột xuống lơ trước cặp mắt thôi miên của loài rắn độc.

Nhớ cái thời sau 75, ở miền nam nghe loáng thoáng người ta nhắc hai câu thơ của ai đó (ai mà biết, mà lỡ có

biết thì có đường tác giả đi cải tạo mút mùa) . Thơ, thơ lắm chớ. Mà không ai nhận (ai mà dám nhận!) đành bỏ làm thơ hoang. *Đôi dép râu buộc chặt đời trai trẻ. Nón tai bèo che kín cả tương lai.*

A thì ra vậy.

Có lúc cái đám bộ đội tình-nguyện-xung-phong đi B hay cái đám du kích khăn rằn cũng hơi hơi, hay xém xém lao chao chút đỉnh. Nhưng rồi đường lối chỉ đạo vừa sâu vừa sát, vừa át vừa ép nên cả đạo quân viễn chinh vẫn tỏ lộ trên dưới một lòng, cả ngày đêm chỉ khẳng khẳng nói quyết tới cái chuyện ô-m-bom-ba-càng hay lấp-lỗ-châu-mai... thành ra cả mấy chục năm đóng-chốt trên chiến trường miền nam không nghe ra được một tiếng thơ nhân ái....

Tại vậy làm sao tôi không vẽ rắn thêm chân cho đành, những bài thơ được làm trong một thời chiến trận mà hồn thơ không vương chút xíu hận thù.

Hãy đọc lại thử coi.

Có phải câu hỏi của Tô Thùy Yên trong Chiều trên phá Tam Giang vẫn mãi là ngón tay tra vấn gở hoài lên tấm cửa định mạng cứ đóng im ỉm.

Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng,

Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm

Có cùng gom góp lại

Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu?(TTY)

Câu hỏi đẩy sự bất lực của bậc-vương-tôn-miền-trí-tuệ đến chỗ cực cùng trước nổi hung hãn bất kể của thiên-địa-bất-nhân.

Đọc lại coi, Nguyễn Bắc Sơn, kẻ-sĩ-xuân-thu đầu thai nhầm lúc nên đi đánh giặc mà như đi rong thuyết khách,

giận-đời-ghê-những-bàn-tay-bắn-đưa-đẩy-người-trong-
cát-bụi-mù. Làm sao, làm sao giữa cái thời bom đạn hỗn
mang đó mà có người nhìn ra cái kẻ hở vu vơ, thơ mộng
tối lành như tâm Phật

Một ngày chúa nhật phơi giày trên

Ta bỗng tìm ra một vết thương

Vết thương bằng bạc như là khói

Ngưng đọng nhà ai ở cuối đường (NBS)

Vết-thương-như-là-khói. Ấn dụ bao nhiêu, bao dung bấy
nhiêu. Vết thương không còn là dấu tích của thù hận.
Vết-thương-thành-khói-bay-đi phải chăng chính là niềm
ao ước xóa-bỏ-hận-thù ngay từ lúc hận thù còn được cổ
động như phương tiện của chiến tranh. Ước vọng đó có
thật trong lòng người miền nam ngay trước thời bại trận.
Phải chi lịch sử đổi ngược lại không chừng khỏi phải kêu
rêu ra rả tới bây giờ.

Kêu ra rả tới bây giờ như tiếng quạ gọi âm hồn đội động
u u giữa vòm đêm lịch sử mà vẫn không xóa được nỗi
oan ức của một dân tộc bị lường gạt

Lũ quạ trốn đi từ dạo ấy

Để giờ đây kêu động rừng phong

Quạ gọi bầy tháng năm tháng bầy

Sao ta gọi bầy thăm thăm mù tằm (THT)

Làm thơ là đem tấm lòng thiên cổ độ với nhân gian. Thì
sá chi chuyện chim sẻ mà làm bợn lòng hồng học. Chiến
tranh dẫu ba mươi, năm mươi năm vẫn là giai đoạn.
Đánh giặc là chuyện đoản kỳ. Làm thơ mới là tính
chuyện mai hậu. Sống trong thời buổi chiến tranh, làm
thơ hẳn không tránh khỏi lòng thông phe kia phái nọ.
Mà điều để cho thơ mang tiếng bất nhân âu cũng là điều

bất nhân lắm vậy.

Cũng may, ngay trong thời chiến trận đó, vẫn còn những bài thơ làm với mấy tấm lòng đã sống vượt quá cái thời giặc giã.

(1) Mới đây có nghe tin cả nước vừa khám phá ra bộ nhật ký rất thương tâm của bà Đặng Thùy Trâm, bác sĩ bộ đội từ bắc vô chết trận trong nam. Cả nước đọc được muốn khóc ròng. Cũng may nhật ký được cất giữ ngoài nước và đem về nước trễ ba bốn chục năm. Nếu phát giác sớm hổng chừng cũng đã cháy rụi trong ngọn lửa phần thư mấy chục năm qua.

Trang viết về Võ Hồng ngoài nước & trong nước



1.

TRẦN HOÀI THƯ • NGUYỄN VY KHANH • LÝ
KHÔNG MINH • LƯƠNG THƯ TRUNG •

2.

TRẦN HUYỀN ÂN • LÊ VĂN THIỆN • NGÔ
VĂN BAN •

3.

TRẦN HOÀI THƯ • NGUYỄN THU TRÂM •
NG~• Ý KIẾN ĐỘC GIẢ •

Trần Hoài thư

Tản mạn về Võ Hồng

I.

1. Thành thật mà nói, hồi ấy (trước 1975), tác phẩm của Võ Hồng ít để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của tôi như *Một Thời Để Yêu* và *một Thời để chết*, hay *Mặt Trận Miền Tây vẫn Yên Tĩnh*, hay những tác giả như Phạm Công Thiện, Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn, Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh, Dương Nghiễm Mậu hay những ca khúc của Trịnh Công Sơn ...vân vân và vân vân...

Bởi tác phẩm của VH ít đề cập thẳng về chiến tranh và những suy nghĩ, thao thức của một thế hệ mà nhà thơ Viên Linh trong những số Khởi Hành mới đây, luôn luôn cho là thế hệ bị *thiệt thời* khi ông cho đi những sáng tác của những cây viết trẻ của miền Nam trước 1975.

Có lẽ không phải chỉ một mình nhà văn VH mà cả những tác giả đàn anh đáng nể của chúng tôi thời bấy giờ như Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ hay Võ Phiến v.v.... Họ cũng ít đề cập đến thế hệ đàn em của họ trong lò nung của lịch sử. Nếu có đề cập chẳng, có lẽ chỉ là kinh nghiệm của bản thân họ về lịch sử.

2. Cho dù, có nên nói ra đây, về những giọt máu đã đổ xuống trên Bình Định, Quê Nhà mà nhà văn Võ Phiến đã viết về. Xin cứ nghĩ vũng máu kia là của bất cứ một người lính nào khác, rất vô danh. (dù rất thành thật, vết thương cũng hành lắm. Thề xác và cả tinh thần). Nhưng

có điều, xin hãy thông cảm dùm những người vừa cảm sung và vừa viết thời ấy.

Tôi bỗng liên tưởng đến cái nhìn ái ngại và thương cảm của nhà văn Võ Hồng cách đây hơn 35 năm, trong chuyến phép xuất viện sau lần bị thương thứ hai tại Bình Định:

"Tôi có quen bạn bè nào cứ kêu họ đến đây trò chuyện với moi. Moi rất cần kinh nghiệm và chất liệu của anh em trẻ...". Đại ý là vậy...

3. Bài phỏng vấn của tôi với nhà văn Võ Hồng mà TQBT số này đi lại đã đăng trên tạp chí Văn năm 1969 đã được thực hiện trong khoảng thời gian đi phép xuất viện này.

Cuộc phỏng vấn có lẽ được bắt nguồn từ một cuộc trò chuyện về tình trạng sinh hoạt văn học nghệ thuật lúc bấy giờ. Truyện vừa của tôi *"Nụ Hoa Vàng Bên Kia Sông"* viết về thời thơ ấu lúc mà những huyền thoại về những người cha anh đi kháng chiến chống Pháp đã khiến một cậu bé phải theo dệt những cơn mơ, đã bị cấm xuất bản. Tương tự cho truyện dài *Như Cánh Chim Bay* của Võ Hồng. Nó cũng lấy bối cảnh không gian thời gian vào giai đoạn kháng chiến chống Tây của dân tộc. Chúng tôi, thuộc hai thế hệ, nhưng cùng một cảnh ngộ. Tôi ngờ ý trước. Tôi ao ước bài phỏng vấn là một nhịp cầu giao cảm giữa độc giả và tác giả cũng như muốn chia sẻ với ông về nỗi đau khi một đứa con tinh thần bị cấm "ra đời". Và ông đồng ý.

Mới đây đọc bài nói chuyện với nhà văn Võ Hồng đi trên một tạp chí trong nước(Văn Nghệ, Bộ mới số 41, năm 2000), thấy ông nhắc lại bài phỏng vấn năm xưa: *"Và trả lời nhà văn Trần Hoài Thư ở đề mục Thời Sự Văn Học: "...Thế hệ thanh niên Miền Nam chúng ta được biết bao nhiêu về giai đoạn kháng chiến đó ?"*

Lòng chợt ngậm ngùi. Cách đây hơn ba mươi lăm năm, ông hỏi tôi câu đó, và bây giờ đến phiên tôi. Có điều thế hệ ông ít ra là thế hệ may mắn. Thế hệ của Đồi Bùn Nhất Linh. Thế Hệ của Như Cánh Chim Bay hay Nhẹ Hơn Cơn Gió Thoảng của Võ Hồng. Thế hệ ngẩng đầu vì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Còn thế hệ tôi ? Có phải là thế hệ thiệt thòi nhất. Có phải vậy không?

4. Hình như những mảng nắng đã ngã bên kia đường. Khúc đường Hồng Bàng ấy, ông sống hiu quạnh và cô đơn. Có lẽ chúng ta chỉ hiểu vậy, nhưng không biết có "cảm" như nhà văn đã cảm về nỗi cô đơn khủng khiếp này không.

Hình như căn nhà cận kề là nhà Mỹ thuê, để ông suy tưởng và lấy bối cảnh dựng nên tác phẩm Gió Cuốn để nói về một xã hội băng hoại xuống dốc...Những hình như để nói về cuộc đời quả thật lạ lùng.

5. Vâng. Như hôm nay tôi đang ở Mỹ xa ông ngàn trùng. Chỉ có ông là ở cùng một chỗ cũ, và cái bóng của ông vẫn hắt hiu in bên khung cửa sổ. Ngày xưa, chúng tôi tìm nhau trong tình văn chương chữ nghĩa. Khi phỏng vấn ông, tôi chỉ nêu những câu hỏi về văn học, về những điều mà độc giả cần biết, và nhất là về những điều mà tác giả cần nói cho độc giả biết. Có thể ông mượn người

phỏng vấn để tâm sự. Nhưng mới đây, đọc bài phỏng vấn của Đặng Ngọc Như trên tờ Văn Nghệ, mới thấy tại sao ông lại cất dấu bên trong tâm tư của ông một cái gì đó rất đối cay đắng để bùng lên phần nộ ?

Xin được trích lại một đoạn phỏng vấn với câu trả lời của VH đi trên tạp chí Văn Nghệ, cơ quan của Hội Nhà Văn (?) :

Hỏi: So với 20 năm trước đó, 20 năm qua ông viết ít hẳn đi. Ông lý giải thế nào về điều này ?

VH: Khách quan, ông cũng lý giải được. Ngoài vài lý do này hay khác, có lý do tuổi tác, có lý do... Uở, đã nói dư sức lý giải rồi mà sao còn muốn ba hoa nữa ?

Rõ ràng người phỏng vấn đã đóng vai trò khác hơn là vai trò một người hỏi về văn học. Ông ta đã dồn VH vào chân tường, cố dụ VH vào cái bẫy nguy hiểm. Có nên trả lời về một sự thật mà ai cũng hiểu, nhưng không dám tỏ bày ? Tôi tưởng tượng người hỏi lúc ấy ngượng ngùng như thế nào !!

II.

1. Có thể nói, trong những số chủ đề mà chúng tôi thực hiện, chủ đề viết về VH là dễ dàng và ít tổn thì giờ hơn hết. Không phải dễ dàng ở những bài vở viết về VH quá nhiều trên các website để chúng tôi có thể tha hồ đem xuống xử dụng. Chúng tôi không dùng lối này, trừ bài phỏng vấn của THT vì chúng tôi là tác giả. Sự đáp ứng đầy cảm động của những bạn bè trong và ngoài

nước, có người đang mùa gặt, bỏ công lặn lội đi tàu lửa, xe đò về gặp ông; có kẻ lao khổ trên rẫy nương, gió nổi nam rất mặt, viết về ông; người bỏ dạy về quê làm ruộng viết về ông. Người ở tù cải tạo chưa tròn 3 năm không có cơ hội đi Mỹ theo diện HO cũng viết về ông. Những bài viết mới chưa hề xuất hiện ở báo nào dù trong hay ngoài nước. Những tư liệu, hình ảnh cung cấp quá nhiều, đủ biết là tình thương mến của những người thuộc thế hệ đàn em của ông dành cho ông là to lớn đến chừng nào.

Và chính những anh em cầm bút cũ ở trong nước đã đề nghị chúng tôi làm số chủ đề này. Như các chủ đề Y Uyên, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Nghiệp Nhượng vừa qua.

Để bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về con người thật của Võ Hồng đăng sau những trang chữ sáng tác, xin được trích lại một vài đoạn trong những lá thư mà ông gửi về một người học trò cũ ở Mỹ. Đây là tư liệu quý hiếm mà chúng tôi có được từ sự ân cần thương mến của độc giả TQBT. Đồng thời chúng tôi cũng xin được đi lại tấm hình chụp căn phòng ngủ để chúng ta được thấy về cảnh một nhà văn lão thành 84 tuổi phải sống như thế nào sau bức vách tường ấy. Hình do nhà văn Lữ Quỳnh gửi tặng. Ông bảo mấy mươi năm ông vẫn sống như vậy, giường chiếu gối ngang sách vở, bình thủy, khay cơm, ly tách, ba bốn cuốn sách dày cộm ở dưới chân giường. *"ở một mình lúng túng đủ mặt, nhất là về sau này khi tuổi mình càng cao. Cô nhắc đến sự vá áo ! Thì mới 3 ngày trước đây tôi làm gãy một cây kim khi vá. Bộ pyjama mới mở ra bện, cái cổ hở, sợ gió ho, muốn tra thêm cái nút bóp*

nhưng kiếm cái vĩ nút chẳng biết bỏ lạc đâu. Tìm cái kim gài thì xiêu lạc đâu hết...(thư viết vào Mùa Vu Lan 2000) hay "...Có hôm thầy nói với một cô học trò cũ: thầy phải tự tay vá áo. Có cuộn chỉ, cây kim để thường trực. Mà sao bây giờ trí nhớ lộn xộn... vá xong phải xoay quần sợi chỉ quanh cây kim mấy vòng rồi mới cắt..."

"Hiện thầy sống một mình. Đứa con trai ở Berlin. Hai đứa con gái ở Paris. Thầy kêu một đứa cháu họ (mà mẹ nó là bà con bạn Dì) đem gia đình tới ở nhà thầy. Nhờ nó sẵn bữa nấu cơm dùm luôn...Chỉ lo dùm có mâm cơm còn giặc dữ thầy tự lo, mọi việc đều tự lo (trích thơ 14.11.00) Thơ nào ông cũng kể là ông ít khi bước ra ngoài đường, Ông như một lão nhà quê giữa một xã hội đầy những cơn lốc.

Đó là những trang viết tay rất nắn nót. Đầu mỗi lá thư, góc trái, ông đều vẽ một nhành hoa rất sơ sài bằng bút mực màu, chứng tỏ, lúc ấy, tuy tuổi đã sắp vào 80 khi ông viết thư, tâm hồn ông vẫn còn lãng mạn và đa cảm. Có thư ông khuyên học trò của ông *"những lúc buồn cô đơn XH hãy sáng tác thành những bài thơ. Tiêu khiển quên cái Buồn vừa ghi lại dấu vết của Thời Gian. Thầy có kinh nghiệm tiện nội ra đi, thầy tìm quên nhờ ngòi bút..."*(thư ngày 10.4.2000) Có lá thư ông dạy học trò ông (dù người học trò ấy đã trên 60) về cách làm thơ thất ngôn, hay chỉnh lại một lỗi chính tả nho nhỏ bằng một câu rất thân mật dễ thương : *Thầy phạt em bị bệnh đấy* . Có thư ông kể về niềm vui có cô học trò cũ bây giờ là ni cô đến thăm ông:

...Và vui nhất là mỗi khi có ni-cô tới thăm, thầy tiễn ra cổng và thầy nói:"Nè, cho phép thầy chấp tay cúi đầu xá thật sâu, xá tới 4-5 xá. Chung quanh ở 2 bên đường có

nhieu người đang nhìn chúng mình. Họ sẽ kính trọng các ni cô tu sĩ khi thấy thấy tôn trọng một ni-cô trẻ như em... (thư ngày 10.4.2000)

Một điều đặc biệt là ông luôn luôn nhắc về một người nữ tên là Marie PDB, tức là Marie Phan Diệu Báu:

...Tôi thì ngẫu nhiên thấy nơi bìa tấm lịch to có in hình màu của một cô...tôi thấy có nét giống Marie PDB vợ tôi. Tôi treo. Cảm động là có mấy học sinh cũ (nay đã trên 60) la lên: trời ơi, sao giống cô quá. Và khi xem cuốn phim Trung Hoa, có hình Tống Khánh Linh vợ của Tôn Dật Tiên khi đi qua Nga, tôi thấy có những nét của Marie PDB...(thơ gởi từ Nha Trang, mùa Vu Lan 2000)

...XH ơi, thầy nhớ Marie Phan Diệu Báu của thầy (Thư ngày Rằm tháng chạp Canh Thìn)

...Cảm tạ lời chúc của HN. Luôn luôn mùa Xuân làm VH cô đơn. Ghét hộp mực. Ghét dưa món. Chỉ thương có Marie Phan Diệu Báu. Nhưng nàng đã ra đi... (thư 12.2.2001)

2, Nhà văn Võ Hồng sinh năm 1921, có nghĩa là năm nay, ông đã được 84 tuổi.

Dù người khen kẻ trách, có lẽ ai cũng công nhận về sự đóng góp của ông trong lãnh vực văn chương chữ nghĩa là quả phong phú dồi dào.

Tác phẩm ông trước sau vẫn ca tụng tình yêu chung thủy, tình yêu quê hương, cái đẹp của tâm hồn, cổ xúy đạo nghĩa, ca ngợi và mang lại niềm tự hào của thế hệ ông

trong thời kỳ chống Pháp, không kích động hận thù, không xúi dục kẻ khác lao đầu vào cỏi chết.

Có phải đó mới là *nhân cách của văn chương* như tác giả NG~ đã viết trong số này ?

3.Càng về già, người ta thường hay nhìn lại quá khứ của mình. Ví dụ nhà thơ Chế Lan Viên nhìn lại những giòng chữ cũ bằng một niềm hối hận:

Người lính cần một câu thơ

giải đáp về đời,

Tôi ú ớ.

Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong

Mà tôi xấu hổ.

Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay

Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ

Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười

(trích Ai? Tôi? của Chế Lan Viên)

Còn nhà văn Võ Hồng ? Trong một lá thư khác, ông nhìn lại những tác phẩm của ông, không phải hối hận hay ú ớ, mà trái lại là sự tha thiết của ông đặt lên những hình bóng cũ qua những nhân vật hay nội dung tác phẩm:

... Cả vài tháng nay phải ngồi đọc lại những cuốn sách đã xuất bản ...sửa chữa những chỗ in sót in sai, những chỗ bị kiểm duyệt bỏ... Nhiều đoạn đọc lại, nhớ nhân vật đó là hình ảnh dụ dàng của ai...nay phiêu dạt nơi đâu, cuộc sống thế nào. Nhiều lúc khóc âm thầm, khóc tự do,

bỏ trễ bữa ăn (vì ăn một mình) bỏ trễ giấc ngủ (vì ngủ cũng một mình). Có hôm mở những tập album nhìn những học sinh, đứng chụp hình trước cửa lớp..." [thư ngày 10.4.2000]

Có phải điều này đã nói lên về cái pháo đài cô độc của ông như ông đã kể trong một lá thư gửi người học trò cũ ở Mỹ:

"Tôi vẫn như xưa không màng Danh Lợi, một mình thui thủi gần như không bước chân ra đường...cho nên NhaTrang thay đổi xinh đẹp ra sao...tôi như tên nhà quê ở mãi Lỗ Lươn Lỗ Sấu không biết gì hết" (thư ngày 15.1.2000)

Nguyễn Vy-Khanh

Nghĩ và viết về Võ Hồng trong mắt mắt

Sau biến cố 30-4-1975, ở trong nước sách báo miền Nam tự-do bị tịch thu và tiêu hủy, gần như toàn bộ các tác-giả bị cấm; ngoài nước thì các nhà xuất-bản như Sống Mới, Đại Nam, Xuân Thu đã in lại bằng cách chụp lại các ấn-bản có được hoặc chụp lại từ các thư viện Hoa-Kỳ như thư viện đại học Cornell ở Ithaca, NY và Library of Congress ở Washington D.C. Các sách in lại này rất kém về kỹ-thuật lẫn nghệ-thuật và được bày bán trước

hết ở các tiệm tạp-hóa bên cạnh các tờ báo rất đơn sơ lẫn lộn xuất hiện mà tiếng Việt phải đánh dấu bằng tay và cạnh những chai nước mắm, gói phở khô mà phẩm chất cũng rất kém - cùng tình trạng với món ăn tinh thần nói trên. Đa số tác-phẩm của Võ Hồng đến với người đọc hải-ngoại ngay sau 1975 đều qua con đường đó! Từ những năm 1986, tác-phẩm Võ Hồng được tái bản, xếp chữ lại và hình-thức đẹp hơn với các nhà xuất-bản Văn-Nghệ (CA), An Tiêm (Paris).

Ngay sau khi ra đến nước ngoài tị-nạn, chúng tôi đã vội viết những gì mình biết hoặc còn ghi nhớ, như về họ tên người Việt, về các thư-viện thời lịch triều, về tranh sơn mài, v.v. Vì nghề nghiệp thủ thư, tôi có nhiều cơ hội thăm các thư viện ở Bắc Mỹ nhất là ở Canada và tôi đã nhìn thấy một phần lý do miền Nam đã thua trận chiến-tranh 1957-1975 : sách của cộng-sản Bắc Việt đầy đầy ở các thư viện đại học và thư viện quốc-gia trong khi sách "quốc-gia" tìm mỗi mắt không có (ngoài vài pamphlet tổng quan của các tòa đại sứ), nghĩa là gần như chỉ có sách của Mỹ, Pháp và cộng-sản Hà-nội. Trong các đại học ngay sau 1975 chúng tôi chứng kiến sách Hà-nội, được viết hoặc dịch ra tiếng Pháp và Anh, bày bán cho sinh viên với giá rẻ mạt, 1, 2 dollars (*Femme vietnamienne*, *Vietnamese Studies*, *Anthologie de la littérature vietnamienne*, *Hồn đất roman*, v.v.). "Súng đạn" tuyên truyền đã thêm thế mạnh cho họ, dù bá-đạo! Rồi sau nhiều năm sinh hoạt cộng đồng, hội-nhập, tôi đã nghĩ đến phải làm gì cho nền văn-học tự-do của miền Nam; mất nước thì một cá thể khó chuyển bại thành thắng, nhưng mất nền văn-học đó thì mỗi cá nhân cũng

có thể đóng góp phần của mình và nếu không phục-hồi được thì ít ra cũng để lại dấu vết, tài-liệu cho các thế hệ sau. Thế là sau nhiều thập niên đọc, đã đến lúc phải bắt đầu viết, viết về những gì đã quan sát và hiểu biết, đó là lý do chúng tôi thật sự viết về văn-học sử từ năm 1995, bài đầu tiên là bài Miền Nam Khai Phóng gây được một số phản ứng vì trong đó lộ rõ ý muốn phục hồi và đem lại công bằng cho một mảng văn-học bị bỏ quên. Kế đó là những tác-giả mà chúng tôi đã sẵn nhận-xét, quan điểm, sau nhiều năm làm độc giả và mon men nghiên cứu văn-học, cũng như đã tìm lại được các tác-phẩm, như Võ Hồng, Duyên Anh, Bình Nguyên Lộc, v.v.

Như nhiều độc-giả khác, truyện Võ Hồng đã đến với tôi từ những giờ kim-văn ở trung-học, với thời-gian, Võ Hồng đã trở thành một tác-giả được tôi trân quý. Tìm hiểu lý do thì lần dò dễ trở nên rối rắm (như những buổi đến nhà xuất-bản Lá Bối ở chung cư Vạn Hạnh để nhận sách Võ Hồng còn thơm mùi mực in!), nhưng những truyện mà tôi còn nhớ mãi đến hôm nay thì rõ ràng có những căn cứ: những mối tình nồng cháy nhưng nhẹ nhàng (người đẹp Thu Hà trong Vết Hằn Năm Tháng, thầy Phúc với cô Liên trong Mùa Hoa Soan, v.v.), những hoàn cảnh éo le nhưng thân thương muốn xảy ra mãi (chuyện thầy giáo Hà bị quá-khứ đuổi bắt khi mới điểm danh đến tên học trò Hà Vi trong truyện cùng tên, rồi chuyện thầy khác với cô học trò cũ tên Thịnh, "người con gái của thôn Diêu viên ... khuôn mặt dịu dàng thùy mị" trong Trầm Mặc Cây Rừng) - đã là những "tham-chiếu" trong quãng đời dài học đường và quãng ngắn làm thầy của chúng tôi. Ngoài vài truyện mà không gian

của tác-phẩm là Tuy Hòa, phần còn lại, nhiều chuyện đã xảy ra ở Nha Trang, là vùng đất mà chúng tôi độc giả đã có nhiều liên hệ tình cảm và gia-đình đây đưa từ nhiều năm trước khi rời hẳn vì chiến-tranh từ buổi sáng định mệnh 1 tháng 4 năm 1975 và định cư ở nước ngoài sau đó. Bỏ nhiệm sở dạy học nơi mà tôi cứ tưởng sẽ ổn-cư sau nhiều năm làm người Sài-gòn, cũng là nơi tôi cuối cùng lập gia-đình và cắt đứt những mạng nhện tình cảm của một thời! Nha Trang, nơi Võ Hồng sinh sống, đã có lúc đậm nét có lúc bàng bạc trong nhiều tác phẩm của ông. Nhiều truyện ngắn trong tập Con Suối Mùa Xuân chẳng hạn lấy khung cảnh Nha Trang. Các truyện khác về học đường và tình yêu cũng thường xảy ra ở đó. Người đọc nào từng sinh sống nơi đó đều có thể nhận ra hình bóng trường xưa, đường phố cũ. Võ Hồng đưa tôi, một người đọc xa xứ, trở lại những con đường tình nhân Yersin, Độc Lập hay bãi biển vắng đêm về, sóng biển nhịp nhàng, những hòn đảo thấp thoáng ngoài xa. Những hiệu sách với những cô gái hiền bên quầy thu tiền, những buổi ci-nê êm đềm, những con người ngoài phố không vội bước,... Những cái đã mất, và trong những mất mát ấy - lớn hơn nữa là mất quê-hương, chúng tôi đã nghĩ và viết về Võ Hồng.

Trong bài tổng quan về Võ Hồng, chúng tôi đã đặt tựa đề là "Võ Hồng, nhà giáo" vì ông là một nhà văn tính tế nhưng nhân hậu và mực thước, thận trọng; ông đúng là một nhà giáo viết văn hoặc nói khác đi, ông viết văn như một nhà giáo. Ông viết rất đều đặn và kỷ lưỡng như sự kiên nhẫn cần có của nghề giáo mà hình-thức và nội-dung được chăm sóc kỹ như những bài văn dạy trong nhà

trường. Chúng tôi ghi lại các đề tài lớn đã được Võ Hồng đưa vào tác-phẩm : Nếp xưa ngày cũ, Tình yêu đất, Chuyện kháng-chiến và chiến tranh, Tình yêu, Bức tranh xã-hội miền Nam thời chiến và cuối cùng là Thế giới học đường. Bài viết đã đăng trên một số tạp-chí ở ngoài nước và là chương 18 trong tập biên khảo Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX : Một Số Hiện Tượng Và Thể Loại do nhà Đại Nam xuất-bản năm 2004.

Võ Hồng viết về nếp xưa ngày cũ vì ông tự cho sứ mạng viết lại quá khứ cho người trẻ: "Lịch sử là một dây xích dài gồm nhiều mắt xích nhỏ. Cái mắt xích Dĩ Vãng đó chưa hề được nói tới thì tôi phải ra công mô tả lại. Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết, những nếp sống cũ lần lần bị xóa đi, thay thế bằng nếp sống mới. (...) Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp để thiết tha gắn bó với quê hương hơn" ((Phỏng vấn của Nguyễn Nam Anh, tạp-chí Văn SG, 209, 1-9-1972). Nhân vật của Võ Hồng yêu đất đai ruộng vườn vì ông quan niệm quê hương đất nước có được như ngày nay là nhờ những người đó. Ông nói: "Quê hương được nuôi dưỡng, được bồi đắp, được bảo vệ bằng sức cần lao âm thầm của đại đa số những người sống đạm bạc nghèo nàn nơi thôn quê chớ đâu phải nhờ lớp thị dân sung sướng ở thành phố" (Bđd). Viết về chiến tranh, Võ Hồng đã nói lên tiếng nói phẫn nộ của một người công dân bình thường, bất lực trước chiến tranh và thảm cảnh. Thực trạng xã hội những năm chiến tranh: trật tự xã hội đảo ngược, người dân bỏ thôn quê lên thành thị, giàu nghèo trở nên tương đối. Bức tranh xã hội Việt Nam thời chiến, vì chiến tranh mà thân phận con người chịu đủ dày dạn. Là nhà giáo, gần gũi tuổi trẻ, ông còn phẫn nộ

hơn nữa khi không có thể làm được gì để chặn đứng những tham vọng sai lầm của con người, những tàn hại văn hóa hậu quả của cuộc chiến tranh dai dẳng đó! Tình yêu trong tác phẩm Võ Hồng nói chung là những chuyện tình kín đáo, mãnh liệt, nồng cháy nhưng trong khuôn khổ đời thường và lý trí. Là nhà giáo do đó tác giả viết nhiều về đời sống học đường và chuyện các thầy các cô. Những tình nghĩa thầy trò đậm đà hiếm hoi trong một xã hội đề cao vật-chất, tiền bạc và chức tước, cùng những phút giây hạnh phúc của nghiệp "gỗ đầu trẻ"!

Võ Hồng đã chứng tỏ sống nhiều, sống ở một miền Trung thân thương nhiều hệ lụy của chiến tranh, của con người nồng nhiệt và dễ căm thù khi phải đối đầu với những tranh chấp ý thức hệ. Một miền Trung đời sống khó khăn nhưng phong phú tình nghĩa và ý nghĩa cuộc đời. Nếu con người Trung của Võ Phiến cương quyết và dứt khoát ở ý thức thế nào thì con người Trung của Võ Hồng tha thiết với nhau chừng ấy. Và nếu Võ Phiến nặng về phân tích tâm lý một cách ý thức, tách bạch thì phân tích con người của Võ Hồng nhẹ nhàng, thâm trầm, như một nhà giáo giương cặp mắt nhân hậu nhìn đám học trò sôi nổi mà tự nhủ cuộc đời và con người đâu đơn giản có thể. Thời gian và chín chắn tư duy sẽ trả lời hết đấy thôi ! Đã vậy, Võ Hồng luôn tin "ở hiền gặp lành" và "bĩ cực thái lai"! Ông triết lý về cuộc đời : "Cuộc đời thường hay kết thúc đen tối bi thảm như vậy. Những ngôi nhà đổ chủ, những cửa hiệu xóa đi, lớp người lớn ngã xuống và lớp người nhỏ phân tán ra khắp nẻo. Con người nhằn nại trong ý thức cam chịu, cuộc sống bất rể mong manh như lớp vảy trên da thạch sùng..." (Người Về Đầu

Non, tr. 70).

Mặt khác, văn chương của Võ Hồng có đặc điểm đã xử dụng tiếng nói của người miền quê ông trong đối thoại và cả trong cách hành văn và dùng chữ của ông. Tình yêu quê hương, "lòng yêu những vật tầm thường nhất", khiến ông có một thái độ độc lập văn hóa, đề cao góc quê hương nhỏ bé của ông, bên cạnh những Hà Nội, Sài Gòn và Huế đầy dẫy trong văn chương. Muốn thưởng thức Võ Hồng, người đọc phải hiểu tấm lòng của ông đối với quê nhà và con người quê mùa, mộc mạc. Nói chung, sự chân thành đã làm nên nghệ thuật văn chương Võ Hồng. Riêng các truyện dài của ông có giá trị tài liệu về lịch-sử, phong tục, về nếp sống, về nhân tình ở vào một thời điểm. Ông muốn là một nhân chứng với sứ mạng giáo dục truyền kinh nghiệm cho những thế hệ đến sau. Có những truyện mới đọc người ta nghĩ ông có ý phỉ báng hay răn đe, nhưng đọc lại sẽ thấy tác giả chỉ muốn tỏ lộ lòng từ bi, thương hại ngay cả với những nhân vật không đáng thương hại. Tác phẩm của ông được các sách giáo khoa giảng văn trích dẫn từ 1963 và các truyện viết cho thiếu nhi như Áo Em Cài Hoa Trắng, Trận Đồn Hòa Giải thường được chọn làm đề tài thuyết trình tại các trường học.

*

Sau 1975, vì hoàn cảnh chung, ông viết ít, nhưng đã có những bài tùy bút và truyện ngắn được người đọc thời hậu chiến tranh và "Cởi Trói" văn-nghe yêu thích. Có lúc ông ký hai bút danh mới là Võ An Thạch và Võ Tri Thủy. Những tâm tình thuần thành và nhân hậu của một người cả đời đã sống cho văn hóa giáo dục, cho quê hương và những con người chưa nhiễm "văn minh" của

c cuối thế kỷ XX. Các tùy bút trong Một Bông Hồng Cho Cha hoặc đã đăng báo như Mùa Xuân Nghe Tiếng Chim, v.v. cho thấy một Võ Hồng lạc lõng ở thời đại hôm nay, một Võ Hồng thương người và nhớ cảnh xưa đời cũ, thương nhớ trong bất lực, mất mát, nhưng ông đã vẫn can đảm nói lên. Trong Lời Sám Hối Của Cha, phải thấm nhuần văn hóa đông phương lắm mới có thể làm người cha mà can đảm ân hận và tự trách mình trước con cái. Tập tiểu-thuyết Thiên Đường ở Trên Cao bản thảo viết từ những năm 1972-1978, nhưng đến 1988 mới được kiểm duyệt trong nước cho xuất-bản.

Một quy-hồi văn-nghệ đã xảy ra trong nước, một trở về với nhân bản và đời sống đa dạng. Từ năm 1987, nhiều tác-giả và tác-phẩm đã được "tái sinh" trong đó có Võ Hồng. Nhiều tuyển tập cùng tựa sách của ông đã được xuất-bản và tái bản, theo thứ tự thời-gian như sau:

Thiên Đường ở Trên Cao (VH Thông Tin, 1988; NXB Trẻ 2002); Trong Vùng Rêu Im Lặng (Văn Học Nghệ Thuật Nha Trang, 1988; NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2004); Nhánh Rong Phiêu Bạt (Hội VHNT Khánh Hòa, 1989); Vấy Tay Ngâm Ngùi (Trẻ, 1992); Thương Mái Trường Xưa (Trẻ, 1993); Truyện Ngắn Chộn Lọc (Hà Nội: Hội Nhà Văn, 1994); Một Bông Hồng Cho Cha (Văn-Nghệ TPHCM, 1994, tb 1997; NXB Tổng hợp TPHCM, tb 2004; An Tiêm tb ở Pháp 1995); Vùng Trời Thơ ấu (Trẻ, 1995); Chúng Tôi Có Mặt (NXB TPHCM, 2001); Tuổi Thơ Êm Đêm (Trẻ, 2001); Thơm Ngát Hương Cau (Trẻ, 2001) và Tuyển Tập Võ Hồng (NXB Văn-nghệ TPHCM & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2003) là tập qui mô nhất với 1231 trang.

Ngoài ra, Võ Hồng còn là tác-giả tập Trầm Tư do NXB

Trẻ in năm 1995 và NXB Văn-ngệ ở hải-ngoại tái-bản năm 2000, gồm những suy tư tản mạn theo dòng thời-gian được sưu tập, ghi lại. Trước và sau 1975, Võ Hồng vẫn có những tập truyện nhỏ cho giới trẻ, sau 1975 có Chia Tay Người Bạn Nhỏ (Trẻ, 1991). Đặc biệt Võ Hồng làm thơ và đã cho xuất-bản hai tập Hồn Nhiên Tuổi Ngọc (Trẻ, 1993) lời lẽ đơn sơ như tựa đề và Thời-Gian Mây Bay (Đồng nai, 1996) gồm những bài từ nhiều thập niên qua, từ khi ông "mười tám đôi mươi" như nói trong lời Tựa. Một số tác-phẩm của Võ Hồng hậu-1987 đã đến với người đọc và thư viện hải-ngoại qua nhiều ngã. Hy vọng trong khung cảnh tự do văn-hóa ngoài này, sẽ có những nghiên cứu, luận án về Võ Hồng, như đã và đang xảy ra với văn-học miền Nam thời mở đầu, với Trương Vĩnh-Ký, Võ Phiến hay chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam, v.v.

Trong thời chiến-tranh và phân chia đất nước cũng như gần hai thập niên gần đây, tác-phẩm của Võ Hồng lúc nào cũng được trân quý, chứng tỏ chúng thật có giá trị tinh thần và lịch-sử và đã trải qua được sàng lọc của thời-gian. Ông đã là nhà văn lớn của nửa hậu bán thế-kỷ XX, bề thế văn nghiệp của ông lớn không phải ở những triết lý, học thuyết có thể đề xướng trong các tác-phẩm mà là ở sự già dặn, phong phú và chân thật của tác-giả. Nhưng dù vậy, trước thềm thiên niên kỷ mới, ở một đất nước như Việt Nam đã nhiều truân chuyên, đau khổ, có thể nói tác phẩm của Võ Hồng là một phần văn hóa Việt cũ đã ra đi không bao giờ trở lại! Đây là hiện tượng trong nước in lại tác-phẩm của thời tiền phong văn học chữ quốc ngữ ở trong Nam cũng như các tác giả khác của

miền Nam tự-do, họ được in lại, được tìm đọc và nghiên cứu ở các đại học; người quan sát không thể không đặt vấn-đề : phải chăng đây là đi tìm một thời văn học bị bỏ quên, hay trân trọng tìm lại cái phong hóa - những bóng dáng, những tấm gương, đã và đang mất dần? Phải chăng sau một thời liên lục chiến tranh, phân ly, loạn lạc, sai lầm, con người sống sót và hậu-sinh của họ muốn vớt vát lại phần nào những đạo lý, văn hóa đã bị rẻ rúng?

Montréal, 8-2005

Lý Không Minh

Kéo Dây- Gọi Võ Hồng

Nha Trang 13 năm trở về. Một buổi sáng tinh mơ 6 giờ. Bánh tàu sắt nghiêng treo treo trên đường rầy nhỏ giọng. Tôi sắp bước xuống phố biển từ một chặng đường 500 cây-số trong đêm. Đã qua ga Mường Mán, nhớ tên ga cũng là bút hiệu của một nhà văn không thấy nữa. Nhớ cái tên ga cũng bởi khi đi ngang qua đấy, ăn tô cháo gà nóng hổi và một gói quà để ở cửa sổ bị mấy đứa nhỏ bên ngoài thò tay giật. Ga nhỏ, ngọn đèn soi ánh sáng hắt dưới sân ga. Những ga khác, cũng ngọn đèn tù mù sương tối. Và ga đến, cũng lặng lẽ đều hui quang gánh.

Anh tôi đưa về nhà trọ ở đường Pasteur, đi bộ ra biển đứng đầu đường thấy biển. Mẹ tôi pha ấm trà sáng.

Anh tôi mượn xe đạp về nhà kêu vợ con đến thăm bà nội và chú ở xa về. Tôi đã ở Nha Trang 12 năm ròng. Học tiểu học Nha Trang, trung học Nha Trang, cả thời niên

thiếu cho đến khi mép nhu nhú râu tuổi võ tiếng. Học đường và loạn lạc, nhưng là cả hạnh phúc không lo âu tính toán. Ngoắc một cái năm 75, chạy vô Sài Gòn rồi chạy lại Nha Trang, căn nhà cũ đã mất, chỉ còn hai chị em vớt bèo nuôi vịt. Tôi đạp xe đi trên phố cũ. Ghé chợ Đầm ăn phở. Rất gần với căn nhà Quách thi sĩ đã mất vài tháng trước, rất im lặng. Phố Nha Trang khi trở lui mình thấy nhỏ, nhỏ hơn ký ức nhiều lần khiến có khi đi lạc. Con phố chính Độc Lập lặng lẽ. Người ta đi đâu hết cả khiến ngay cả buổi tan trường ký ức cũng chỉ lừa thừa tà áo trắng. Thành phố hiền như sóng biển, như cọng thùy dương vàng rơi trên cát vắng, như chiếc ghế phở-tới kê gốc dừa ngóng đợi u hoài.

Tôi đến trường cũ Võ Tánh (nay là Lý Tự Trọng).

Hai mươi ba năm trước tôi học năm đầu Trung học ở ngôi trường có tiếng nhất thành phố này. Vẫn màu tường quét vôi vàng nhạt nắng. Tôi đứng ở cổng, nhìn vào căn lớp cũ.

Sự tình cờ khiến đứa cháu tôi cũng đang ngồi đúng cái lớp mà chú nó đã đi qua. Tôi lên vô trường, đi vòng ra sân banh (thấy nhỏ như vòng bàn tay lau lách viên sỏi). Chẳng gặp một thầy cô ngày ấy. Nhớ thầy Lý mất một mí dạy Công Dân Giáo Dục đánh học trò bằng roi mây, khẻ tay những đứa để móng tay dài. Nhớ thầy dạy ... nhớ cô dạy...

Tôi chỉ nhớ thầy Lý mà học trò cứ gọi lên là Lý Đại Hàn, có lẽ vì thầy dữ nhất, đánh học trò đau nhất và giọng giảng bài to cả sân trường. Cứ như là hôm qua. Cứ như là còn ngồi trên yên xe đạp ăn bánh lọt ở quán trước trường. Cứ như là tập tành trốn "hai giờ sau" ra biển mua

đậu phụng từ gánh hàng rong. Cứ như là đứng dựa cây trên đường Bá Đa Lộc coi lên mấy chị lớp 12 thừa thớt. Nhưng hiện hữu là nơi này lặng lẽ. Còn nguyên đấy mà cũng mất đấy. Còn nguyên hai trụ cổng, dưới chân rêu phong bám, trên đầu rêu phong mọc. Còn nguyên mái ngói đỏ nhạt màu bể hai ba miếng. Còn nguyên cột cờ có lần hãnh diện thượng kỳ một sáng thứ Hai. Còn nguyên những trái liều nâu nâu rụng sân sau, cọng liều rơi trên thềm hanh nắng. Còn nguyên những đứng dậy chào thầy vào lớp, những lần thách nhau đánh lộn, những lần rẫy mực vào lưng áo "thằng mất dạy" ngồi trước, những lần bỏ mắt mèo lên ghế cho cô giáo ngồi ngựa gãi chơi.

Nhưng đã lặng lẽ nơi này.

Bây giờ bên hông trường, ngay trước trường Nữ, rải rác quán thịt chó, một mỗi người xích lô đạp. Người đi hiu hắt. Người về hiu hắt. Và hiu hắt hơn hết, vẫn mãi là nỗi đau thắt ruột, vẫn mãi là nỗi mất rất lòng, vẫn cứ là nỗi buồn thương cảm, khi đứng trước căn nhà tôi đã sống trước đây ròng rã 12 năm trời. Tôi đã đi lạc khi tìm lối về nhà, bởi ký ức mình con đường ấy lớn lắm, vui lắm, nhộn nhạo. Thành ra đạp xe qua mà tưởng lối khác. Nhưng rồi vẫn đứng ngay nhà cũ. Bây giờ là nhà ai đó. Cổng đóng nhưng cửa bên trong mở cho tôi nhìn thấu suốt vào trong. Cái lan can nơi cha tôi chiều ngồi, sáng ngồi, rung rung làm thơ, rung rung ấm trà, rung rung bạn già lai vãng. Một vài người hàng xóm xa lạ tò mò nhìn tôi. Người đã đi, đi cả. Những người hàng xóm cũ, những đứa bạn cùng thời.

Nhưng còn nhận ra cái chuồng gà của mẹ tôi để trước sân. Thế là tôi trở về một nơi không vào được. Tôi đứng

như thế nhìn căn nhà rất quanh và lòng bụi ngủi khôn xiết.

Nào cần gì "Yên ba giang thượng sử nhân sầu", mà cứ thương cảm, mà cứ sóng lòng sủi sủi, mà cứ khói xám vây lòng. Nguyễn Du đã để cho Kim Trọng có người để hỏi thăm cố nhân mà cõi lòng còn tươi tắn đến thế: Cuối t-ường gai góc mọc đây; Đi về này những lối này năm xưa; Chung quanh lặng ngắt như tờ; Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?

Kim Lang đã hỏi thăm láng giềng mà ra người cố sự. Còn tôi trở trái lạ người. Tôi như cánh bèo trôi ra biển. Biết tìm đâu lối cũ trên dòng nước luân phiên trôi chảy, biết là bao ngõ ngàng trước ngát lộng biển xa. Nơi ở của bèo phải là sông chật, phải lúc nhúc phận bèo, phải cỏ mọc đầy đồng bạn, phải đìu hiu thân phận chia nhau. Mới là bèo, mới là vui thú. Mà nay đã đường xa khuất bóng, không còn ai đứng lại cho đều một nỗi niềm, trừ cô liêu...Và ảm đạm, ảm đạm trong ký ức và ngay nơi cuộc sống. Bây giờ. Đứa cháu tôi ở với mẹ, trên một cái giường đơn chiều dài thước rưỡi. Nó ăn, ngủ, học trên diện tích ấy. Sách chung quanh, vở chung quanh. Chủ nhà cho thuê đã đẩy cái tủ lớn làm ranh giới hai mẹ con sát vào giường, đẩy đến mức không đẩy được nữa mới vừa lòng nhỏ. Bên kia tủ là chồng chủ nhà bị liệt, nửa đêm kêu đi ngoài, nửa đêm réo tên vợ chửi, tên con chửi, đã bỏ bê ông một người già bại liệt vô dụng trong đời sống. Thế giới của cháu tôi hẹp như thế, nhưng bên kia đường là toà soạn báo Khánh Hòa rộng rãi những cuộc đời văn chương. Văn chương đối diện với cuộc đời như thế. Viết làm chi những thành tựu kinh tế những lời

vàng châu ngọc khi bên kia trang giấy có đứa bé tuổi dậy thì gặt bắc đèn thăm học. Văn chương, nếu có thật, phải là một điều gì bên kia trang giấy, nơi màu trắng đè ngược mực xanh vì tóc tang vẫn trải xuống đời.

*

Nghĩ thế nên càng nôn nao đi thăm Võ Hồng, một trưa vàng phố biển trước ngày ra Trung, về Bắc. Tôi đạp xe vào chợ Xóm Mới mua gói trà và phong bánh làm chút lễ mọn của kẻ hậu sinh tỏ lòng thành kính, và đạp xe lóc lóc dừng lại trước cổng nhà của kẻ vẫn vọng "Hoài Cổ Nhân".

Con đường Hồng Bàng nơi nhà văn ở vắng ngắt.

Trước nhà một lẽ đất thấp để chặn nước tràn vào sân những ngày mưa đọng. Cổng sắt khoá. Trên cổng góc trái, một tấm thiếp nhỏ bằng nửa cuốn sách ghi hàng chữ bằng sơn trắng "Kéo dây - gọi Võ Hồng." Ngay trước tấm bảng, thò ra một khoen giấy kẽm để kéo. Một tấm biển nhỏ để gọi tên, đủ năm chữ nhưng rất đổi văn chương Võ Hồng. Giản dị mà khéo, lượng thông tin chừng mực đủ gọi một vóc dáng lớn trong văn học.

Tôi ngập ngừng một giây. Tôi đã đi ngang nhà ông nhiều lần ngày xưa. Nhà văn cũng là thầy giáo dạy văn chương ở trường bán công Lê Quý Đôn. Bỗng có cái cảm giác rụt rè của những ngày cúi đầu đi ngang ngôi nhà tên tuổi. Nhưng rồi cũng móc ngón tay kéo, kéo nhẹ nhẹ. Chẳng nghe âm thanh tiếng chuông nào cả. Kéo mạnh, sợi giây giăng vào nhà máng trên cây giựt lá xào xạc. Một chập, có người đàn bà đi ra. "Chú tìm ai?" Thưa, bác Võ Hồng. Người đàn bà bảo chờ một lát rồi quay trở vào. Hai đứa bé độ 5- 6 tuổi chạy ra, mở cổng, dắt vào

một lối đi nhỏ bên hông.

Nhà vẫn ở trên gác.

Ông đứng ở ban công, nểng đổ xiên qua màu hoa đỏ của bông dâm bụt thấp sáng hơn cái áo sơ-mi trắng đã ngả màu, thấp sáng hơn mái tóc bạc lơ thơ bóng xé. Ông cao hơn tôi gần một cái đầu, càng thêm chừng nổi trờ trọi của một phong thái giản dị nhưng tài ba. Ông kéo ghế mời tôi ngồi ngoài sân thượng, vui vẻ kêu hai đứa bé "chào chú" và vào đề êm ả như mở đầu một truyện ngắn không trúc trắc: "Hai đứa này con hàng xóm, tu coi, nó không được đi học vì người ta bảo thiếu thông minh. Đâu có như thế được. Mọi sẽ chứng minh ngược lại, mọi dạy chúng luyện trí nhớ. Để tu xem cháu tôi có thiếu thông minh không nhé."

Ông kêu cậu bé, bảo: "Viết chữ "thế" cho chú coi nào." Thằng bé cầm viên phấn thảo liền chữ "thế" (Hán tự) lên nền xi-măng. ông lại bảo: "Đọc cho chú nghe "Phong Kiều Dạ bạc." Cậu bé vanh vách đọc bài thơ Đường của Trương Kế:

Nguyệt lạc Ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô tô thành ngoai Hàn sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Tôi có thể nghi ngờ kết quả phương pháp dạy trẻ luyện trí nhớ, nhưng không thể nghi ngờ tâm cảnh cô hàn của ông khi đem tâm sự giải bày qua cậu bé. Trên căn gác đầu hiu trong một thành phố buồn vắng vẻ, bên bông khế lấm tấm hồng và một đêm trăng sáng, ông nằm nghe.. Một thời CÔ TÔ rực rỡ có vua Ngô bên nàng Tây Thi. Một Tô Châu non nước hữu tình. Nhưng đã là. Giờ là tuổi già hiu quạnh. Trong tâm ông hẳn dựng một bến đỗ

phải dừng, một tiếng quạ kêu sương, một ánh lửa chài lắt lay sâu mãi. Và ngoài kia trăng lặn. Và trong này văn chương xếp bút.

Chiêm nghiệm. Đời như sương như khói. Nào chỉ có hơn một nghìn năm trước Trương Kế đối diện ánh lửa chài mà man man sâu vạn cổ, mà mơ màng vương vấn nơi ngoại thành. Muôn thuở sau, Võ Hồng, 72 tuổi, vẫn "nhớ người xưa", ba người con đã bên kia nửa vòng trái đất, lặng lẽ là ông giữa ngoại phố hiền đường, khác là không một tiếng chuông chùa hay chỉ là tiếng chuông chùa vô thanh...

Mà vẫn nhuốm mùi tục lụy!

Có người nói ông là không giữ thanh (ám chỉ ông "được" kết nạp vào Hội Nhà Văn sau năm 1975). Không ai gán ghép cô đơn của ông nhưng người ta thích gán danh ông. Cứ như là thích kẻ khác sạch giùm mình. Đứng ngoài vòng thì dễ nói " hà tất . . " Ờ, thì hà tất . . . Hà tất ông phải cô đơn. Tôi biện minh cho ông à? Hà tất! Ông trong sáng và giản dị, và hào quang đã rực thì cần chi thêm chút lửa mờ.

Thế thôi bởi ông là Võ Hồng.

Nhà văn mời khách vào nhà. Căn phòng bữa bọn chúng tỏ sự thiếu vắng bàn tay đàn bà. Ông đi rửa một cái ly chế nước trà đã nguội ra tách, mở hộp bánh biscuit tròn để dưới đất, và nói về những chối từ cầm bút lại, rất nhẹ nhàng nhưng có khi chẳngặng đặng dừng. Rồi thích thú khoe là có người bên Úc gửi cho ông một bài viết (lâu rồi) của ông đăng trên tờ báo Chiêu Dương. Bảo tôi để đi vào văn chương, phải sống, và cần hơn thế là chiêm nghiệm cả nội lẫn ngoại cảnh. Ông nói: "Moi ngồi bên cửa sổ

này, bao năm... Moi nhìn. ngắm chiếc lá măng cầu bên ngoài cửa sổ. Một sáng, có giọt sương mai đầu chiếc lá phản ánh sáng và toang ra một màu sắc rực rỡ long lanh, đẹp vô ngần. Và moi tả đôi mắt một người con gái: Annie! Đôi mắt sáng long lanh như hai giọt nước treo ở đuôi lá na lá mạn được nhìn qua ánh sáng của khung cửa sổ..."

Nhà văn cười hồn nhiên và sung sướng ở một chi tiết truyện. Ông chỉ "kỹ thuật" viết, cả một kinh nghiệm văn chương tự thể nghiệm, bày ra, không dấu diếm. Hỏi: "Vous đọc truyện của moi, bây giờ nhớ được điều gì?"

Tôi thành thật bảo nhớ nhất là ông tả thành phố Tuy Hoà, nơi mà con đường chính của thị xã được ông ví như một cây xiên lụi qua con gà, rồi từ đấy chẽ ra những đường con. Ông gật gù. Tôi lại bảo những truyện ngắn của bác trong "Con Suối Mùa Xuân"; truyện ông quen cô gái nhờ bị con chó táp vào bắp vế rồi được người đẹp nặn máu rỉ từ vết thương; truyện, "alô, tổng đài cho tôi gọi...", truyện...

Ông mỉm cười.

Nhớ lại những gì moi viết, vous có nhận xét gì?

Tôi suy nghĩ. Nhà văn đòi một tổng luận về sự nghiệp văn chương ông. Một... cái gì còn lại của Võ Hồng sau khi đã quên hết! Khó đấy, nhưng được, vẫn tất thôi. Chung chung thì người ta cho rằng văn ông trong sáng, giản dị, dùng chữ cẩn thận nhưng đọc không thấy cầu kỳ, và gần gũi với đời sống. Nhưng đấy chỉ là những nhận xét sơ bộ có tính cách ước lệ. Văn Võ Hồng, như một dòng suối trong êm đềm trôi chảy dưới ánh bình minh, nhưng nhìn kỹ, nhìn sâu vào bề mặt con suối hiền lành miên man ấy ta có thể thấy những bến bờ quạnh hiu ở

những viên sỏi lắng chìm đáy suối. Cái bề mặt êm đềm chỉ là bề mặt, chỉ là để dấu kín những gửi gắm, những băn khoăn nỗi niềm trong lòng thăm vãn chương.

Ông đứng bật dậy, cười ha hả thích thú, đưa tay:

Moi phải bắt tay toi một cái. Đúng vậy... đúng vậy...

Từ sân thượng nắng chói, một con chim cất tiếng hót. Ông cầm tay tôi dắt ra sân, vui thú chỉ cây bàn chải xòe nan vạm vỡ, nói: "Đầu tiên chỉ là một cái mầm, người ta vất đi. Moi thấy tội, lượm về ương, người ta vất đi, vất đi, toi thấy đó", ông nhắc đi nhắc lại câu chuyện "hữu duyên" với cây bàn chải bị vất khi còn tằm bé. Nhà văn lượm về, trân trọng, chăm non. Như ông thấy mọi vật đều có mầm sinh mà chỉ với con mắt tri kiến, từ thị, mới nhận chân được. Ông trân trọng kỷ niệm, như căn phòng bên cạnh cửa mở hé. Đây là cội riêng của ông, thư phòng và niệm phòng dành cho tâm thức nhà văn để trở về với người bạn đời sớm khuất. Ông tiễn tôi ra cầu thang. Khi tôi chào, ông dường như không thấy, cứ vịn lan can mà ngắm mây chiều lảng vảng. Rồi bảo: "Toi chờ moi chút xíu." Ông vào phòng, một chốc trở ra với bài tùy bút "Nghĩ về Mẹ" có chữ ký của ông, với lời đề tặng. Bỗng sung sướng nhớ người xưa nói: "Người giàu sang thì tiền đưa bằng của cải, người nhân thì tiền người bằng lời nói. Tôi không được giàu sang, trộm tự coi mình như là người nhân nên tiễn ông bằng lời nói..."

Ừ ông là người nhân, mà dường như điều ấy đã đủ cho một kiếp người. Tôi đạp xe lộc cộc, nghĩ miên man cuộc sống của ông đến quên bém đi phải ghé nhà một người thân. Ông trời thích trêu người. Cuộc đời nhà văn đã sớm

quạnh quẽ, đến cuối đời càng cô độc hơn thế. Bỗng lạnh lòng. Lỡ đêm khuya khoắc, cái thân cô đơn ấy biết lấy ai mà nương tựa. Nhà giáo. Nhà văn. Học trò tan lạc hết, bằng hữu xa xôi cả. Có thể là Võ Hồng chọn lựa cô đơn nhưng sự chọn lựa ấy có thể bởi không còn một chọn lựa nào khả dĩ tốt hơn. Ông đã đắp đất ngăn nước lũ tràn vào sân, nhưng có lẽ hồn ông mãi là cơn lụt ở vùng đất của chớp bể mưa nguồn. Cuối đời. Một cây bàn chải gai nhọn.

Hoa khế. Hoa trang. Một sân nắng và hai đứa trẻ biết viết chữ "thế". "Thế thời phải thế." Như những chùm hoa soan đã rơi rụng chỉ còn tro cọng tàn, ông đã đi trọn một hành trình cô đơn. Cái ấm áp mà nhà văn đã tinh lọc dâng đời thường sinh từ những trần ai phế phẩm. Như men rượu nổi từ những hạt gạo nát mềm nhưng dựng dậy xiết mấy ngất ngây.

Thì cũng qua một kiếp người. Nhưng đau!

*(trích Ngày Về của Quĩ, Lý Không Minh, nxb Đồng Dao
P.O.Box 1040 North Richmond Vic 3121 Australia tháng 7,
1997)*

Lương Thư Trung

Thư gửi thầy Võ Hồng

Boston ngày 28 tháng 6 năm 2005

Kính thăm Thầy,

Nhớ vào khoảng ba mươi lăm năm trước, con có lần đã lang bạt đến Nha Trang, nơi có căn nhà nhỏ của Thầy. Con đường Hồng Bàng có căn nhà dưới bóng mát của

giàn nho, một chiếc bàn nhỏ, một bình trà và vài ba cái tách trà vàng bạch, một ly cà phê còn đọng lại dưới đáy ly mấy giọt cà phê đen đặc, và con cùng một người bạn trẻ lần đầu được Thầy tiếp ở dưới bóng mát của giàn nho ấy. Vậy mà rồi, hình ảnh buổi gặp lần đầu đó theo con hoài mãi đến hôm nay, ba mươi lăm năm sau, mà chừng như không cũ, vẫn mãi hoài làm con nhớ đến Thầy và hình ảnh giàn nho che mát cái khoảng không gian hẹp cùng mấy tách trà, ly cà phê còn đang uống nửa chừng.

Với vầng trán rộng, giọng nói hiền vốn có của một nhà mô phạm cộng với lòng nhân từ của một người “nhà quê”, chúng con nhận ra ở Thầy cái lòng thương người vô hạn. Lần đó, Thầy cho chúng con biết hôm qua Thầy vừa đến ty cảnh sát để thăm và bảo lãnh một đứa học trò trường Bồ Đề vừa bị cảnh sát giữ ở đó mấy ngày vì trong lúc kiểm tra sổ gia đình anh bạn này mới ở Phú Yên vô không có tên trong sổ gia đình.

Nhớ lần đó, cũng như các lần đến thăm Thầy sau này vào những ngày nghỉ cuối tuần, lần nào chúng con cũng được Thầy tiếp ở giàn nho che mát phía ngoài vừa làm chỗ tiếp khách vừa làm bếp pha trà. Được biết chúng con là những người mê văn Thầy, lần nào chúng con cũng được Thầy nói cho nghe những điều Thầy mới nghĩ, những trang sách Thầy vừa mới viết và những công việc nhân từ Thầy vừa mới làm như một chia sẻ. Thầy sống một mình. Các con Thầy có đứa bên Đức, có đứa ở Sài Gòn, nên

những lúc ấy Thầy rất thương bọn trẻ như chúng con, nên đến thăm Thầy chúng con được Thầy thương mến hơn là

khó chịu phải tiếp những người non trẻ kém cỏi.

Đối với Thầy, trong văn giới có lẽ Thầy không phân biệt người viết trước người viết sau, nhà văn lớn nhà văn nhỏ, kẻ thành danh hay kẻ vô danh mà ai trân quý chữ nghĩa là Thầy thương. Nhớ lần ấy con trao Thầy bản thảo tập thơ “Cố nhân ơi, hội ngộ”, quay rónéo, của một người bạn trẻ để nhờ Thầy đọc và xin Thầy cho vài nhận xét. Tưởng thơ của một người trẻ mới làm thơ Thầy sẽ không đọc; nhưng chúng con đã lầm. Mấy tuần sau trở lại thăm Thầy, Thầy đưa cho lá thư viết hết sức chân tình và cảm động cùng những lời khuyến khích chí tình. Lúc bấy giờ hay vào bất cứ thời nào, đối với người mới làm thơ với lá thư của Thầy quả là một phần thưởng vô giá, là một vinh dự.

Thưa Thầy,

Thời gian qua rồi ai cũng già. Vừa đọc được lá thư của một người bạn vừa trao, cho biết Thầy nay đã già yếu lắm rồi và vẫn sống đơn độc nơi căn nhà nhỏ dưới giàn nho che mát ngày nào. Con bồi hồi nhớ lại hình dáng Thầy ba mươi lăm năm trước nơi cái bóng mát nhỏ nhoi ấy nằm trên đường Hồng Bàng với những tàn lá bàng xếp từng bậc, từng bậc tròn xoe lất lay theo cơn gió nhẹ mùa Hè từ bãi cát trắng của biển Nha Trang len lén thổi vào ...

Qua lá thư của anh bạn này viết, con hình dung ra sức Thầy sau những năm tháng hiến dâng cho đời những trang sách bằng cả tấm lòng nhân ái nhất của một nhà mô phạm, của một nhà văn và nhất là lời nói của Thầy

“qua là tên nhà quê”(*), quả làm kẻ hậu sinh như chúng con vô cùng kính phục. Và điều này cũng đã làm cho các nhà phê bình văn học có dịp nhìn lại những trang viết khô cằn của họ khi viết về sự nghiệp văn chương của Thầy họ chỉ dựa thuần trên tác phẩm mà quên cái cốt cách của một người nhà quê thuộc làng Ngân Sơn ngày nào, chắc họ sẽ tự thấy những bài viết của họ còn chút gì chưa đủ.

Là một người nhà quê, con hiểu được lòng Thầy khi Thầy mình định “qua là tên nhà quê”. Con hiểu nghĩ cái nét son đáng kính nhất mà một bậc thượng thọ chỉ muốn giữ lại vào những ngày già yếu của đời mình như Thầy là cái chất “nhà quê” ấy, chứ không phải là những lớp màu vô nghĩa của danh vọng trên văn đàn.

Kính thăm Thầy và cầu nguyện Thầy sống lâu thêm.

Kính thư,

Ghi chú:

(*) Trích thư viết từ Nha Trang ngày 27 tháng 6 năm 2005, do nhà văn Trần Hoài Thư chuyển: “Một chi tiết thú vị, khi đỡ thầy ngồi dậy để tặng hoa, tôi kêu tay thợ chụp hình bố trí sẵn, vừa giờ máy lên, ông quăng bó hoa xuống đất: “qua rất ghét ba thứ này, qua là tên nhà quê, em coi có cái gì của mấy em đưa qua cầm”, vậy là đưa tập sách của tôi cho thầy cầm”.

Trần Huân Ân

Ông Thầy khó tính

Mấy năm trung học, mặc dù nơi ngôi trường kháng chiến

giữa vùng quê, tôi may mắn được học văn với ba vị danh sư. Thầy Bửu Thọ, về sau khoảng 1957-1960 làm Tổng Giám đốc Nha Vô tuyến truyền thanh. Thầy Bùi Bình Hiếu, tức thi sĩ Bùi Khai Nguyên trong nhóm Đại Nam văn hiến. Thầy Võ Hồng, lúc ấy (1949) nguyên là Trưởng ty Bình dân học vụ tỉnh Phú Yên được chuyển sang. Trong lễ khai giảng, chúng tôi nghe thầy Hiệu trưởng Trần Sĩ giới thiệu: ông Võ Hồng và bà Võ Hồng. Năm sau, tôi mới được học Việt văn với “ông Võ Hồng”, còn năm ấy tôi học Anh văn với “bà Võ Hồng”. Không mấy đứa trong chúng tôi biết tên cô là Phan thị Báu, theo tập quán thời bấy giờ phụ nữ dùng tên chồng, nên chúng tôi gọi cô là “cô Hồng”. Tương tự như thế, rất ít học sinh biết tên một nữ giáo sư khác là Đoàn thị Thanh Như, chỉ biết cô là bà Phan Trinh và gọi là “cô Trinh”. Cô Hồng xuất thân Couvent des Oiseaux Đà Lạt, tính hiền và vui. Không biết từ đâu trong đám học trò có lời đồn đãi rằng cô giỏi tiếng Anh, thầy giỏi tiếng Pháp, mỗi lần cãi nhau thầy nói tiếng Pháp, cô nói tiếng Anh, người ngoài chẳng ai hiểu gì hết! Cho đến bây giờ tôi cũng chưa có dịp kiểm chứng chuyện đồn đãi ấy là thật hay đùa.

Thầy Võ Hồng không nghiêm như thầy Bửu Thọ, nhưng không dễ gần như thầy Bùi Bình Hiếu. Giữa thầy và học sinh có một khoảng cách đủ để chúng tôi ít muốn phải gặp thầy. Có đứa đang đi trên đường chợt thấy thầy thì tìm một lối rẽ tránh, đợi thầy đi qua. Chuyện này cũng xảy ra với nhiều vị giáo sư khác, đó là lẽ thường. Một hôm buổi trưa tôi đến lớp để học bài làm bài vì nhà trọ chật, thêm mấy đứa nhỏ hay la giỡn ồn ào, đang ngồi

cậm cùi, chột ngẩng lên thì thấy thầy Võ Hồng. Chắc thầy cũng cần một chỗ yên tĩnh để chấm bài. Một cuộc gặp thật tình lúc đầu tôi không mong muốn, nhưng may sao, tiền hung hậu kiết, sau đó tôi thấy thật vui. Là vì sau khi hỏi thăm quê quán, biết tôi là thằng học trò nhỏ tận một làng miền núi xuống học thầy hỏi hoàn cảnh gia đình, tên cha mẹ. Tôi không ngạc nhiên khi nghe thầy nói biết cha tôi vì tôi đã nghe cha tôi nói biết thầy khá rõ, biết chuyện thầy ra học tận Hà Nội, biết thầy được ông Tổng đốc Trần văn Lý ưu ái mời lên Đà Lạt làm Bí thư. Nguyên trước khi thăng Tổng đốc các tỉnh cực nam Trung kỳ ông Trần văn Lý là Tuần vũ Phú Yên. Trong tờ căn cước học sinh thi bằng Sơ học yếu lược của tôi chữ ký quan Tuần vũ Trần văn Lý đầy đủ và rõ ràng, ngay chỗ chữ V (văn) có một chữ V nét bút chì đỏ trùng hợp. Tôi nói với cha tôi: Ông quan ký sai chữ V phải sửa lại. Cha tôi giải thích: Cái dấu giống như chữ V bằng bút chì đỏ không phải sửa chữ V sai mà là do một người có nhiệm vụ xem trước, thấy đã đúng, đánh dấu để quan Tuần vũ ký. Tôi cảm thấy hình như khi biết tôi là con ông Trần Huyền Đoan, một nhân sĩ Nho học, cái nhìn của thầy Võ Hồng với tôi có khác hơn.

Thầy Võ Hồng dạy chúng tôi những đoạn văn của Hồ Phương (trong “Thư nhà”), Kim Lân (trong “Làng”), thơ Tố Hữu (“Ly rượu thọ”), văn dịch của Gustave Flaubert (Madame Bovary), Ilya Erhenbourg (Thời gian ủng hộ chúng ta). Lúc giảng bài có khi thầy hơi mơ màng, có khi vừa giảng vừa vẽ lên bảng đen những hình minh họa đường nét uyển chuyển và sinh động. Tuổi trẻ chúng tôi bị cuốn hút bởi hình ảnh người lính một đêm tối trời vượt

qua dòng sông rộng “Thoang thoáng gió biển, chao ôi, Đông Triều – Hòn Gai”, cũng như hình ảnh “Dòng suối đổ vào sông, dòng sông đổ vào dải trường giang Volga, trường giang Volga đi ra biển. Tình yêu nước bắt đầu từ tình yêu làng xóm, yêu cái cây trồng trước nhà, yêu con phố nhỏ chạy ra bờ sông”. Năm học lớp Ba tôi có đọc bản dịch “Lâu đài họ Hạ”, từng rất đổi phần khích trước câu nói phũ phàng mà đầy tự tin của Tử tước Hạ Gia Định về phường săn của ông: “Ở đây chỉ có một thứ gió cay nghiệt mang theo tiếng kèn đồng thô lỗ của bọn phường săn”, tôi hình dung ra những buổi sáng đẹp trời “bọn phường săn” vùng cao chiếc kèn đồng loang loáng ánh nắng, điệu kèn dồn dập theo nhịp vó ngựa phi... Đó là một quê hương ấu thơ thái bình thịnh trị . Giờ đây, trong tháng ngày khói lửa qua lời bình giảng của thầy Võ Hồng, tôi hiểu thêm “chiến tranh khiến cho mỗi chúng ta nhận ra vẻ thanh tú của quê hương”, trong tưởng tượng xa xôi tôi bắt gặp tâm tư “chàng trai xứ Géorgie nhớ bóng thùy dương tư lự”, cảm nhận được sự nồng nàn của “rượu vang sẽ tu trong bọc đựng rượu bằng da dê... và yêu kính người mẹ già của Mã Chiếm Sơn quật vờ ly rượu thọ, đưa bậc dũng tướng trở lại phong cách anh hùng “trong hoa tuyết trắng ngần bay lả tả”.... Thầy cũng khuyến khích chúng tôi mạnh dạn trình bày ý kiến riêng về những chỗ cảm thấy chưa bằng lòng trong đoạn văn, nói rõ hơn là mạnh dạn... chê, không phải chỉ nhắm mắt khen theo. Nhờ vậy, khi học bài thơ “Gò Côi” của Nam Trân tôi dám nói rằng...bài thơ này không hay. Một thi sĩ đa tình từng bộc lộ “Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết, Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo” lại viết một cách dễ dãi “Gò Côi từ độ khẩn hoang. Sắn mì cùng

với khoai lang tốt mù...”. Trong bản dịch Madame Bovary thì có một chỗ thầy nói: Không hiểu sao chữ “tablier” ông Phạm Quỳnh dịch là “mã phụ”, người bình dân gọi là cái “tạp-dề”.

Thầy nói: “Ai chống nhồi sọ chớ tôi chủ trương nhồi sọ”. Thầy bắt học sinh học thuộc đoạn văn trích giảng đã đành, còn phải học thuộc cả lời bình giảng về nội dung, hình thức đoạn văn ấy nữa. Việc này đối với tôi không khó, gì chớ học thuộc lòng là sở trường của tôi, hồi lớp Nhì nhân dịp lễ tưởng niệm cụ Phan Chu Trinh thầy giáo còn bắt học thuộc cả tiểu sử cụ dài đến mấy trang, rắc rối những “hiệu là Tây Hồ, biệt hiệu là Hy Mã” hoặc những câu mang chất biền ngẫu “Kiếp tù đầy tuy khổ, chí anh hùng đầu nao, trải bao độ đông về xuân đến cụ lại được tha, cũng nhờ sự can thiệp của hội Nhân quyền” tôi đã không ngán. Thế nhưng với nhiều bạn thật là con đường gian khổ. Khác với thầy Đinh Thành Bài dạy toán, vật lý... rất nóng tính, trò nào chậm chạp là lập tức bị đuổi xuống, “zéro”, thầy Võ Hồng không cho zéro, thầy nói: “Cho zéro làm chi, để nói cho thấm cái xương”. Thấm cái xương thật, thầy chì chiết, mỉa mai, nụ cười nửa miệng, bĩu môi... khiến cho đứa không thuộc bài, không làm bài đau lòng nát ruột!

Thầy dặn chúng tôi khi viết cần phải biết quan sát, quan sát thật kỹ và ghi nhớ thật chính xác. Như nói về màu xanh không phải chỉ một màu xanh, không phải chỉ biết sự khác nhau của những màu xanh bằng chữ nghĩa, mà phải nhìn, phải thấy, màu xanh của trời, của biển, của núi, của mỗi loại cây cỏ, mỗi mùa đồng ruộng, tả làm

sao cho người đọc hình dung ra được. Về chính tả thầy bắt mỗi đứa có một sổ tay, chia trang xếp theo vần ABC, ghi những từ khó. Muốn nhớ từ “át” (lấn át) thì ghi “Tiếng nó nói át Tiếng tôi”, nhờ chữ T của từ Tiếng ta nhớ cuối từ át là T. Muốn nhớ hai chữ “khoang” có G thì ghi “Hai con chó khoang nằm trong khoang thuyền”. Chỉ có một chữ “mãng” (con mãng xà) – còn lại là măn và mảng -thì ghi “Chỉ có MỘT con MÃNG xà có G dấu NGÃ”. Để phân biệt những từ bắt đầu bằng D và GI thầy trò cùng đặt những câu dài, D theo D, GI theo GI, lúc cần đọc lên như đọc thần chú. (Sau này, tôi có bắt chước cách dạy này và học sinh của tôi xem ra cũng thích thú lắm). Khi thầy kiểm tra, đứa nào không có sổ tay hay sổ tay không ghi đầy đủ thì sẽ nghe những lời ... cho thấm cái xương. Văn phạm cũng được thầy dạy kỹ, giống như sách của Bùi Kỷ, Phạm Duy Khiêm. Từ những bài học đó đến nay tôi còn nhớ nào là mệnh đề chính, mệnh đề phụ, nào là mệnh đề phụ chỉ định, mệnh đề phụ chỉ trường hợp vân vân... để câu văn chặt chẽ hơn. Ngay sau nhiều danh từ quốc ngữ thầy cho ghi chữ Pháp trong ngoặc, để tiện đối chiếu. Một hôm, sau giờ Việt văn, giáo sư Pháp văn vào lớp nhìn bảng đen chưa xóa ngạc nhiên hỏi: “Ai đã dạy grammaire vậy?”.

Lần đó, một anh bạn làm bài hơi bị ngắn, lời phê của thầy là :”Anh làm bài ngắn như học sinh lớp hai!”. Sau này bạn ấy là một cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh. Thế mới biết giữa hai con đường học vấn và công danh cách nhau một trời một vực!

oOo

Tôi viết đến đây thì anh bạn N.V.B nhấc tin ra cho biết

thầy Võ Hồng rất yếu. Hội thầy trò Lương Văn Chánh và trường Lương Văn Chánh liền cử mấy anh em vào thăm thầy. Thầy nằm một mình trên căn gác 51 Hồng Bàng Nha Trang, giọng nói yếu đuối, xúc động, muốn gượng ngồi dậy mà không ngồi được. Một vài bạn thầy không nhớ, chúng tôi phải nhắc lại. Chung quanh thầy là sách và sách. Có cuốn mới in, có cuốn đã lâu năm. Và sách của một số tác giả là học trò tặng thầy. Tôi có cảm tưởng như thầy đang muốn nhìn lại một thời gian cầm bút và cả những gì lớp hậu sinh đang làm. Ngồi với thầy một chập, thấy thầy vui hơn, khỏe hơn, da mặt có phần hồng hào, như có sự phục hồi. Chúng tôi nghĩ phải chăng vì lâu nay thầy đã ít vận động, ít đi đó đi đây, bây giờ nằm một mình, thiếu người tâm sự, không được trang trải tỏ bày...nên căn bệnh “tuổi già” dễ làm thầy sa sút? Như vậy, nếu có người hàng ngày đến trò chuyện, chắc thầy sẽ thấy dễ chịu hơn.

Lê văn Thiện

Ngôi nhà trên đường Hồng Bàng

Đầu năm 1964 trường trung học Võ Tánh (nay là trường Lý Tự Trọng) Nha trang tổ chức một cuộc thi viết văn cho học sinh toàn trường, từ lớp Đệ Thất cho đến lớp Đệ Nhất. Tôi tham dự và đoạt được phần thưởng về truyện ngắn (anh Trần Phiên Ngung đoạt giải nhất về thơ). Trong Ban Giám khảo này có nhà văn Võ Hồng.

Trong buổi lễ tổng kết năm học 1963-1964 trường phát thưởng luôn cho các học sinh được giải văn thơ. Nhân đó tôi được gặp thầy Võ Hồng lần đầu. Ông còn khá trẻ, trắng mét, cao hơn tất cả các thầy cô có mặt lúc đó.

Ngày sáng hôm sau tôi và một thằng bạn rủ nhau đến thăm nhà văn. Nhưng khi tới nơi, đứng trước cửa nhà thầy, ở đường Hồng Bàng, chúng tôi ngần ngại không dám vào. “Vô rồi mình biết nói chi, chẳng lẽ cứ ngồi đực mặt ra?” – “Tụi mình biết con khỉ gì mà đòi chuyện trò với người lớn? Bàn về văn học, về kinh tế chính trị, hay về ái tình? Mệt à?” Khi thấy một người đàn bà bước ra sân, hai đứa vội vàng quay lưng tặc tặc thẳng.

Mấy tháng sau, bước vào năm học mới, trong một ngày nghỉ tôi quay lại đường Hồng Bàng. Lần này đi một mình, nhưng nhờ tính tò mò thúc đẩy nên tôi mạnh dạn vào chơi. Đúng là chẳng có gì phải sợ. Thầy Võ Hồng vui tính, nói chuyện hoạt bát, cởi mở. Thầy đưa tôi xem mấy tờ báo Sài Gòn mới đăng truyện của thầy. “Sách báo đấy, muốn đọc gì em cứ tự nhiên”. Một nhà đầy sách, báo. Căn nhà rộng không có bàn tủ đất tiền. Vài bức tranh cũ trên tường. Một số cuốn lịch. Báo la liệt trên sàn, trên bàn, dưới đi văng. Giá sách thật lớn, choáng kín một bức tường. Có nhiều sách tiếng Pháp. Thầy nói, đó là một phần tư trí tuệ nhân loại. Thầy nói qua về hai tập truyện đã xuất bản “Hoài cổ nhân” và “Lá vắn xanh” và cho biết cuốn thứ ba đã viết xong, sắp in. Thầy bảo, đang cố gắng tập cho mình quen với việc viết đều đặn, theo thời khoá biểu, không ngồi chờ cảm hứng, “Cái gì cũng có thể quen cả, tôi nghĩ rằng tôi sẽ theo được cách viết ấy... nhờ đó ta có thể viết nhiều, thắng được thói chần chừ, lười chậm”. Thầy hỏi tôi thường đọc sách gì, thích

những tác giả nào. Tôi nói, tôi thích Thạch Lam, Nguyễn Công Hoan và nhận xét văn thầy vừa giống Nguyễn Công Hoan vừa giống Thạch Lam. Thầy cười “Mình cũng yêu hai vị, nhưng mình phấn đấu để không giống ai cả”. Thầy bảo khi có bài mới, nếu muốn thì tôi đem tới đây, thầy đọc và góp ý cho. Bây giờ, điều cần thiết là học và đọc.. “Em nên chịu khó đọc, đó là một cách học. Sách vở sẽ chỉ dạy chúng ta tận tâm. Ráng lên, rồi em sẽ thấy viết được là một hạnh phúc lớn. Trên đời không gì sướng thỏa bằng viết xong một bài báo, một truyện ngắn, một bài thơ”.

Giữa năm 1969 tạp chí Văn in cho tôi tập truyện ngắn đầu tay “Một cách buồn phiền”. Từ Sài Gòn tôi gửi cuốn sách còn tươi màu mực về Nha Trang tặng nhà văn Võ Hồng. Ít lâu sau đó tôi đã đọc thấy bài điểm sách của ông trên một tạp chí viết về tập truyện của tôi. Có thể nói đây là một bài giới thiệu hơn là một bài phê bình. Toàn những lời khen tặng, những nhận xét ưu ái của người thầy, ông chú dành cho một trò nhỏ, một đứa cháu mới vào nghề. Lúc này Võ Hồng đã nổi tiếng, đã xuất bản ba tiểu thuyết, bảy tập truyện ngắn. Trong số đó có cuốn “Hoa bướm bướm” được bạn đọc chào đón nồng nhiệt. Sách ông phần nhiều do hai nhà xuất bản Lá Bối, An Tiêm in. Những cuốn sách trang trọng, in đẹp, trình bày trang nhã, nhìn qua đã muốn mua. Tôi thích nhiều truyện trong hai tập “Con suối mùa xuân” và “Những giọt đắng”. Võ Hồng viết thận trọng, dung dị, trong sáng, chăm chút đến từng cái tên người, tên đất. Văn ông súc tích, có nhiều nhận định, phát hiện thú vị, hóm hỉnh, bất ngờ về con người, về đời sống. Đặc biệt là ông viết thật hay về tầng lớp trung lưu thành thị và nông dân. Ông

khắc hoạ thành công nhiều nét mặt của những nhân vật vốn nằm trong số đông trầm lặng, những người sống giữa đời thường mà thoát nhìn chúng ta cứ ngỡ rằng chẳng có gì đáng để nói đến.. Đọc truyện, ta thấy họ như hiển hiện trước mặt, đi đứng, nói cười sinh động, mỗi người một vẻ. Ông viết về miền quê, đồng ruộng, dân cây với tình cảm trù mến, bằng giọng văn tươi tắn, thấm đẫm hoài niệm.

Vào khoảng thời gian này, hễ có dịp đi ngang Nha Trang là tôi ghé lại Hồng Bàng thăm nhà văn. Tôi thích đến đây chủ yếu vì tính ông dễ chịu. Khỏi giữ kẽ phiền phức. Không khách sáo mệt mề. Ông chỉ chiếc võng và cái ghế xếp, bảo tôi lấy báo tới đó nằm đọc, chừng nào chán thì về. Thỉnh thoảng ông còn mời cơm, đãi cà phê. Ông kể tôi nghe nhiều giai thoại văn chương lạ và vui. Ông phân tích, phê bình những cuốn truyện hay mới phát hành. Ông có nhiều nhận xét hài hước, ý nhị về các nhà văn, các ông lớn đang lên chân hoặc đang múa may, làm trò, to tiếng ở Sài Gòn. Nếu cần chỉ bảo, ông nói khéo léo, không dùng giọng của thầy giáo lên lớp: “Về việc này chúng ta nên... Ở điểm này mình nghĩ rằng chúng ta cần...” Và tôi nhớ nhất một điều ông lặp lại nhiều lần: “Có câu hỏi khó mà người cầm bút phải tìm cách trả lời: viết sao để sau này, vài trăm năm nữa, người ta vẫn tìm đọc mình”.

Hơn mười lần tôi đến thăm ông, lúc nào cũng có ông ở nhà. Không ngồi tại bàn viết thì nằm võng đọc sách. Đọc hoặc viết, dường như ông chẳng làm gì khác. Nhà lúc nào cũng yên tĩnh, vắng lặng. Những người bà con của ông ở cùng nhà đi lại nhẹ nhàng, lặng lẽ. Họ nói khẽ không cười nói lớn tiếng. Những bữa cơm của nhà văn có

vẻ đặc biệt, nó gọn nhẹ quá mức. Một mâm nhỏ. Ông ngồi một mình bên mâm cơm trơ trọi. Đã lâu, quá lâu rồi, ông không có bữa cơm gia đình.

“Không nhiều thì ít, em nên viết thường xuyên, nếu nghỉ lâu ngòi bút sẽ yếu, ngưng, han rỉ”. Những lời động viên, chỉ dạy của ông tôi vẫn nhớ, nhưng chẳng thực hiện được mấy. Phần vì sống xa thành phố, phần do kém ý chí, do việc mưu sinh nhọc nhằn (cây cuốc đè nặng trên vai) nên tôi chỉ “sản xuất” cầm chừng, lâu lâu được cái truyện ngắn, lắm khi cả năm bói không ra một chữ. Những năm gần đây, mỗi khi ghé lại Hồng Bàng, để tránh trả lời câu hỏi của nhà văn: “Có viết gì không anh bạn”, tôi “chủ động” hỏi trước: “Thầy có viết được bài nào mới không?”. Và chúng tôi lại xấp vào nói chuyện văn chương, sách báo như đã từng nói mấy mươi năm qua. Ngày tháng trôi đi thản nhiên, nhịp nhàng. Tuổi tác vô tình phủ chụp bụi tro tàn úa xuống đầu mọi người, không chừa một ai. Nay tôi cũng đã bước vào tuổi xế chiều, hướng chi ông. Cho nên bây giờ nhìn thấy ông khỏe mạnh đã là điều đáng mừng./.

Ngô Văn Ban

Đọc những tác phẩm giàu tính giáo dục của nhà văn Võ Hồng

Qua ba tác phẩm của Võ Hồng do nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 1992 – 1993: **“Vấy tay ngâm ngùi** (tập truyện), **Thương mái trường xưa** (truyện dài), **Hồn nhiên tuổi ngọc** (tập thơ) ta thấy Võ Hồng không những là nhà văn, nhà thơ của tuổi thơ mà còn là một nhà giáo dục, một người thầy đã nhiều năm lăn lộn trong nghề

dạy học. Trong những năm tháng dưới mái trường với nhiều thế hệ học sinh, với những tình cảm thầy trò, cùng sinh hoạt, cùng vui buồn.... Nhà giáo Võ Hồng đã có rất nhiều chất liệu để tạo nên những tác phẩm văn học sâu sắc về học trò, về mái trường, về nghề làm thầy của mình. Do đó, những học trò đã từng được thầy Võ Hồng dạy dỗ, chăm sóc sẽ thấy bóng dáng của mình, ngôi trường của mình, những thầy cô của mình, bạn bè của mình hiện diện đâu đó trong tác phẩm của thầy.

Tập truyện **Vẫy tay ngậm ngùi** có những truyện về lứa học sinh trước năm 1975 như trong các truyện “Một ngày cho mẹ, Cánh thiệp đầu xuân, Tuổi học trò...”. Thời gian trôi qua, những thế hệ học sinh ấy đã tung cánh khắp bốn phương, bây giờ nhớ lại, như một “vẫy tay ngậm ngùi”. Còn **Thương mái trường xưa** là một tập truyện nhỏ nhắn, xinh xắn về một tập thể học sinh cấp 2 sau năm 1975 mà tác giả đã từng giảng dạy. Tập truyện mở đầu bằng “Ngày khai giảng...” và kết thúc bằng “...nụ cười rưng rưng” trước khi rời xa mái trường thân yêu, đầy ắp những kỷ niệm của một thời cắp sách. Qua thời gian của một năm học, có những câu chuyện nho nhỏ đã được tái hiện thật sinh động, truyền cảm về người thầy chủ nhiệm hết lòng chăm lo cho học sinh lớp mình phụ trách, về quý thầy cô bộ môn đầy lòng nhiệt tình và trách nhiệm, về những bạn bè mỗi đứa một tính, về những lần sinh hoạt không thể nào quên trong các hoạt động của lớp, của trường... Hơn nữa, những truyện tuy nho nhỏ ấy nhưng đầy tính giáo dục cao. Như Bài học về tổ chức là cách xếp đặt chỗ ngồi cho học sinh, chia tổ học tập sao cho hiệu quả, phân công trực lớp trực trường thật khoa học, tổ chức cho học sinh góp nhiều sách cho

thư viện trường, cách kiểm tra học sinh, tổ chức thể dục đồng diễn, tổ chức sinh hoạt hè sao cho có kết quả tốt... Ta còn thấy có bài học về ngôn ngữ, từ ngữ, tiếng Việt, về cây cỏ, về văn học, về hoá học, về Anh ngữ... bên cạnh những bài học về cách đối xử với bạn bè, về tình bạn, tình thầy trò... Những thế hệ học sinh học với thầy Võ Hồng, ai cũng nhớ về thầy dạy văn học của mình, thầy đã dạy học sinh làm thơ, viết “nối điệu” (1) một truyện của nhà văn nổi tiếng, bạn nào cũng có một câu hay, “khá” cho thầy đọc lên rồi gom vào một album, để rồi cuối năm đăng vào đặc san của trường... Đó là chưa kể mỗi bạn có một tập thơ viết tay của các bạn trong lớp tự sáng tác, mỗi người lưu giữ như một kỷ niệm không bao giờ quên của một thời đi học của mình. Ngoài dạy văn, thầy còn dạy môn sinh vật, môn ngoại ngữ nên tác phẩm thể hiện được những tri thức sâu sắc, nhưng không kém phần dễ hiểu trong những bài học nho nhỏ kể trên. Cuối mỗi truyện là một nhận định, một nhận xét như những câu cách ngôn, châm ngôn đầy tính giáo dục. Như khi kết thúc truyện “Tổ học tập”, là câu: “Khi mình quyết tâm làm điều tốt giúp kẻ khác thì mình không bị thua thiệt gì hết. Mà trái lại, người được hưởng điều tốt, đầu tiên lại chính là mình”. Hay cuối truyện “Không coi thường những khuyết điểm nhỏ”, ta đọc được: “Tôi thành thật muốn đổi cái túi đằng sau mang ra đằng trước để thường xuyên nhìn thấy những khuyết điểm mà sửa chữa”...

Những câu chuyện nho nhỏ đầy cảm động, đầy vui thích, bổ ích, đầy ắp những kỷ niệm của tuổi học trò đó cứ thế mà thấm dần vào tâm hồn người đọc, khơi lại một thời cắp sách của mình dưới mái trường xưa. Một thời đã qua,

nhưng làm sao quên được những tình cảm thầy trò, những bạn bè thân yêu... Cho nên, “Mỗi khi có người nhắc đến tên trường” “là chúng tôi hồi hộp như chợt nghe ai gọi đúng tên mình”... và có dịp “Về thăm trường cũ”:

*... Lũ chim thơ dại đã xa bầy
Ai còn? Ai mất? Ai thương nhớ
Ai ghé qua thăm lại chốn này?
(Hồn nhiên tuổi ngọc)*

Trước khi bước vào tuổi hoa niên của một thời học sinh cấp 2, cấp 3 là một thời của Hồn nhiên tuổi ngọc. Những tri thức đầu tiên đến với tuổi thơ ngây là do “cô giáo vỗ lòng”. Cô “như một mẹ hiền chăm sóc đàn con”, “cầm tay chỉ, như truyền cho sức mạnh”, “đôi mắt dịu dàng, mắt nhìn thấu suốt”... Cho nên “từ xa quê hương, tấm thân phiêu dạt, vẫn nhớ hoài cô giáo nhỏ trường xưa”. Những bài thơ nho nhỏ trong **Hồn nhiên tuổi ngọc** là những bài thơ thật là hồn nhiên, trong sáng, những bài thơ thật là dễ thương như tuổi thơ hồn nhiên, dễ thương của các cháu... Những bài thơ như những lời dạy bảo nhỏ nhẹ của người ông, người cha, người mẹ... về những vấn đề trong cuộc sống, như về tình người (Những món nợ), về “Công ơn tổ tiên”, về người bà già yếu, về người cha cực nhọc, về người mẹ thân yêu, về đứa em nhỏ cần chăm sóc... Nhưng tuổi thơ cũng có những nhận định, quan sát, biểu lộ qua tâm hồn và con mắt thật hồn nhiên như tuổi thơ các cháu. Tác giả đã ghi lại, đã nắm bắt được những điều ấy bằng cái nhìn tinh tế, sâu sắc của mình mà những người cha người mẹ khác chưa chắc đã nắm bắt được. Những gì ở chung quanh trẻ, từ những người thân yêu đến cảnh vật thiên nhiên, những cây cỏ,

con vật chim chóc... trẻ đã cảm nhận, vui thích, thưởng thức theo cách của chúng với cách nhìn, cách cảm hồn nhiên, thơ ngây. Trẻ cũng ngạc nhiên trước những đổi thay của vạn vật (Lịch của loài cây, Cây măng cầu mùa Hạ...), đã biết thưởng thức những quả ngon, trái ngọt của “Mùa trái chín”, nhưng trẻ cũng biết “suy nghĩ vẩn vơ” trước cái tên của cây trái, thú vật, chim chóc... để từ đó “nhớ công lao của tổ tiên, cũng nhờ Người, lần chịu khó đặt tên”. Cây bàng cô quạnh, cây khế góc vườn, cây dừa cung cấp trái... những cây trái cô quạnh, khiêm tốn, ít người để ý, nhưng qua mắt tuổi thơ, đó là hình ảnh đẹp, gợi cho trẻ những người mẹ nghèo, người bạn của những người bất hạnh và đầy sự khiêm tốn:

Suy ra Dừa hơn Người

Người mà công lao vậy

Thì khoe khoang hết lời

Thì ba hoa biết mấy

(Cây dừa khiêm tốn)

những bài thơ trong **Hồn nhiên tuổi ngọc** không những mang những bài học về lịch sử, địa lý, sinh học, ngôn ngữ mà còn mang tính giáo dục một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, không có những quy tắc giáo dục nặng nề. Phần **Phụ lục**, “Bé học làm thơ” cũng mang tính khoa học, giáo dục, dạy cho trẻ có tâm hồn biết làm những bài thơ nho nhỏ để tặng cha mẹ, thầy cô, bạn bè và lưu giữ cho mình những kỷ niệm một khoảng đời với những vần thơ đầy ắp **Hồn nhiên tuổi ngọc** của mình.

Năm 1995, nhà xuất bản Trẻ phát hành cuốn **Trăm tư** của nhà văn Võ Hồng. Đây là những lời “ghi rả rác trong những trang nhật ký, trên bìa cuốn vở nháp, sau lưng cuốn sách, cuốn lịch... là những suy nghĩ nhỏ, bất

chợt. Nay chọn lọc lại, xén cắt, trang điểm, đặt tên là “Trầm Tư”. Trong 538 “trầm tư”, tác giả đã dành 16 “trầm tư” cho giáo dục, như mục lục của sách đã ghi.

Trầm tư về việc đối nhân xử thế, trong việc khen chê: “Đừng ưa chê bai kẻ khác. Con hãy nhìn vào gương. Khi chê ai, mặt con nhăn nhúm xấu xí. Khi khen ai, mặt con rạng rỡ xinh tươi. Hỏi còn có thuật trang điểm nào đơn giản mà hiệu quả hơn không?” (Trầm tư số 1). Hay: “Khi phê phán cụ thể công việc của ai đừng dùng chữ Dốt để chê, bởi sự Dốt rộng rãi như vũ trụ, dày như đêm tối, bao trùm con người từ buổi Sáng thế đến ngày Tận thế” (Trầm tư số 495)

Trầm tư về việc giáo dục trẻ hư thì: “Đừng mắng trẻ con bằng những từ ngữ tổng hợp mà nên phân tích cái lỗi, cái sai. Mắng “mày ranh mãnh, nói láo, ganh tị...” thì nhiều khi chính là dạy chúng ranh mãnh, nói láo, ganh tị...” (Trầm tư số 74). Cũng như cảnh báo những người có thể làm trẻ hư: “Có điều này để nhà làm phim giáo dục bớt lạc quan: khán giả trẻ con không thích nhớ đoạn chót của phim mà ưa nhớ đoạn giữa; không muốn nghe lời khuyên răn ở phần cuối mà khoái bắt chước những hành động xấu ở phần đầu: du côn, ăn cắp, nói dối...” (Trầm tư số 24).

Với học sinh, có những trầm tư: “Có điều này để an ủi người học trò nghèo: Phải học mới thuộc, mới giỏi. Không thể lấy bạc vàng thuê người thầy giỏi học thuộc thay mình” (Trầm tư số 277). Hay: “Khiêm tốn không có nghĩa là trong lớp có 40 học sinh, thì con quyết giữ vị thứ 38, trước một bạn nói ngọng và một bạn gù lưng. Khiêm tốn là muốn đứng hạng thứ 2, thứ 3 nhưng điểm quá cao đành đứng hạng thứ nhất” (Trầm tư số 297). Hay: “Đừng

nói “Vì đốt nên phải học” mà nói “ Gắng học cho biết”. Khi học, ta thấy rõ có thêm cái biết, chớ ít thấy có bớt cái đốt. Bởi càng học càng thấy thêm những điều mình còn đốt, đốt ở quá nhiều lĩnh vực” (Trầm tư số 303). Và, “Mỗi ngày lẩm nhẩm nhớ một kiến thức phổ thông: sông nào dài nhất, núi nào cao nhất, tỷ trọng mặt trăng, vận tốc sao chổi... Mỗi năm thuộc được 365 kiến thức. Bắt đầu lúc 10 tuổi thì khi lên 30 tuổi bước vào đời đã biết tới 7.300 điều rồi, tới gần ấy rồi. Nhưng lạ, dễ vậy, rõ ràng vậy mà chẳng mấy ai chịu làm” (Trầm tư số 352)... Và còn nữa, bây giờ, những trầm tư mang tính cách giáo dục trong “Trầm tư” đã in và sắp in, trong những lần trao đổi những vấn đề giáo dục đầy nhiệt tình, đầy mong muốn khi có dịp tiếp xúc, gặp gỡ những thầy cô giáo đã, đang đứng trên bục giảng... Điều đó, có thể thấy rõ, nhà giáo, nhà văn Võ Hồng, trước kia cũng như bây giờ, tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng tâm huyết chăm lo giáo dục thế hệ trẻ vẫn không cạn. Và điều đó cũng đã thể hiện rất rõ trong cuộc đời dạy học đã qua của mình và trong những tác phẩm đầy tính giáo dục của nhà văn đã được xuất bản../.

(1)Nối đuôi: là tự mình làm tiếp một câu thơ của người khác, người này tiếp tục nối câu người khác thành một bài thơ.

Nói chuyện với nhà văn Võ Hồng

*Năm 1969, anh Trần Hoài Thư sau khi bị thương lần thứ hai (2) tại chiến trường Bình Định. Được phép nghỉ 15 ngày (phép do QYV/QN cấp) trước khi ra lại đơn vị. Anh đã về Nha Trang, và nói chuyện với nhà văn Võ Hồng. Tác giả: **Như***

Cánh Chim Bay

Hai mươi bốn năm sau. Năm 1993 chị Nguyễn Thu Trâm cũng làm một cuộc nói chuyện với nhà văn Võ Hồng qua hai tác phẩm: ***Thương Máí Trường Xưa*** và ***Hồn Nhiên Tuổi Ngọc*** do nxb Trẻ giới thiệu hai tác phẩm này tại Thành phố biển Nha Trang.

Hai thời điểm khác nhau. Hai thế hệ khác nhau. Chúng tôi xin đi lại hai bài nói chuyện dưới đây của hai tác giả Trần Hoài Thư và Nguyễn Thu Trâm để nghe nhà văn Võ Hồng nói về tác phẩm, nhân vật, con người chung quanh ông để độc giả hiểu về cuộc đời cầm bút của một nhà văn.... (PVN)

Bài 1/

Trần Hoài Thư

Nói chuyện với tác giả Như cánh chim bay

(Tạp chí Văn 22-06-69)

Chúng tôi đến gặp Võ Hồng vào một buổi sáng chủ nhật trong một ngày về phép. Căn nhà nằm trong một khu vực hơi xa phố nhưng chúng tôi còn được nghe sự rộn rịp của xe cộ bên ngoài. Tác giả *Gió cuốn* tiếp chúng tôi niềm nở trong phòng khách cũng là nơi làm việc của ông.

Qua chén trà, và những sinh hoạt văn nghệ, chúng tôi được biết ông hiện nay mang trong lòng một mối buồn phiền, - một mối buồn phiền mà chắc chắn các văn nghệ sĩ bạn sẽ sẵn sàng chia sẻ cùng ông -. Ý nghĩ phỏng vấn bắt đầu từ đó.

Xin ông cho độc giả Văn biết sơ lược vài nét tiểu sử của ông?

Quê quán tôi ở Tuy An, Phú Yên. Tôi bắt đầu viết khi

còn là học sinh trường Collège Qui Nhơn. Rồi kháng chiến, tôi đi dạy ở một trường Trung học. Chính thời gian đó đã cho tôi nhiều khái niệm trong các tác phẩm của tôi về sau này.

Xin ông cho biết tác phẩm mới nhất của ông?

Như cánh chim bay. Nhưng bị gặp trở ngại. Bản thảo hiện đang bị kẹt nơi Sở Phối hợp Nghệ thuật.

Bây giờ đến lượt ông?

Bây giờ đến lượt tôi. Nạn nhân gần đây là cô Trùng Dương. Tác phẩm nạn nhân là *Ngàn cánh hạc*. Ngàn cánh hạc là truyện dịch. *Như cánh chim bay* của tôi là truyện sáng tác. Nếu không cho in *Ngàn cánh hạc*, cô Trùng Dương phiền lòng mười phần thì đến lượt tôi, *Như cánh chim bay* không được phép in, tôi phải phiền lòng đến một trăm phần.

Bởi lẽ?

Thật dễ hiểu. Bởi lẽ *Như cánh chim bay* là sách sáng tác. Một cuốn truyện dài là kết quả của một công trình cực nhọc. Thường phải thai nghén hai năm và viết một năm. Đó là nói một cuốn truyện dài giá trị trung bình và độ dài cũng trung bình, nghĩa là dài khoảng 300 đến 400 trang in.

Tốc độ sáng tác mà ông nói đó có phải là tốc độ tiêu chuẩn?

Tốc độ trung bình thì có lẽ đúng hơn. Có tác giả viết mau hơn. Có tác giả viết chậm hơn. Tôi thuộc loại tác giả viết chậm. *Hoa Bướm bướm* in năm 1966. Ba năm sau tôi cho in *Như cánh chim bay*.

À, trước đây tôi có đọc *Hoa bướm bướm* của ông và tôi thấy nhà xuất bản Lá Bối rao rằng truyện *Hoa bướm bướm* sẽ được tiếp theo bằng truyện *Như cánh chim bay*.

Đúng như lời anh. Những nhân vật trong *Hoa bướm bướm*

độc giả sẽ gặp lại trong *Như cánh chim bay*.

Xin lỗi ông cho tôi đi trở lại một chút. Lúc này ông nói thời gian sáng tác một cuốn tiểu thuyết dài phỏng định là ba năm (hai năm thai nghén và một năm viết). Ông có thể giảng rõ việc thai nghén và viết nó khác nhau như thế nào?

Dùng chữ "thai nghén", ý tôi muốn nói là đặt trọng tâm cho câu chuyện, xây dựng cái sườn, tạo ra nhân vật, xếp đặt tình tiết của câu chuyện. Công việc này đeo đuổi người tác giả thường xuyên, lúc nào cũng bất y suy nghĩ, suy nghĩ (*ông khẽ nhắm mắt lại*) suy nghĩ. Sau khi các tình tiết của câu chuyện đã xếp đặt ổn thỏa hợp lý thì bắt đầu viết.

Cám ơn ông đã giải thích chi tiết. Tôi hỏi có hơi xa đề nhưng đó cũng là một dịp tốt để độc giả hiểu qua nỗi khổ nhọc của người viết và do đó họ cảm thông với nỗi buồn phiền hay uất ức của người tác giả có tác phẩm không được phép in. Nhưng, xin ông cho phép tôi dài dòng thêm một chút, cái thời gian ba năm viết một tác phẩm mà ông vừa nói, đó là kinh nghiệm riêng của ông?

Không phải của tôi. Đường như đó là câu của André Gide trả lời một nhà báo phỏng vấn. Lâu ngày, tôi không còn nhớ chắc có phải André Gide không, nhưng nội dung câu trả lời là như vậy. Và cái kinh nghiệm cầm bút cho tôi thấy cái thời gian đó không phải là quá dài.

Bao nhiêu công phu như vậ mà cuốn sách không được phép in thì nỗi phiền của ông phải lớn lắm?

Đúng như anh nói. Nhất là cuốn truyện không đáng được Sở Kiểm duyệt bắt tội như vậy.

Ông có thể cho tôi biết Sở Kiểm duyệt, à quên, Sở Phối hợp Nghệ Thuật, nhận định thế nào khi không cấp giấy phép xuất bản cho tác phẩm của ông?

Tôi không trực tiếp nhận lời chỉ giáo của Sở Kiểm duyệt. Nhà xuất bản đưa đi kiểm duyệt và ông giám đốc nhà xuất bản viết thư cho tôi rằng, đại để Sở Kiểm duyệt bảo: Nhân vật chính trong truyện khi trở về miền Quốc gia chưa biểu lộ một tinh thần Quốc gia rõ rệt. Sở Kiểm duyệt yêu cầu tác giả sửa lại theo tiêu chuẩn đó trước khi được phép in.

Vâng, Luân là nhân vật chính. Trong Hoa bướm bướm, Luân là một thanh niên trí thức tiểu tư sản, con nhà địa chủ. Anh ta yêu nước như mọi thanh niên khác vào thời đó, mà tuyệt đối không có lập trường chính trị. Anh ta ghét thực dân Pháp, tham gia chính phủ Trần Trọng Kim rồi khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ anh ta tham gia cuộc kháng chiến. Có điều không tích cực lắm bởi lẽ anh ta mang cái mặc cảm mình là một phần tử của chính phủ Trần Trọng Kim.

Đường như có một nhân vật nữ nữa?

Tên là Quỳ. Quỳ là thành phần tư bản, chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp nặng hơn và đời sống ở thành thị mang nặng dấu vết thân Pháp hơn. Có bị bắt, bị giam và khi thả ra cô cũng tham gia kháng chiến.

Lại cũng không tích cực bao nhiêu...

Đúng. Các nhà phê bình văn học như ông Nguyễn Mạnh Côn, ông Uyên Thao, ông Cao Thế Dung đều có nhận xét đó. Các ông ấy đều bảo rằng những nhân vật đó còn sống ngoài lề cuộc kháng chiến.

Ông cũng công nhận?

Biết nói sao? Bởi lẽ tôi đã sắp đặt như vậy. Tôi để sang cuốn thứ hai, cuốn *Như cánh chim bay* họ kháng chiến tích cực hơn.

Vì thế nên cuốn truyện bị làm khó dễ?

Thật ra thì họ cũng tích cực hơn trong phạm vi những

người thanh niên yêu nước. Luân được giao phụ trách Bình dân học vụ của một huyện rồi sau đó anh ta lên làm Trưởng Ty Bình dân học vụ. Quỳ thì đi dạy giúp một lớp huấn luyện văn hóa cho chị em cán bộ phụ nữ.

Cán bộ tức là đoàn thể, tức là tham gia chính trị rồi.

Tôi không để cho họ tham gia chính trị mà cả hai chỉ hoạt động trong ngành văn hóa giáo dục. Hoạt động như đại đa số những thanh niên trí thức khác không hề có chân trong đoàn thể.

Tôi hiểu. Ý ông muốn tránh nói đến chính trị.

Tôi không có ý đồ chính trị khi viết bộ trường giang tiểu thuyết này. Tôi chỉ khách quan mô tả lại những cảnh sống của quần chúng trong thời kháng chiến chống Pháp. *Khó lòng mà tránh động chạm đến chính trị bởi chính trị nó nằm ở trong mọi địa hạt sinh hoạt.*

Tôi hiểu vậy nên thật là khó viết. Tôi phải lược bỏ những gì có dính dáng đến chính trị, và đó không phải là một việc dễ làm.

Nhưng sao ông lại chọn chỉ một việc mà ông biết là không dễ làm?

Bởi, như tôi đã trình bày với anh khi nãy, tôi muốn cho cuốn sách của tôi khách quan hết sức, vô tư hết sức.

Ông nghĩ rằng ông đã đạt được mục đích đó?

Tôi cho rằng tôi đã đạt được. Tôi biết anh đang nghĩ là tôi chủ quan. Nhưng tôi có thể tin tôi bởi vì một nhà phê bình, ông Trần Thiện Đạo, khi phê bình *Hoa bướm bướm* đã nhận xét như vậy (1)

Tôi thấy từ nãy đến giờ ông hay nhắc đến chữ "khách quan, vô tư", coi như đó là tiêu chuẩn ông tự vạch ra khi cầm bút. Ông không chịu dấn thân như nhiều tác giả trong thời đại của ông...

Vô tư và khách quan cũng là một cách dấn thân. Ông

không nghĩ rằng "vô tư" là một thái độ sao? Tôi chuộng sự thật và như ông thấy đó, muốn nói cho được sự thật đâu phải là chuyện dễ. Tới đây xin ông cho tôi phép tôi được nói ngoài lề một chút. Tôi rất có cảm tình với những phóng viên báo chí -cố nhiên là những phóng viên theo đúng nghĩa của nó- nghĩa là vô tư, chỉ biết viết sự thật, những điều tai nghe mắt thấy. Hai nước đang tranh chấp nhau, thì nước nào cũng nói tốt cho phần mình và chê bai nhục mạ kẻ đối địch của họ. Muốn biết rõ sự thật, người bàng quang chỉ còn có cách là đọc những bài của phóng viên, nhất là phóng viên ngoại quốc.

Tôi hiểu ông định nói gì. Có phải rằng những điều ông viết có phần nào... giống như những điều viết của một phóng viên?

Có phần giống như thế và cũng có phần khác. Bởi lẽ tôi không phải là một phóng viên. Tôi viết tiểu thuyết và dưới ngòi bút của tôi các nhân vật đều có nếp suy tư của họ. Những suy tư đó đều hướng về tình yêu nước, chịu những gian khổ để kháng chiến chống Pháp. Thế hệ thanh niên miền Nam chúng ta được biết bao nhiêu về giai đoạn kháng chiến đó? Họ không biết rằng những người kháng chiến ngày xưa là những người hiện sống cạnh họ hôm nay, là chú bác ba má họ, là những người công chức, là quân nhân vào cỡ tuổi 35 đến 50 tuổi, là đồng bào nông thôn và công chức thành thị. Viết về cuộc kháng chiến với một quan điểm minh bạch như vậy mà Sở Kiểm duyệt nghi ngại thì thật có hơi hẹp hòi.

Ông có trình bày quan điểm của ông cho Sở Kiểm duyệt? Có.

Ông có thể cho đọc giả Văn biết những quan điểm ấy?

Tôi trình bày câu chuyện *Như cánh chim bay* không dừng lại ở dấu chấm hết của cuốn truyện mà nó sẽ còn tiếp

tục ở những cuốn sau. Tôi dự định viết bốn cuốn lấy bối cảnh cuộc kháng chiến. Hoa bướm bướm là giai đoạn chính phủ Trần Trọng Kim, cuộc Cách mạng tháng Tám, cuộc kháng chiến, Hiệp định sơ bộ. *Như cánh chim bay* là giai đoạn 1946 đến 1949. Sẽ có hai cuốn nữa giành cho giai đoạn 1949 đến 1954.

Ông đã viết xong cả?

Chưa. Tôi dần xong cuốn thứ ba.

Đầu đề của cuốn thứ ba là gì?

Tôi chưa tìm ra. Ban đầu tôi định đặt tên là *Ngày về*. Sau tôi đổi ý kiến. Ngày về sẽ là tên cuốn thứ tư. Cuốn thứ ba tôi chưa tìm ra tên. Như vậy là trong cuốn *Như cánh chim bay* nhân vật chính chưa về miền quốc gia. Nhân vật chính còn đang kháng chiến. Tôi cũng có trình bày với sở kiểm duyệt là bộ tiểu thuyết của tôi, tôi muốn được coi là một bộ sử. Tôi viết dưới dạng tiểu thuyết cho người đọc thấy hứng thú. Tôi chỉ nhằm mục đích văn hóa, muốn ghi lại cho các thế hệ đàn em được rõ những nếp sống của dân tộc trong thời kỳ chống Pháp. Hoàn toàn không có mục đích chính trị.

Ông có thể nhân đây; nói qua cho biết nếp sống mà ông đã chọn để ghi lưu lại cho thế hệ đàn em, như ông nói?

Nhiều lắm. Ngay ở trong *Hoa bướm bướm* anh cũng đã thấy rồi. Trong *Như cánh chim bay* tôi có tả lại cảnh giáo viên Bình dân học vụ dạy học trong những cái chòi lá, cảnh đóng cổng đổ chữ, cảnh giao thông bằng xe goòng, cảnh xung phong nhập ngũ, cảnh gia tăng sản xuất, cảnh vận động đời sống mới, cảnh tắm bằng lá chuối.

Tắm bằng lá chuối?

Có nhiều điều để kể cho anh ngạc nhiên nữa. Đối với lớp tuổi thanh niên thành thị thì sự ngạc nhiên còn nhiều hơn đối với anh.

Như cánh chim bay không được phép in, ông có biện pháp nào không?

Tôi biết biện pháp gì bây giờ? Quyển truyện được in, tôi sẽ thăm dò dư luận khen chê để tôi viết cuốn tiếp theo. Ông đọc *Chiến tranh và hòa bình* của Tolstoi rồi chứ gì? Để viết bộ sách đó, Tolstoi đã đọc kỹ không biết bao nhiêu là tài liệu đã được in rồi. Ở miền Nam, tôi muốn tìm tài liệu, mà không có. Tôi đành phải căn cứ vào những cuốn sổ nhật ký cá nhân và số ít, rất ít những tác phẩm, những bài viết về thời đó. Tôi phải hỏi chuyện những người thời kháng chiến và họ kể lại theo trí nhớ của họ. Cuốn sách của tôi không thể đầy đủ được, nhưng tôi nghĩ rằng những cuốn sách sau nó sẽ đầy đủ hơn. Mọi chúng ta phải hy sinh để kể đến sau có kinh nghiệm. Đó, làm việc trong những hoàn cảnh thiếu thốn như vậy, đã không được khuyến khích mà còn gặp thêm trở ngại, anh em nghĩ xem làm sao mà các tác giả của ta có thể làm giàu cho kho tàng văn hóa đất nước được?

Lúc này ông nói rằng cuốn Như cánh chim bay, ông đã dựng xong cái sườn rồi. Vậy ông có định viết tiếp không? Theo tôi thì dù hôm nay Như cánh chim bay chưa được phép in, nhưng ông cứ viết cuốn tiếp theo. Bởi lẽ Sở Kiểm duyệt có thể sẽ xét lại.

Tôi định nghỉ hè có thì giờ rảnh rồi tôi sẽ bắt đầu viết. Nhưng không biết có đủ hứng thú để viết không.

Bản dịch Ngàn cánh hạc của cô Trùng Dương đã được Sở Kiểm duyệt xét lại và cho phép in rồi mà, ông có hy vọng...

Tôi cũng mong rằng cuốn *Như cánh chim bay* cũng sẽ được Sở Kiểm duyệt xét lại và cho phép in.

Tôi cũng mong như vậy.

Nắng đã hơi lớn ở ngoài sân. Tôi nghĩ rằng những câu

hỏi của tôi cũng đã tạm đầy đủ. Một vị tu sĩ vào mời ông tham dự một cuộc du ngoạn với anh em học sinh. Ông cáo vì bận. Nhìn ông ngồi trong chiếc ghế bành rộng, tôi ngỡ rằng nhà văn của chúng ta là đang bị lẻ loi hơn bao giờ hết.

(2) Tân văn số 1, tháng 10.1967, ông T. T. D. có viết: "*chúng ta đòi hỏi ở nhà văn hóa cái duyên kể chuyện, trình bày khách quan, và cung cấp cho chúng ta đầy đủ tài liệu, dù một cách gián tiếp, mà vẫn tôn trọng quan điểm riêng rẽ của từng người chúng ta. Với Võ Hồng, chúng ta được toại nguyện về phương diện đó*"

Bài 2/

Nguyễn Thu Trâm

Nha Trang

Võ Hồng: Năm 1955 tôi từ Đà Lạt xuống Sài Gòn và năm 1965 từ Sài Gòn ra Nha Trang. Vậy là đã gần 40 năm. Viết về Nha Trang thì lâu hơn. Trong cuốn *HOÀI CỐ NHÂN*, Cuốn truyện đầu tay in năm 1959, tái bản năm 1969 đã có nhắc đến Nha Trang: cô Thu Vân bị mẹ ép gả cho một cậu lục sự trẻ, nhà giàu, quê ở Nha Trang (tr 69). Sau đó Thu Vân cho biết, chặng năm 1940, một cô bạn cũ của mình cũng yêu cũng khổ và người yêu của cô bạn cũng gốc ở Nha Trang khiến "tôi" dần mạnh giọng hỏi ngay:

-Nha Trang, sao lại Nha Trang?

-Vân nhìn tôi mỉm cười chua chát:

-Thì Nha Trang chớ sao? Nha Trang thì cũng như Hà Nội, Đà Lạt có khác chi đâu?

-Thế sao Nha Trang lại hay làm khổ, làm phiền Sông Cầu vậy nhỉ? (tr 104)

Trong cuốn NGƯỜI VỀ ĐẦU NON in năm 1968, vai trò Nha Trang trong lịch sử được nhắc lại: Lúc bấy giờ (trước năm 1938) con đường xe lửa bỏ từ Bắc đến Tourane thì ngừng lại, bỏ từ Nam đến Nha Trang thì bỏ hết nổi. Đoạn đường Nha Trang – Tourane đi toàn bằng ô tô. Xe chở thư từ mà dân chúng gọi là xe thơ, lúc đầu là xe hãng Staca màu xám, sau là xe hãng Bourbon màu vàng (tr 9).

NTT: Đó mới là Nha Trang trong tâm tưởng. Còn Nha Trang trong mắt nhìn?

VH: Có nhiều. Năm 1957 đang dạy ở trường Trung học Bồ Đề thì có mấy người bạn ở Đà Lạt xuống chơi. Tôi đưa họ đi chơi xóm Lò Gốm thôn Ngọc Hội và truyện Tia Năng Rớt được hình thành (in trong tập LÁ VẮN XANH, nxb Thời Mới 1961) với những cảnh: Quá Chợ Mới con đường nhỏ lại và nện đất. Nhà nổi tiếp thưa thớt hơn. Thỉnh thoảng đôi mắt được nghỉ ngơi trên những cánh đồng mía lá xanh rờn rợn. Tiếng bàn chuốc rập rình ở một cái trại nhỏ vang xa... Một người đàn bà dùng chân đẩy cho cái bàn xoay, còn một người đàn bà khác đưa hai tay kéo một con đất cho thành hình cái chậu. (tr 140). Bao nhiêu là địa danh được nhắc đến: hòn Chồng, Phật Học viện, ngã Sáu Nhà Thờ, đường Duy Tân, đường Bạch Đằng... rồi rập Tân Tân, khách sạn Liên Mai...

Truyện XUẤT HÀNH NĂM MỚI kể chuyện đầu năm bốn cha con đi thăm mộ ở nghĩa trang Phật giáo, qua cầu Xóm Bóng, nhìn lên Tháp Bà, ngó qua tu viện Francico, ngó xuống xóm Cồn, bến Đầm...

Trong tập VẾT HẸN NĂM THÁNG (nxb Lá Bối 1965) có truyện Người Thứ Ba tôi cho nhân vật Long đi xe lửa: Tàu qua đèo Cả 12giờ khuya. Long đau đớn nghĩ rằng giờ này là giờ hợp cần... Khi tàu dừng lại ở ga Ninh Hoà, anh thở dài tự nói với mình: thực tế thì phải có can đảm lắm mới tự tử được (tr 60).

NTT: Nhưng trong truyện ông để cho Long ở Sài Gòn chớ đâu phải ở Nha Trang. Địa chỉ 5 Nguyễn Trung Trực Sài Gòn rõ ràng?

VH: (Cười) Chớ chẳng lẽ cứ để họ ở Nha Trang hết. Trong tập CON SUỐI MÙA XUÂN (nxb Lá Bối 1966) tôi để cho “chàng” bị tình phụ phải: đi về miền quê Phú An, Đại Điền nghe chim hót và nhìn cây cỏ nở hoa, trong khi trên đường Phan Bội Châu, Độc Lập... người ta cứ thản nhiên sung sướng, tán tỉnh nhau, và mời mọc nhau. Phải đi xuống biển, biển, người bạn cô đơn của mọi người, thường trực và dễ tính. Ai nói gì biển cũng nghe, không phản đối... Gần bờ, những con sóng đứng dựng lên, uốn cong đầu rồi đổ nhào xuống âm âm, toé nước, tung bọt rào rào... (tr 119). Và Annie đến tìm anh ở bờ biển.

Nơi trang 87 (truyện Mùa Hoa Soan) có nhắc xóm Lò Heo, đền Xương Huân. Nơi trang 35: Anh đưa em đi ăn khuya ở Lạc Cảnh. Nơi trang 50, nhân vật Phong nhất định phải gặp cô Duyên đi xe đạp ngược chiều ở ngã tư Lê Thánh Tôn – Phước Hải vào lúc 7 giờ 15 (truyện Trả Thù). Và ban đêm, ở những quãng đường vắng như đường Yersin mà ánh đèn đường bị bóng cây che khuất, những chiếc xe lướt qua không thấy hình dáng mà chỉ thấy ánh đèn vui vẻ và dịu dàng (tr 51). Và một Tuyết tìm đến miền cát trắng này thăm người yêu cũ, cùng ăn tối ở tiệm Chiêu Anh và nàng tâm sự: Em ghét lắm, ghét cái đồng hồ trên cổ tay anh, trên cổ tay em. Em là tên nô

lệ bị cột chân vào xiềng, nô lệ của Thời Gian, của cuộc đời buồn nản. Thà là một ngày dài bất tận hay một đêm dài vô cùng. Như vậy ít nhất em cũng được an ủi là ngoại cảnh cũng chết đứng một chỗ như em. Đàng này trái đất cần mẫn quá, trịnh trọng dọn cho con người một buổi sáng mát mẻ, một buổi chín giờ màu hồng, một buổi trưa trầm mặc, một buổi chiều gợi u hoài và một đêm tối êm ả (*truyện Khoảng Trống Sau Lưng tr 69*).

Trong tập KHOẢNG MÁT (nxb An Tiêm 1966) tôi có dịp giới thiệu những cây mai Thủy Triều, Mỹ Ca. Ở truyện Con Đốc Hiểm Nghèo: ... Cứ từng ngày một, mùa xuân lặng lẽ nở thành đoá vàng trên mỗi nhánh hoa nhỏ... Mỗi buổi sáng ngủ dậy, trong phòng có mùi hương thoang thoảng thơm mát, nhẹ quá, thoảng quá làm tôi băng khuâng không biết có phải là mình bị khứu giác đánh lừa không. Hương thơm đó giống một loại hương thơm nào mình đã quen thuộc? Tôi đứng gần những cánh vàng bắt tìm mùi hương vừa gạn lọc trí nhớ. Phải năm, mười lần khó khăn như vậy tôi mới thấy rõ rằng đó là hương thơm của một thứ trà ngon không ướp hoa. Nhẹ và mát. Trong sạch và thanh lịch (tr 65).

Có dịp tả phường Tân Lập, hồi còn là bãi cát hoang và nghĩa địa: ...Từ ngày có phong trào di cư, người đến đông ở chật thành phố, chính quyền phân lô cấp những khoảnh đất cát đầy mồ mả và gai ma vương mọc ó này cho những tân nghiệp chủ. Nhà mọc lên, thay thế những ngôi mộ (truyện Khoảng Mát, tr 134).

Nhưng có lẽ trọn vẹn dành cho Nha Trang, Diên Khánh là truyện Mẹ Và Em tôi viết với cái nhìn chơ vơ thiệt và say mê khi đi trên đường lên Thành, dạy giúp cho trường Bán công Diên Khánh mỗi tuần hai buổi sáng. Bác Cai trong truyện đã từ trần lâu rồi nhưng cảnh vuông sân

của bác vẫn cứ hiện rõ trong trí tôi: Một dây mùng tôi lá dày xanh mướt bò theo một cành tre khô cắm sát rào... Vài rãnh rau muống, một cây đu đủ, mấy bụi tía tô... (tr 10). Và trên con đường dẫn đến trường: Một dây cây bàng chạy dọc theo con đường đi, lá non mới nhú trông như những bàn tay chụm lại, chống ngón lên trời (tr9). Trường Vĩnh Diễm, trường Vĩnh Châu, cầu Dứa, xóm Bình Cang... những ruộng lúa, vườn cam, hồ sen... quang cảnh quận lỵ với những hàng cây gòn đứng xoè từng tán cây mỏng... Ty Bưu điện già cũ, bốn mái phủ rêu đen khiến tôi tưởng tượng nếu có một ông quan đại thần đội mũ cánh chuồn, mặc áo đại trào, mang hia cầm hốt, đi từ ngôi nhà ấy bước ra, anh cũng sẽ không ngạc nhiên (tr 4).

BÊN KIA ĐƯỜNG (nxb Mặt Trời 1967) có truyện Hầy An Nghỉ Abdul Rahim. Đúng như sự thật, mùa thu năm đó có một máy bay bị rơi xuống gần rạp xi-nê Tân Tân và Abdul là một nạn nhân bất ngờ: Anh đi tản bộ và tai họa đã "từ trên trời rơi xuống". Con đường Gia Long dẫn lên ga có hàng me chạy dọc là nơi tôi thường gặp Abdul đi chậm chậm suy tư nên tôi đã mượn hình ảnh hàng me trong phần kết luận: Từng cơn gió mát lùa vào phòng. Nước trên tàn cây me rơi lộp độp xuống mặt đất từng hồi mỗi khi có cơn gió mạnh ào tới (tr 48). Truyện Cái Nhìn Người Mẹ cũng là mượn khung cảnh buổi Đỗ linh thiêng năm đó. Những cảnh xe lam chở đầy ắp người và thùng thiếc từ Nha Trang lên, xe ca từ Sài Gòn Lục tỉnh ra, rồi cam nhông chở củ bí kỳ nam đi Ban Mê Thuột. Nhân vật Thuận chính là tác giả. Dạy xong buổi học, lên xe lam để vội về Nha Trang đưa thằng con đang bệnh đi bác sĩ, vậy mà éo le gặp cảnh cô bé xí xọn và bà mẹ ngây thơ. Sốt ruột rồi nổi xung nên về viết thành truyện cho... hả giận.

Trở Về (tr 139 – 164) là chuyến đi về thăm lại Đà Lạt. Xe chạy trên con đường quốc lộ đang giữa thời chiến tranh leo thang: Đường Nha Trang – Phan Rang dài đầu chừng 100 cây số – Hả. Ổ gà lổ thủng chiếm mất 60 cây (tr 140) ... Ổ gà về tập trung đại hội ở đây. Chết, chết. Chỗ kia nữa. Đại hội ổ gà nữa... (tr 142).

NHỮNG GIỌT ĐẮNG (Lá Bối 1969) Có truyện Nhut Con Chim Sơn Ca phản ánh sinh hoạt bếp núc, chợ búa, thuê chị bếp, thuê người làm ở thành phố phổ biến này, hồi đó: Thò tay xuống trả mua món gì cũng bị gạt ra hết. Bấm bụng trả một trăm thì đằng sau lưng đã có người trả vọt lên trăm rưởi (tr 10).

Đời Đáng Chán tả cái không khí đam mê đánh số chót số đề: Số 12 và 21, nếu tôi trúng thì chiều mai tôi mời ba ông lên Dân Thiên hết. Ăn nhậu xong rồi đi xuống đường Hàm Nghi: Nghe nói có mấy con nhỏ ở Đà Lạt xuống (tr 43).

Nhắc lại chuyện xưa: có bà mẹ nằm chiêm bao thấy trái bí. Nhưng đề không có trái bí. Bà ta lẩm nhẩm đoán: Trái bí – Bí thủ – Thủ kỳ – Kỳ lân. Đánh luôn con kỳ lân. Trúng. Mừng quá chạy la cùng xóm (tr 44).

Cô Trâm trong truyện Hoa Khế Lưng Đồi ở trọ đường Phước Hải (nay đổi là Nguyễn Trãi) đi công tác ở Phú Vinh, chợ Mới, ước ao đứng ở đầu núi nhìn xuống chùa Hội, trường Bồ Đề, Phường Củi, rộc Rau Muống, cầu Đá, cầu Hà Ra. Thế mà vụt nhiên cuối tháng Mười đi thăm người anh, xe bị phục kích, chết tại trận: Đầu tháng Mười Một nổ ra cuộc đảo chánh nhưng nàng không kịp nghe tiếng chuông chùa ngân nga, u trầm tịch mịch, không kịp nhìn cây khế lưng đồi lặng lẽ trở hoa (tr 62).

Trong truyện Chống Biểu Tình, có anh bán bánh mì sáng chế điệu rao đặc biệt: Mì lạt, mì ngọt... Bánh cam, bánh

tiêu, bánh bò. Kẹo bi... Bi ngon ngon, bi tròn tròn... Mì, mì... (tr 11).

Chắc hôm nay nhiều người vẫn còn nhớ: Những Giọt Đắng là những giọt lệ của người mẹ cô đơn khi bất ngờ phát giác ra rằng người con gái độc nhất của mình đã có người yêu: Kim Uyên lên phi cơ hồi bốn giờ chiều. Bốn giờ mười lăm phút gió thổi thành cơn trút lớn. Mưa trút ào ào. Tiếng thân cây vẫy mình rặng rắc. Chắc là một cơn bão rớt nào đó tập trung ở một điểm nào đó trên Thái Bình Dương, đang di chuyển về miền này. Cơn bão Lucie, Elisabeth, Katherine, Caroline. Người ta lấy tên đàn bà để đặt tên cho những trận bão. Các nhà thiên văn thế mà cũng có óc hài hước: đàn bà chuyên môn tạo ra những trận bão (tr 101).

TRẦM MẶC CÂY RỪNG (Lá Bối 1970) có truyện Hãy Đến Chạm Hơn Nữa, nhắc tôi nhớ đến những ngày cùng anh Quách Tấn, Dương Kiền, Phạm Kim Khải... giúp tay sư huynh Thomas Huỳnh Thông, Giám đốc viện Bài phung núi Sạn này.

Truyện Chuyển Về Tuy Hoà có dịp mô tả bến xe: bến xe Xóm Mới, bến xe Linh Trung... đoạn đường Rù Rì, Lương Sơn, Ninh Hoà, Vạn Ninh, căn cứ lính Đại Hàn, Đèo Cả... rồi xích ra là chợ Xéo, Bàn Thạch, Phú Lâm... Hành khách lên xe đông lãn. Đông cho tới đầy. Cho tới dư. Tài xế cho kê thêm ghế phụ... Tới loại hành khách đứng. Hành khách đầu sao cũng chỉ có hai chân, cái ghế giản đơn nhất cũng đòi hỏi đến ba cái chân mới đủ để đứng được (tr 114)... Tục ngữ Việt Nam không chịu tạo thêm những hình ảnh ví von mới. Chẳng hạn một cái bụng ăn không biết no là “cái bụng của xe đồ (tr 117).

... Những ruộng lúa của đồng Vạn Ninh... Tiếng liềm cắt soạt thân lúa, tiếng chân dẫm oành oạch dưới bùn,

tiếng nghe nga của con trâu mẹ gọi con và trên lưng chừng trời, một con chim sơn ca thả rơi những giọt tiếng... (tr 119)... cũng bờ ruộng cỏ ướt sương đêm, cũng dòng nước mương chảy róc rách trên đó những con nhện nước rún rẩy trên bộ chân gầy. Tôi biết những bụi rau chóc không thể không nở những chùm hoa màu thiên thanh... (tr 120).

Truyện Lương Mai vẽ lại bức tranh những năm cuối thập niên 60, hàng họ khan hiếm, bồn tắm, bồn rửa mặt khó mua. Ông chủ tiệm Sứ Cẩm Toàn trong truyện thực tế ngoài đời là Cẩm Toàn Xương, đường Độc Lập, một phật tử hiền lành đã từ trần 20 năm rồi.

Trong tập TRONG VÙNG RÊU IM LẶNG (VN Nha Trang 1988) có truyện Nhìn Từ Bóng Tối, giới thiệu con đường Vạn Kiếp:

-Nhà em ở đường Vạn Kiếp – lời chị bạn. Nhớ chưa?

Tôi gật đầu:

-Không thể quên được. Kiếp này có quên thì còn kiếp sau (tr 26).

Truyện Đi Con Đường Khác mô tả quang cảnh buổi lễ truyền giới cho sa-di ở chùa Hải Đức. “Nàng” đi tìm người yêu của mình trong hàng sa-di vừa nhận giới: Lúc này tôi có ý định khi anh đi qua tôi sẽ khẽ gọi tên anh. Tiếng gọi sẽ khua động cả tâm thức anh, sẽ chấn động cả tâm linh anh, phá đổ cả cái mặt biển bình lặng của tâm hồn anh hiện tại. Tôi tự tin bởi tôi biết tôi ngự trị nơi cái vùng trời quá khứ của anh. Nhưng khi nhìn ánh sáng nơi khuôn mặt bất động của anh, tôi vụt thấy tôi là kẻ bại trận, vô nghĩa, phù du là tình yêu của một người đàn bà, là chính ngay người đàn bà. Trời ơi! Một con phù du vừa có ảo vọng ngông cuồng là vỗ cánh lên để làm giật mình con sư tử (tr 67).

Đọc Áo Giác Màu Xanh, nhớ lại dãy chợ trời dọc đường Nguyễn Hoàng (nay là Ngô Gia Tự) thời 1970, chuyên bán: hàng PX tuôn ra bày la liệt, sạp này gần giống sạp kia, cũng tần mẩn, tũn mủn những dao cạo, đá lửa, phim ảnh, thuốc đánh răng, xà bông, nước hoa... cũng từng chồng sơ mi, khăn tắm, chăn, khăn trải giường, những chai rượu mạnh, cũng những va li nhựa samsonite màu xám tối lớn nhỏ nhiều cỡ (tr 129).

Nhớ lại phong trào khai khẩn đất hoang làm rẫy ở Bãi Giếng, Tân Thành, Đồng Lác: ... đánh vòng trồng khoai lang... Rắc bắp nếp xen kẽ...Nhờ anh Sang đặt dùm năm mươi gốc xoài Canh Nông... Nhớ trồng vài chục cây măng cầu xiêm để hồi nào áp huyết cao sắc nước uống... à mà phải lo vét cái giếng. Trồng ba năm cây xoài sum sê.

... Trong trí tưởng tượng của Hoa, nhìn theo hướng nào cũng là những hàng cây xoài chạy thẳng. Xoài đâm chồi, xoài nứt tước, xoài vun lá um tùm. Trí óc của Hoa chấp chờn trên những lối đi dài im mát bóng lá xoài xanh, thoang thoảng mùi hương của hoa nở và vang vọng tiếng chim lãnh lót nơi xa (tr 35).

Tập truyện VẦY TAY NGÂM NGÙI (nxb Trẻ 1992) còn đậm đà nhiều nét Nha Trang vì cô bé xưng tôi trong mọi truyện đã sống tại Nha Trang từ lúc lên ba cho tới 17 tuổi, khi cô vầy tay chào những ngày quá khứ để ngâm ngùi xa nhà bước chân vào đại học: Chào cả ông thợ Sáu, thợ hồ gần tiệm sách Hồng Lĩnh, chào ông Lược xướng mộc ở đường Nguyễn Trãi, chào ông Ròng bắc ống nước ở số 7 đường Mạnh Tử (tr 79).Chào ngôi trường sơ học tư thục Đại Trung, chào cây chùm ruột ở vại nước đã héo lá rồi chết khô, chào cây trứng cá và cũng vĩnh biệt cây trứng cá (tr 15).

NTT: Ông mới nhắc đến những tập truyện ngắn...

VH: Về truyện dài thì việc chọn lựa địa phương làm trung tâm cho câu chuyện trở thành tế nhị. Phải đẩy đổi. Nội dung HOA BUỒM BUỒM xảy ra ở Đà Lạt, câu chuyện NHƯ CÁNH CHIM BAY diễn ra ở Phú Yên, GIÓ CUỐN và THIÊN ĐƯỜNG Ở TRÊN CAO lấy Nha Trang làm trung tâm. Trong NHÁNH RONG PHIÊU BÁT nhân vật chính ở Nha Trang rồi phiêu lưu đi Phan Rang, Ninh Thuận.

Cuốn NHÁNH RONG PHIÊU BÁT (Lá Bối 1970, VN Nha Trang tái bản 1989) dẫn độc giả phiêu lưu gần như khắp phố phường Nha Trang theo chân cô bé Thuý đi bán bóng cao su đường Ngô Đức Kế, Cô Bắc, Nguyễn Trung Trực, Lê Đại Hành, Phụng Sài... theo mẹ con bà Đức Lợi đi ăn cháo bào ngư ở tiệm Dân Thiên, ăn nem ở Mỹ Hạnh. Tên những địa phương vang lên êm đềm trong tâm hồn chúng tôi: Khu Máy Nước, cây số Chín, Suối Dầu, Đá Bạc, Hoà Đa, Mỹ Ca...

Trong GIÓ CUỐN (Lá Bối 1968, nxb Long An tái bản 1989) nhân vật Liên chữa hoang phải lén lên Diên Khánh để đẻ. Thị trấn hồi đó còn nghèo: Những người xà ích đánh xe ngựa, những bác tài xế lái xe lam ba bánh ăn uống ồn ào ở một tiệm hủ tiếu có cái tên huênh hoang là Đông Nam Á (tr 219).

Tiếng máy thu thanh transistor ở một căn nhà bên cạnh léo nhéo đưa sang. Giọng của cô xướng ngôn viên ồm ọ làm duyên theo một điệu quê mùa tỉnh nhỏ (tr 240). Còn ở góc chợ Đầm vào đầu tháng Chạp thì những anh quảng cáo bán thuốc và rượu ngâm rắn hổ, kỳ đà khiến một phụ nữ Hoa kiều nổi xung: Xì...Tui cứ thấy phán quài (bán hoài), phán quài, năm nào cũng phán (tr 259).

Trong truyện dài THIÊN ĐƯỜNG Ở TRÊN CAO (NXB

Nghĩa Bình 1968) suốt cả chương 5 dành cho những diễn biến tâm lý của Khải và Thérèse Băng Trinh ở bán đảo Cam Ranh. Họ ghé thăm biệt thự dã chiến của Tổng Thống Johnson, thăm hồ nước ngọt. Nơi chương 11, tác giả để Khải theo chân vị linh mục bước lên lầu hai thăm một tu viện ở Cam Ranh để Khải có dịp suy gẫm về khẩu hiệu

Amor el pax và Ora el Labore.

NTT: Nha Trang nổi danh vì biển xanh cát trắng...

VH: Quả vậy. Và bạn đọc gặp biển nhiều lần trong những trang tôi viết. Truyện ngắn Bọt Trắng trong tập TRẦM MẶC CÂY RỪNG lấy khung cảnh một hòn đảo ở Bích Đầm. Đã nói đến biển thì không được quên núi. Khi lên dạy các tăng ni ở lớp chuyên khoa viện Cao đẳng Phật học, tôi có dịp nhìn kỹ những bụi cây, những tảng đá: Những bụi cây mọc ven theo lối đi, không hàng lối, mạnh ai nấy mọc... Những doi đá nằm lẩn ra, những khe suối khoét lõm vào. Tiếng chim nói chuyện với nhau chỉ chích trong các bụi rậm. Mùi thơm của lá, của hoa thoang thoảng... Bước qua cổng gỗ Phật học viện, nơi đây bắt đầu giang san của các loài hoa và những thân cây có danh tánh, như hàng ngũ quý tộc các vương triều, chức tước rộn ràng... Những cây quỳnh lá xanh óng ả. Những cành lan đong đưa trên cành cao... (Con Đường Thanh Tịnh).

Nhưng còn có cảnh núi rừng nào buồn hơn nơi an nghỉ của Băng Trinh?: Buổi chiều xuống mau. Tôi chợt muốn khóc khi xót xa nghĩ rằng đã đến lúc tôi giã từ Trinh, bỏ nàng nằm lại một mình nơi khung cảnh hoang vu này. Núi cao chôn chử bao quanh khu nghĩa trang. Rừng già bắt đầu từ lưng chừng núi, màu lá xanh sậm uy nghiêm

(tr 282).

NTT: Thiên nhiên ở Nha Trang còn có những đặc điểm gì làm ông say mê?

VH: Nhiều chứ. Có điều đâu thể viết hết ra được. Như con chim Mồ Côi mà tôi có dịp nói đến trong truyện Mùa Xuân Nghe Tiếng Chim (Tuổi Trẻ Chủ Nhật). Mùa xuân năm nào tôi cũng đợi chờ tiếng hót của nó. Năm nay (1993), mãi cuối tháng Ba, ấm trời mới nghe nó cất tiếng hót mãi cuối đường Nguyễn Thiện Thuật mà không ghé lại vườn tôi. Có lẽ tại mấy cái nhà lầu mới cất ngăn cản đường bay của nó.

Tôi cũng thương con chim sáo trắng. Ông Nguyễn Học Sanh bạn tôi một hôm rập lưới bắt cho tôi hai con sáo trắng. Tôi không nỡ làm thịt, lén thả cho bay. Trong truyện THÊN ĐƯỜNG Ở TRÊN CAO tôi để cho Băng Trinh làm việc đó (tr 256). Thấy người bấy cuộc tôi cứ ái ngại nghĩ: “Mình ở từ địa phương khác đến ở nhờ quê hương của nó, vậy mà sao nỡ giết nó?”.

Cùng với chim muông là cỏ cây hoa lá. Viết rả rác thì nhiều, tập trung lại thì có Hoa Và Cây Xanh (VN Nha Trang 5/1984): Những cây xa cừ đứng lặng yên ở hai bên lề đường, đan cành vào nhau tạo thành bóng mát từ trên cao toả xuống. Nhân ái mà khiêm cung, cho nhiều mà nhận ít, những cây xanh cứ lặng lẽ hiện diện... Con đường và hàng cây có duyên gắn bó... Con đường phóng tới, đá rải xuống, xe lăn qua, khi mặt đường đã dầm láng thì hai bên lề có hai hàng cây trồng ngay ngắn. Vậy muốn hỏi tuổi một con đường thì hàng cây có thể trả lời dùm được (tr 16).

Đi trên đại lộ dọc bờ biển, tôi không bị mê hoặc bởi những bông hoa mà lại bị cuốn hút vào đám cỏ dại mọc hoang ven đường. Tôi thầm cảm ơn lưới kéo văn minh đã

không cắt xén chúng: Tình yêu đối với cỏ tôi nhận thấy rõ nhất là vào tháng Chạp năm 1989 đi xuống bưu điện tỉnh bỏ thư. Trên đường về nhìn những đám cỏ mọc lan bên lề đường, chen nhau mọc, lá nhảy lăn tăn theo gió. Tôi xuống xe ngồi say mê nhìn. Qua tháng Ba, cũng đi bưu điện bỏ thư, nhìn vạt cỏ xưa thấy đã khô, đã chết rụi. Những mô đất màu nâu lồi lõm, những xác cỏ chẳng chịt. Khi đứng dậy bước lên xe, tôi chợt phát hiện ra rằng kính đang mang đã mờ đi vì nước mắt (*Giai thoại văn chương*).

NTT: Quả là Nha Trang đã hiện diện nhiều lần trong các tác phẩm của ông. Viết văn xuôi có cái thích đó. Chờ làm thơ... Ông có bao giờ làm thơ?

VH: Cũng có và tôi cũng đã vài lần “ban môn vũ phủ” để nói về địa phương thân yêu đã nuôi dưỡng bảo bọc mình. Từ này giờ chúng ta nói chuyện nghiêm trang quá, vậy nên tôi chọn bài thơ “con nít” này rút từ tập *HỒN NHIÊN TUỔI NGỌC* có tựa đề: *Bài Học Địa Lý Đầu Tiên*

Từ nhà đi xuống tỉnh
Tưởng chỉ đi cái vèo
Ai ngờ thật lĩnh kính
May có chị đi theo

Rời Diên Đồng thoáng chốc
Xe lam chạy băng băng
Cũng cánh đồng lúa nước
Cũng rẫy sắn giăng hàng
Nhưng đây kêu Diên Phước

Tiếp tới lại cũng đất

Cũng ruộng lúa bờ tre
Cũng lùm bụi không khác
Cũng trâu bò đi về
Nhưng nghe kêu Xuân Lạc.

Cứ như vậy trên đường
Các tên gọi thay đổi
Sau Diên Khánh... Vĩnh Xương
Đến Phú Vinh... Ngọc Hội
Đang Võ Cạnh... Đồng Nhơn
Bồng Bãi Giếng... Cừu Lợi
Vừa Bình Ba... Thanh Xương
Đã Phước Lương... Diên Thọ...

Mới đi một đoạn nhỏ
Mà đã gặp nhiều tên
Lớn lên đi đây đó
Tha hồ quen nhiều miền.

*NTT: Cám ơn ông, Xin thứ lỗi đã quấy rầy thì giờ ông
khi ông phải lục đưa thơ văn trích dẫn. Xin cảm tạ ông./.*

Ng~.

**Võ Hồng,
Nhân cách và chữ nghĩa**

Nửa thế kỷ cầm bút, Võ Hồng viết trên 30 tập truyện ngắn, truyện dài, thơ... không kể đến một số bài báo có tính cách nghiên cứu... Suốt chừng ấy năm với chừng ấy đầu sách, người ta biết nhiều đến ông, báo chí viết nhiều về ông, bạn đọc tìm đến ông như người thân yêu, bởi nhân cách của ông trong cuộc sống và trên những trang giấy. Có những độc giả, sau khi đọc truyện ông bỗng nhớ đến da diết về chốn quê hương cỏ lá, có người “dám cả gan” vào thư viện xé vài trang truyện (ông mô tả một làng quê với viên cốm đầu năm mới) mang về để thấy quê hương thật gần gũi bên mình, để tận hưởng hương vị ngày tết cổ truyền dân tộc như thể mình đang sống trên mảnh đất còn đầy khốn khó này (trường hợp một nữ độc giả ở Úc khoảng năm 87-88). Và có lẽ ông cũng là nhà văn duy nhất sau năm 1975 được nhiều độc giả mến mộ, thư từ, thăm viếng; được các thế hệ sau luôn gọi ông bằng Thầy mỗi khi tiếp xúc. Nhân cách sống và viết của Võ Hồng làm cho độc giả cảm thấy luôn được gần gũi với ông, sách vở của ông để ông trở thành nhà văn của tất cả mọi người. Trong tận cùng sâu thẳm suy nghĩ của độc giả mọi lứa tuổi, ông là người ông, người bác, người chú, người cha, người anh, người thầy đáng kính, vì trải qua bao cuộc bể dâu, nhân cách ông vẫn giữ nguyên vẹn sự kính trọng đó.

Thế hệ trước và sau Võ Hồng đều sống trong một xã hội

chập chững tập làm quen với dân chủ, có những ông mặc áo dài khăn đóng, đi guốc mộc che dù đứng ra hô hào cải cách, pha trộn một ít chữ Hán, chữ Tây, chữ Mỹ vừa nhỏ toẹt toẹt bãi cỏ trâu đổ xuống gầm bàn trước mặt các cử tọa vừa trích cú những Trung Dung, Luận Ngữ, Đại Học ... để kết án đả trị vì phong kiến giam hãm sự phát triển chung của đất nước. Rồi những anh Tây học áo vét, cà vạt lên tàu về nước mang theo bao điều lạ hoắc, những chủ nghĩa ngu dân cùng những nôn mửa, buồn chán, xộc xệch máy móc dựng lên một rào chắn kiên cố mà họ gọi là thiên đường... xô toẹt cả nền văn hoá văn minh đất nước. Tất cả trộn lại thành vòng xoáy cùng với vòng xoáy của chiến tranh nghi ngút khói lửa đẩy người dân đi hết ngấn ngơ này đến những ê chề, đau khổ khác, không biết số phận sẽ “đi đâu, về đâu”?

Võ Hồng đã sống trong một bối cảnh bi thương như vậy, nhưng ông đã vượt lên trên để nhìn ngắm quan sát rồi bắt chữ nghĩa công chúng ra nơi quang đãng cho mọi người thưởng lãm và tự ngắm lại mình, cảnh sống quanh mình. Ông sống và viết. Viết bằng những kinh nghiệm có thật của cuộc đời có thật, xảy ra chung quanh ông bằng một giọng văn dung dị đến mộc mạc như què hương ông nghèo khó vậy. Những năm ông đi theo kháng chiến chống Pháp làm công tác bình dân giáo dục, rồi làm hiệu trưởng một trường trung học luôn phải di chuyển, người dân gồng gánh tản cư tránh giặc, ngôi trường kia cũng chạy theo, học trò ôm sách vở, mang ruột ghé gạo chạy theo, ông cũng chạy theo ngôi trường, chạy theo học trò để làm tròn thiên sứ một nhà giáo. Những năm tháng xuôi ngược này, ông cùng sống với những người dân lam lũ, quan sát cảnh đời cơ cực của họ, quan sát những hành động, tìm hiểu suy nghĩ của những trí thức

trẻ đi theo kháng chiến. Gom góp, tích lũy làm vốn sống cho mình. Chính với vốn sống phong phú đó, hàng loạt tác phẩm ông viết ra được đón nhận như đón nhận những người thân yêu lưu lạc, nay được trở về nơi chốn bình yên.

Tất cả những điều này được các nhà phê bình văn học lớn nhỏ phân tích mổ xẻ khá là căn kẽ. Chỉ tội thân ông, một ông cụ già trong sáng, hồn nhiên, bỗng sau năm 1975 bị giới phê bình VC gán cho cái vòng kim cô : “nhà văn tiến bộ trong vùng đô thị tạm chiếm”. Đọc những dòng viết tràn giang này, ông chỉ mỉm cười mà không bộc lộ một thái độ nào, coi đó như những lời nhàn đàm trong buổi trà dư tửu hậu, mà thông qua những câu chuyện vui, ông thường dùng từ “bá xàm, bá láp” để chỉ cho những nhận xét, kết luận vội vàng dưới bất kỳ hình thức nào. Ông không quan tâm những gì người ta nói về Võ Hồng theo kiểu cách “bần cố nông đấu tố địa chủ phong kiến”. Cuộc đời của ông là ngòi bút và trang giấy để trả nợ quê hương từng nuôi dưỡng ông. Và ông tiếp tục viết. Viết vì những cảm xúc không thể dồn lòng, viết vì trách nhiệm trước ngòi bút như ông đã từng viết và người đọc đã từng khóc với những trang sách của ông (Một Bông Hồng Cho Cha, Áo Em Cài Hoa Trắng...) chứ không vì cái xảo ngôn “tiến bộ” kia. Những lần được hầu chuyện ông trên căn gác nhỏ bữa bộn sách báo, mền gối, bút mực, chén dĩa, bàn ủi, lược gương, kim chỉ... bày la liệt, tứ tung như gánh hàng xén trong phiên chợ quê cuối ngày (ông ngồi trên chiếc ghế đẩu long chân, khách tự tìm chỗ ngồi), bình thản nhắc lại “khu Xóm Mới hồi đó toàn cát, gai bàn chải, lộn xộn mà êm”, hỏi thăm Lò Gốm quê ông còn hay mất. Và rồi ông nhắm mắt lại: “Suốt cuộc đời tôi, chỉ có một tâm niệm duy nhất là trả

được Hiếu cho quê hương qua từng trang sách. Tôi còn nợ quá nhiều, tôi sẽ cố gắng ". Ông nhấn nài làm công việc đó bằng thứ ngôn ngữ đặc sệt nhà quê của quê hương ông. Lấy bối cảnh cho một cốt truyện, ông cũng đưa vào tên làng tên xóm nơi ông từng sinh ra và lớn lên và rời xa nó; chọn tên một nhân vật, ông cũng tìm những cái tên chon chắt cha mẹ đặt cho bạn bè ông thời thơ ấu. Ông mang tất cả vào những trang sách với niềm vui tột cùng, bởi Nha Trang-Tuy Hoà chỉ cách một ngọn đồi nhưng với ông nó thăm thẳm, khiến tâm can luôn cồn cào, nao nao để hoài nhớ, để thổn thức...

Ta hãy nghe những dòng chữ mang nỗi lòng của ông: "Từ quê tôi ở Tuy Hoà, tôi mang ruột ghé gạo đi ra Tuy An để theo học trường Lương Văn Chánh. Đi bộ bốn mươi cây số, từ nhà ra tới Định Trung, xã An Định, nơi mở trường. Khi ra đi, tiền túi còn đầy, có hồi tôi cao hứng leo ngồi xe ngựa. Lọc cọc... Lọc cọc... Vút!... Trót!... Rầm rầm... Lịch kịch. Đường cái bị phá hoại, đồng bào được huy động đào xới, có đoạn vết đào chạy xiên xiên, sóng sóng nhau, rất ngay ngắn, rất mỹ thuật, như cái xương cá. Có đoạn thì hăng quá, hốt gọn luôn một quãng, phi tang biến mất tiêu, khiến lòng đường còn sâu hơn mặt ruộng xung quanh. Và nước đọng thành ao. Cỏ gấu, cỏ mực, cỏ may, cỏ chỉ... rau chóc, rau sam, móc mèo, móc ó... vôi vàng xâm chiếm, xây dựng thành an toàn khu. Và khi hoàng hôn xuống thì biến thành hội trường cho ễnh ương toàn vùng hoà tấu" (Những Ngày Lương Văn Chánh).

Trong truyện ngắn Bên Đập Đồng Cháy (được cả độc giả và giới phê bình thời bấy giờ đánh giá là truyện ngắn đặc sắc nhất, cảm động nhất) mô tả cảnh những người dân quê lam lũ, nghèo khó gồng gánh nhau chạy giặc ở

quê ông trong cuộc chiến khốc liệt trước năm 1975, mà nghe chừng như chính ông cùng gồng gánh chạy theo những bà Xự, trùm Đẹt, bà thủ Hai.... Những hoảng loạn của họ chính là nỗi hoảng loạn của bản thân ông: “Đã đến nước cùng rồi, đã đến mức chót rồi, không còn trì hoãn được nữa. Bà con lối xóm đi đâu hết. Vợ vét gạo củi, đùm túm quần áo đi hết. Lúa bò, dất trâu đi hết. Quẩy lúa gánh đường đi hết. Trên xóm Dương không còn tiếng người nói. Dưới Đồng Dài không có tiếng gà gáy trưa.

Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má.

Cái làng quê thất thần giữa sự sống và cái chết mà ông mô tả, dường như người đọc có thể bắt gặp bất kỳ nơi làng quê nào trong cảnh chiến tranh tàn trụi trước đây. Nhưng khi đọc đoạn mở đầu của truyện, người đọc dễ nhận ra những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má của bà Xự, đấy chính là giọt nước mắt tủi cực của ông. Rồi ông lại để cho nhân vật bà Xự thay ông làm cái việc mà ông không thể làm được, luôn có mặc cảm như người quay lưng lại với quê nhà, một thứ mặc cảm luôn dày vò ông mỗi khi có dịp thổ lộ với người quen thân: “Tôi không còn đủ sức để chống chọi. Cho tôi an nghỉ. Tôi sẽ không về ở trên xóm, tôi sẽ về ở cái chòi tranh giữ bắp nhỏ trên doi đất này, nơi đó tôi đã gặp chồng tôi, ngày xưa. Tôi sẽ sống lây lất với củ lang củ mì, với rau má rau dền, với hến với ốc. Thôi, bà con đi đi. Chúc bà con mạnh giỏi. Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Tôi nghiệp thân tôi. Tôi đã...” (Bên Đập Đồng Cháy).

Trong hầu hết các tác phẩm của mình, Võ Hồng luôn nhắc đến quê hương Phú Yên, lúc thì tan nát khói lửa, khi thì trong trẻ tuổi thơ. Ông luôn hoài nhớ với nhiều

tâm trạng khác nhau, như cái cớ để được giải bày, thương nhớ xa gần. Lùi chút xíu về quá khứ thuở thanh bình, thì vùng quê Tuy An Phú Yên của ông là những cánh đồng trải dài, nước lấp xấp, là những ngọn núi xanh lơ, là những dòng sông, chiếc thuyền nan cùng cái xóm nghèo nài với những bà con nghèo đến xác xơ: “Tôi thương yêu cái xóm nhỏ của tôi, con đò bằng nan tre chèo qua lại trên dòng sông, những người lảng giềng nghèo nài. Tôi thương yêu những đứa trẻ chăn bò vốn là bạn chơi đáo, chơi bi...” (Họa Bướm Bướm).

Ông luôn nghĩ về họ, những số phận hẩm hiu, bị trói buộc trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất của thời chiến, và điều đó khiến ông day dứt, bất ông phải nghĩ về họ, làm được điều gì đó để mọi người bớt cảnh cơ cực. Tuy nhiên ông không phải là triệu phú theo nghĩa thông thường để ra tay cứu vớt, ông chỉ có tấm lòng và triệu phú chữ nghĩa để nghĩ về họ, những thân phận bọt bèo trong guồng máy chiến tranh phi nghĩa, bạo tàn đè nghiêng đến xác xơ, vật vờ: “Biết bao nhiêu bà con khác ở quê tôi phân tán đi đến miền nào tôi chưa biết hết. Giống như những mảnh giấy vụn bị gió lốc cuốn đi, có mảnh bay xa, có mảnh tấp gần, trên các chặng đường ra vô lên xuống họ đều hiện diện. Và xơ xác như những mảnh giấy” (Khoảng Mát).

Tại sao nhà văn lại thiết tha với quê hương đến như vậy? Phải chăng là chữ Hiếu phải đền đáp như ông vẫn thường tâm sự, hay đó là một khoảng trống của sự mất mát quá lâu, quá dài để cảm thấy mình là người ngoài cuộc, không có mặt để sẻ chia những đau khổ với đồng bào từng là bạn ông thời nhỏ? 43 năm trước đây, trả lời phỏng vấn của tạp chí Văn ông đã hé lộ những dần vật xót xa không cùng của mình đối với Phú Yên, với Tuy An,

An Thạch, với Gò Duối, Đồng Dài, Phong Thắng, Long Hoà, Đồng Miếu... và nhiều nơi khác nữa: “Nếp sống của quê tôi chưa hề được một nhà văn nào nhắc đến... Thế hệ của chúng tôi bị chiến tranh tàn phá quá nhiều, một số lớn đã chết, những nếp sống cũ bị lần lượt xoá đi, thay thế bằng nếp sống mới. Tôi nghĩ rằng nếu tôi dâng trọn cả cuộc đời của tôi để dựng lại cái Dĩ vãng đó cũng vẫn còn chưa đủ... Vậy viết về những kỷ niệm Dĩ vãng tôi nhằm vào việc lấp một cái hố trống. Tôi muốn các thế hệ đàn em có dịp thiết tha gắn bó với quê hương hơn,,,” (tạp chí Văn số 299 ngày 1.9.1972).

Sau năm 1975, có 14 đầu sách của ông được các nhà xuất bản ấn hành, gồm truyện ngắn, truyện thiếu nhi, thơ và tiểu thuyết..., nhưng hầu hết, hoặc ông đã viết trước kia như tiểu thuyết Thiên Đường Ở Trên Cao (đã được tạp chí Văn trích đăng trước 75), hay các tập truyện Vây Tay Ngâm Ngùi, Trong Vùng Rêu Im Lặng, Chia Tay Người Bạn Nhỏ... Những truyện viết mới hầu hết là những phác thảo được sửa chữa viết lại, kể cả tập Chúng Tôi Có Mặt (khởi viết từ 1972) và Trầm Tư là gom lại những suy nghĩ nhận xét của ông về các vấn đề quanh cuộc sống thường ngày. Duy nhất chỉ có tập tùy bút Một Bông Hồng Cho Cha và tập thơ cho thiếu nhi Hồn Nhiên Tuổi Ngọc là viết mới hoàn toàn. Đây cũng là trường hợp chung của hầu hết các nhà văn miền Nam còn ở lại trong nước, ngoại trừ một số nhà văn mà Viên Linh gọi là “tập đoàn” là “cán bộ” thì họ xoay ra hướng “mới”, bắt nhịp, thích nghi một cách nhanh chóng với loại văn chương “cung đình” một cách loè loẹt, sàm sỡ, nồng nặc mùi tính đảng, tính nhân dân, tính nịnh hót, chỉ điểm, đấu tố nhau...

Riêng với Võ Hồng thì không. Tuyệt nhiên không hề thấy

ông có những trang viết nào “véo von” (chữ ông thường hay dùng để ám chỉ sự xu nịnh) theo kiểu gió chiều nào ngã theo chiều ấy. Ông vẫn bình thản viết, tiếp tục viết như xưa nay vẫn viết. Ông viết vì những tình cảm chân thành, gần bó; ông viết vì những cảm xúc trước mọi sự, mọi vật xảy ra quanh ông, không vỗ vập mời chào, không chơn chở se sua, không xum xoe vẫy cánh vẫy đuôi quanh cây cột cháy đen thui để sờ nắm như người khiếm thị xem voi...

Trong 14 tác phẩm sau này ông viết bằng nỗi niềm hoài nhớ quê hương, viết về người cha, người thầy, về các em nhỏ, về cây măng cầu, bụi ớt... mà không mở rộng ra như *Hoài Cổ Nhân*, *Vết Hằn Năm Tháng*, *Con Suối Mùa Xuân*, *Như Cánh Chim Bay*, *Người Về Đầu Non*... trước 75.

Trong tất cả những đầu sách này (XB sau 75) đều “dễ thương”, bởi người đọc sau khi gấp sách lại, hình như cảm thấy trong truyện có bóng dáng mình, bạn bè, người thân của mình thấp thoáng đâu đó, có mái trường mà hồi xưa, ngày còn trẻ thơ đã thên thang cắp sách vở đi về ngày hai buổi... và mỉm cười thích thú với những hồi tưởng mang mang... trải bay nhẹ theo cơn gió nồm chiều.

Nhưng trong số ấy, tôi chú ý nhất vẫn là quyển ***Chúng Tôi Có Mặt***, một tập truyện không có bóng dáng con người, con người bị đẩy xuống hàng thứ yếu, bị đẩy qua bên kia chiến lũy, bị lên án... để cho loài vật hiện diện, làm chủ cái tập thể gia súc, gia cầm, chồn, cáo, beo, gấu, niềng niềng, bọ chết, rệp... Ngay Lời Mở Đầu của tập truyện, ông nói: “Tôi viết tập truyện nhỏ này với niềm say mê thích thú chưa từng có. Một mình trên căn gác, suốt ngày tâm hồn đắm vào thế giới loài vật những cọt những beo, cáo, gấu, chồn vỏi, bìm bịp, chèo beo...

tôi tưởng như chúng đang chạy nhảy và đối thoại quanh tôi. Thật là những giờ phút kỳ diệu.

Viết xong từng đoạn, đọc lại, cười. Như đọc văn của ai. Thích hơn khi viết về Người, bởi nghĩ rằng viết về Người đã có nhiều người bút khác viết rồi. Đằng này do mình tưởng tượng dựng ra thì hy vọng chúng mang trọn vẹn bản sắc của tâm hồn mình.”

Đến tác giả mà thú nhận viết xong đọc lại thấy thích thú, thì chắc chắn độc giả sẽ được tặng lên gấp bội phần niềm thích thú đó sau khi đọc xong? Vậy, trong Chúng Tôi Có Mặt, ông viết, kể lại những gì?

Ngay truyện đầu tiên Cố Vấn Luôn Luôn Có Lý, viết về con bò Cộ ghen bóng gió với vợ. Truyện khởi đầu bằng mẫu đối thoại hết sức duyên dáng:

“..Về chuồng mắng vợ lẳng lơ, nó nạt lại:

-Vô duyên. Ghen lẳng xẹt!

Lẳng cái chỗ nào? Rõ ràng nó chụp ôm lưng mày.

-Chụp đâu? Om đâu? Chỗ đường chật, mạnh ai nấy lần chỗ chụp cái gì?”

Tuy được vợ giải thích, nhưng bò Cộ vẫn cất công tìm đủ mọi cách để hạ thấp tình địch bò Bỉnh, bằng cách hỏi ý kiến của các cố vấn Dê, Heo, Cò nhằm thay đổi nhân dạng, lấy bớt cái mình có thay vào bằng những thứ của người chỉ cốt để loại thấp tình địch, nhưng khôn thay, kết quả không đi tới đâu mà còn bị cả tập thể các loài thú kinh bỉ, xa lánh...

Hình ảnh của bò Cộ dường như ta cũng bắt gặp đâu đó trong cuộc đời thật, cuộc đời có những con người luôn nghi ngờ người khác và cũng chẳng tin ở bản thân mình, trở thành thuộc tính yếu đuối trong bản chất của họ.

Trong một truyện khác Tinh Thần Ai Hưu, Võ Hồng mô tả một cảnh tranh luận trong sân nuôi gà vịt, mà đầu dây

mối nhợ cũng do anh Cồ Chuối bày ra, đứng ra kêu gọi mọi vật “sống kề cận nhau phải thương yêu nhau”, ý tưởng đó được Cồ Chuối giải thích: Ý tôi muốn nói là các loài thương yêu nhau. Đừng có gây sự cãi cọ, cắn đá nhau. Chẳng hạn gà đá vịt, bò húc heo, ngỗng mổ bồ câu...”. Cả sân bắt đầu tranh luận khá sôi nổi về tinh thần đoàn kết thương yêu nhau, và mặc dù có khá nhiều ý kiến không mấy thuận thảo với những đề nghị của Cồ Chuối, song cuối cùng cũng lập ra được cái hội “Ai hữu gia súc gia cầm ở số nhà 51 Hồng Bàng” với Ban Chấp Hành gồm Hội trưởng Cồ Chuối, Hội phó Bò, Tổng thư ký Ngỗng. Thừa lúc Hội chưa kịp ra mắt, các con vật tranh thủ giải quyết những mâu thuẫn nội bộ từ rất lâu: gà Tre nhảy đá vào đầu Bò; Dê thò chân đá lên vào hông Thỏ; Vịt cổ xoạc cánh thanh toán thẳng vịt Xiêm ve vợ nó; gà Tía trả thù thẳng Cồ Chuối ức hiếp mình. Cả sân náo loạn cả lên, xông vào nhau ẩu đả, cắn xé: “Vậy là nhen lên những lò lửa chiến tranh mới: Cãi cọ, chửi bới, giằng xé. Khắp sân rộn rịp. Lũ gà Giò hăng máu cũng sẵn sàng nhớ lại những mối bất hoà cũ, những vụ tranh chấp chưa ngã ngũ... và vậy là những cuộc đọ sức nổ rải rác đó đây. Khắp sân rộn rịp trong không khí đấm đá từng bừng. Không còn ai đứng ra tuyên bố Hội Ai hữu gia cầm và gia súc ở số 51 Hồng Bàng sẽ tái nhóm vào ngày nào.”

Có thật là Võ Hồng trong tình thế hiện tại, không thể xoay trở, không thể viết theo ý mình, từ những cảm xúc chân thật, những nhìn ngắm khách quan đang diễn ra trước mắt... theo như dòng văn chương ông viết trước đây, nên ngán ngấm, xoay ra đùa giỡn chơi với trẻ con (Hồn Nhiên Tuổi Ngọc), đùa giỡn với chính mình và nhân thế trong một giới hạn được hạn định, rào đón

trước? Dầu ông nói gì, phân bua những gì gì chẳng nữa trong lời tựa đầu sách, và cho dầu những hàm ý được che giấu dưới lớp giấy mực gây chút ngạc nhiên, chút cười thú vị qua từng cử chỉ, ngôn ngữ của các con vật, với tôi, tôi vẫn thấy ẩn hiện đâu đó nỗi lòng quặn thắt của người cầm bút trong rất nhiều truyện trong tập Chúng Tôi Có Mặt này. Ví như trong truyện Lâu Đài Trên Cát , Võ Hồng mở đầu bằng một kiểu “trích ngang lý lịch” về mối quan hệ giữa Khỉ và Người: “Không còn nhớ rõ vào trường hợp nào và do miệng ai nói mà Khỉ Thọt có ý niệm “Khỉ là Tổ tiên của loài Người”. Từ những ý niệm ban đầu cho đến những suy nghĩ đeo bám, riết thành nỗi ám ảnh khiến Khỉ Thọt phải lục tìm, tra cứu các thư tịch có liên quan tới loài Linh trưởng, cùng với sự giúp đỡ của mụ Két, Khỉ Thọt đã bới tìm được một số thông tin ban đầu, rằng “tụi nó không lột ổ... tụi nó chun vô chun ra những cái hộp có khoét lỗ... Lông nó ít hơn ông... Mình nó nhiều màu, hoặc trên trắng dưới đen, hoặc trên vàng dưới nâu... (tụi nó giống ông) y như đúc khuôn...”. Vậy là Khỉ Thọt quyết tâm lên đường đi tìm lũ cháu chắc là lũ người và cuối cùng cũng tìm thấy chúng, có cả thấy bốn đứa. Thay vì nhận họ hàng của nhau, bốn thằng người kia hết ném đá xua đuổi ông Tổ, rồi lại lấy súng bóp cò: “Khỉ Thọt quay lên nhìn mấy đứa cháu, ngơ ngác không hiểu. Chợt một tiếng “đoàng” nữa. Lũ chồn, thỏ, cáo, hưu đi tiển cất tiếng la hoảng hốt và co chân chạy rầm rập. Mụ khỉ vợ nhảy thót lên cành cây, tay chân siết cổ, lão gần nghẹt thở. Cái chân bên mặt sao bỗng nhừt buốt như xé. Khỉ Thọt nhắm mắt. Đau rất đến nỗi không khóc mà sao nước mắt cứ chảy tuôn thành dòng.

Khỉ Thọt thần thờ nhìn bốn loài Người. Nhìn chăm chăm.

Rồi chậm chậm quay lưng, bước lảo đảo trên những lối cũ. Những giọt máu rơi lộp độp trên tầng lá, màu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về...” Đoàn ông Tổ khi Thọt trên đường hành hương tìm lại cội nguồn con cháu thẳng Người đã bị lũ con cháu đón tiếp bằng cách thẳng tay xua đuổi, chối từ mối quan hệ có thật trên sách vở!

Đọc đến đoạn cuối của truyện này “(LĐTC), bỗng đứng nghe như toàn thân đau nhói bởi những liên tưởng vu vơ (xin lỗi nhà văn Võ Hồng kính mến): Tôi liên tưởng đến lời kêu gọi 10 điểm man trá, đến cái gọi là đoàn kết, hòa hợp, ái hữu điều ngoa. Tôi nhớ đến những bàn chân chạy thót trên bãi cát mặn chát muối, mồ hôi, nước mắt và cả máu; đêm tối ngằn ngặt những tiếng khóc trẻ con bịt kín miệng bằng chiếc nùi giẻ; tiếng súng nổ, tiếng la thét thanh. Chiếc thuyền tách bãi len qua vực lách, nhận chìm trong dòng nước xoáy. Những con thuyền nan lênh đênh, dòng người lênh đênh trôi giạt như phận rong rêu, mong manh không bờ bến, lang thang suốt một kiếp nhân sinh cùng những đắng cay tủi nhục. Những lang thang, tủi nhục này sẽ còn tiếp diễn khi mà những giả trá, xảo ngôn, lộng hành không thiếu chỗ hở để chen chân vào chốn lương thiện, khi mà những kẻ đầu cơ, những tên lừa lọc, lừa đảo vẫn nguy biến bằng những vầng hư danh “tổ tiên”, vẫn cúi dựa vào cái xác chết thúi rửa hôi tanh mà bóp hấu bóp họng lũ con cháu anh Khỉ Thọt ngu ngơ, kéo theo “những giọt máu đỏ tươi, như đánh dấu con đường trở về”, cho đến khi nào triệt tiêu hết lũ con cháu theo lý thuyết số học và sự hiển nhiên cơ học thì lũ “con cháu Tổ tiên” mới hài lòng, hả dạ? (Hình như đi hơi xa vấn đề, xin quay trở lại).

Mặc dầu trong lời tựa, ông cất công giải thích rằng:

“Những truyện loại này người ta quen gọi là Ngụ ngôn. Với tôi thì không hẳn đúng bởi tôi không có hậu ý dạy điều khôn dại mà chỉ muốn người chơi vui với một thế giới hồn nhiên dễ thương...”. Những dè dặt, rào đón này xem chừng không thừa đối với các nhà văn còn giữ được chút ít trong sạch cho tâm hồn, giữa thời buổi VIẾT LÁCH này, nếu không muốn tự trói tay đi vào chỗ bị bóp méo, bị quy chụp, kết án này nọ...ít hơn là bị mòn xói theo đà trượt dài của những ngoa ngữ hàm hồ... đã từng xảy ra với đám nhà văn “theo đóm ăn tàn”.

Quay sang một cách viết khác, chọn lựa đề tài khác cũng là một thái độ của người cầm bút, để người đọc thấy được anh Hương Quần Bộ Hung hành xử ra sao sau khi toàn thể đám côn trùng khu Đầm Lác được anh Bộ Hung đứng ra bảo vệ, giữ gìn trật tự trị an... : “Thấy rồi! Thấy vì sao rồi. Mùi hôi không phải do chị Bộ Xít mà do những ngón chân của Bộ Hung dính đầy phân heo. Tôi mới lén bò lại gần coi rõ. Ngửi kỹ nữa. Mùi phân heo rõ ràng mà. Do phân heo nơi chân của ổng mới hôi nồng nặc cỡ đó” (Hãy Tìm Cái Xấu Nơi Mình Trước).

Không cố công cào xới, không vạch tìm ám chỉ, nhưng khi khép trang sách lại trên môi vẫn nở nụ cười, nhưng là nụ cười méo xệch với một chút thần thờ, một chút nhói đau trên suốt 30 truyện của Võ Hồng trong tập Chúng Tôi Có Mặt, lẫn lộn những tâm sự và tâm trạng chồng chất.

Cảm ơn ông, nhà văn Võ Hồng với tấm lòng nhân ái, những chất phác quê mùa thơm mùi bùn non, cút trâu, cút bò ngào ngạt trong cơn mưa lất phất cuối đông, làm ấm lên chút tình người mong manh, để lũ con cháu lang thang này còn nơi chốn mà nhớ về, tưởng đến với chút ngậm ngùi hè xua nát lòng.

Ý kiến độc giả nói về nhà văn Võ Hồng

Thực hiện số chủ đề viết về nhà văn Võ Hồng, TQBT chúng tôi có “ phỏng vấn ” một số độc giả trong nước, nhất là ở Nha Trang về Tác Giả và Tác Phẩm.. Những độc giả mà chúng tôi thực hiện phỏng vấn để lấy ý kiến từ một sinh viên, một tu sĩ, một người lao động bình thường....đã từng đọc văn của Võ Hồng... Cuộc phỏng vấn này, do một cây bút thường xuyên trên TQBT trong nước thực hiện .(TQBT)

Độc giả nói về Võ Hồng và Tác Phẩm của Ông.

Nguyễn Thị Kim Loan (SV Luật khoa, Saigon)

Ngày ấy, bọn tôi bước vào lớp Sáu. Đầu năm học, trong thời khoá biểu xuất hiện một môn học mới là Anh văn. Cách đây mười bốn năm, lũ nhóc chúng tôi nghe đến Anh văn như cái gì đấy cao siêu, xa vời lắm...

Thầy đứng trên bục giảng, chỉ cái bảng đen và hỏi: “Các con có biết “bảng đen” tiếng Anh là gì không?”. Thầy viết lên bảng chữ “Blackboard”, hỏi có ai viết lại được không. Cả lớp rụt cổ, lắc đầu, chữ gì mà dài ngoằng như cọng rau muống! Thầy cười hiền lành bảo: “Các con đừng sợ. Ai bắt đầu học một ngoại ngữ cũng thấy rất khó khăn. Nó khó thì tìm cách làm cho nó dễ dàng, đơn giản hơn để học. Thầy sẽ hướng dẫn các con cách nhớ từ. Với mỗi chữ cái của từ “Blackboard”, các con hãy tìm cách để đặt một câu tiếng Việt có nghĩa... Ví dụ: “bà lão ăn củ khoai bỏ ông ăn rau dền” dễ nhớ không? Cả lớp cười ô

thích thú, lắm nhảm đọc theo. Đúng là dễ nhớ thật. Tiếp đó thầy cho chữ “Clock” để bọn tôi áp dụng phương pháp mới học. Đứa nào cũng căng đầu suy nghĩ, có đứa không biết nghĩ ra cái gì đấy cười khúc khích. Tuấn “chuột” xung phong lên bảng và nó viết đúng. Thầy hỏi nó nhớ như thế nào. Nó ngập ngừng: ‘Thưa thầy... con đặt thành Con Lan ôm con khỉ “. Trời đất! Bọn tôi ôm bụng cười bò, thầy cũng cười, mắt hóm hỉnh rất vui, chỉ có con Lan mặt đỏ bừng, nhìn Tuấn ta đầy vẻ ... hận thù! Những buổi học sau đó, bọn tôi luôn đón đợi giờ học của thầy với tất cả niềm háo hức. Cái cặp da của thầy là cả một kho tàng, nó chứa đủ thứ linh tinh được coi là “dụng cụ dạy học”. Cứ dạy một từ nào, một câu nào thầy đều có một ví dụ thực tế hay vẽ lên bảng cho chúng tôi xem . Tài vẽ của thầy thật tuyệt vời... Bọn tôi dần dần trở nên say mê với thế giới của một ngôn ngữ xa lạ. Tất cả là nhờ công sức của thầy dạy dỗ.

Một hôm thầy bước vào lớp, vẻ mặt buồn bã khác ngày thường. Thầy nói với chúng tôi rằng, thầy sắp phải chia tay với lớp “Thầy đi dạy đã mấy chục năm rồi, bây giờ tuổi lớn nên thầy về hưu. Thầy cũng nhớ trường, nhớ các con lắm. Các con ráng học giỏi cho thầy vui nhé!”.

Sau này, khi trưởng thành, thỉnh thoảng nghe đài, đọc báo thấy nhắc đến thầy VÕ HỒNG – một cây bút lão thành được công chúng mến mộ, tôi lại thấy lòng hân hoan thêm, vì tôi đã từng là học sinh của thầy. Dù là lớp học trò cuối cùng và chỉ được học thầy trong một thời gian ngắn ngủi, tôi vẫn ghi nhớ một hình ảnh thân yêu của một người thầy đã đui dắt tôi từ những bài học vỡ lòng đầu tiên...

Võ Tấn L. (Đạp xích lô, Nha Trang)

Tôi không chỉ là học trò của thầy (lớp Đệ Tứ năm 1972-1973 trường Bồ Đề) mà còn là độc giả trung thành. Tôi có tật mê văn thơ (ôm mộng lớn thành văn hào, thi sĩ nhưng cuối cùng ra mộng con tũn mẫn như bây giờ ông thấy), Tôi đọc nhiều tác giả miền Nam trước 75, như Nguyễn Thị Hoàng, Tuý Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ; nhà văn nam thì Bình Nguyên Lộc, Dương Nghiễm Mậu, Sơn Nam... nhưng tôi thích Võ Hồng hơn cả. Bởi lẽ ông viết không gì cao xa mà gần gũi quanh mình. Tôi dân Nha Trang, mà hầu hết truyện ông viết đều lấy địa danh Nha Trang, nơi ông đang sinh sống, cho nên tôi thích. Cái chất “nhà quê” như ông thường nói hầu như bàng bạc khắp trong các tác phẩm của ông. Hồi đó đọc Nhánh Rong Phiêu Bạt tôi khóc. Đọc tới đâu khóc tới đó theo chân cô bé tội nghiệp. Cũng như tôi khóc khi đọc Áo Em Cài Hoa Trắng và Trận Đồn Hòa Giải vậy. Dân ông con trai đọc văn mà suốt mướt thì không thành sự được phải không?

Còn nữa, tôi sống ở Phú Yên 1 tháng (hồi ba tôi là lính ở Trung Đoàn 47), nên khi thấy những địa danh ông nhắc tới trong tác phẩm làm tôi có cái xao xuyến bồi hồi. Ông tả đường Trần Hưng Đạo Tuy Hoà ví von như cái xương cá liệt thì thiệt là hay...

Phan Hoàng (nhà văn trẻ – Sài Gòn):

Tấm lòng Võ Hồng thật đáng để các bạn văn trẻ ghi nhận, học tập. Dù sinh sau đẻ muộn, không phải là học trò ông trên ghế nhà trường, nhưng đối với tôi, nhà văn đồng hương luôn là người thầy đáng kính. Giống như Sơn Nam của Sài Gòn của Nam bộ, Võ Hồng là nhà văn của Phú Yên của Nam Trung bộ. Mai sau, những ai quan tâm

đến khúc ruột đầy thác lũ phong ba này của Tổ quốc, tôi tin không thể không tìm đến trang văn của Võ Hồng. Càng khâm phục hơn, khi ở tuổi bát tuần với hơn 60 năm vui buồn nghiệp văn, bây giờ ngòi bút Võ Hồng vẫn không ngừng nghỉ, tiếp tục cống hiến cho đời những dòng văn nhiều suy tư, trải nghiệm thấm đẫm tình người.

Xuân Nga (Nha Trang):

... Hiện nay Võ Hồng có cuộc sống ẩn dật như một nhà nho, cô đơn và tách biệt trong căn phòng nhỏ bé của mình, căn phòng ngổn ngang sách vở, tạp chí, giấy tờ, những trang viết và chiếc máy đánh chữ... Một chút gì đó thật yên tĩnh và thật bận rộn, thanh thản và trầm tư, xao xuyến trong ông. Nhà văn cảm thấy buồn và hay nghĩ đến cái chết. Con cái ông đã nên người và đang ở quá xa. Tuy vậy, ông vẫn thường xuyên viết thư cho người con trai với tình thương yêu của một người cha. Một thân gà trống nuôi con giờ vẫn đơn độc... Giọt nước mắt chảy xuôi – với ông đó cũng là sự biểu hiện của lòng nhân ái.

Có người hỏi vì sao thời gian gần đây nhà văn không sáng tác nữa? Không trả lời. Phải chăng ông đã hài lòng với chính mình qua nửa thế kỷ cầm bút? Hay đó chỉ là một khoảng lặng im của lòng trầm ẩn với những điều không thể xẻ chia, tâm sự? Dù không còn sáng tác, nhưng ông vẫn đang tiếp tục sống bằng tâm tưởng, sống bằng tấm lòng nhân ái và tâm hồn rộng mở. Ở vào tuổi 80, ông già thích trò chuyện, vui đùa với trẻ con. Bởi đó là thế giới hồn nhiên, đầy những tò mò khám phá thế giới mới lạ đã từng chuyển sang ông những sáng tạo đầy chất hồn nhiên, ít nhiều làm ông thanh thản hơn.

Có một câu nói tôi đã đọc được từ trong trang viết của Võ Hồng và tôi nhớ mãi: *“Ngày con, hãy học thái độ của một dòng sông, gặp trở ngại thì đi vòng để tránh. Chớ không đi lui”*.

Đó là hành trang tinh thần tôi đã mang theo suốt tuổi ấu thơ và cho đến bây giờ. Là thế hệ hậu sinh, tôi luôn ngưỡng mộ và yêu kính ông: một người Cha, một người Thầy và một người cầm bút với tất cả tấm lòng, cống hiến cho con người, cho cuộc đời những trang văn đẹp nhất.

TT Trí Hải (Vũng Tàu):

Tôi xuất gia năm mười hai tuổi, sau khi cha má tôi cúng ông Táo cho tôi xong. Từ đó đến nay thỉnh thoảng tôi mới có dịp về thăm quê. Hồi nhỏ, nhà nghèo, tôi thường theo cha lên rẫy cuốc cỏ bắp, cỏ mía, cắt lúa... chận bò. Những năm tháng vất vả ấy cứ ám ảnh tôi mãi. Một hôm tình cờ đọc truyện Vết Hằn Năm Tháng của nhà văn Võ Hồng, có đoạn: *“Hôm rày bà chưa xuống đất thăm, bắp đã trở cò dưới đó. Mệt, tưởng năm sở bầy sở gì. Có một vạt đất bằng bàn tay mà cũng làm rộn”* làm tôi mới giật mình. Hình như nhà văn cùng quê với mình? Quê tôi ở An Nghiệp, ngay sát chợ Đèo, chớ không sao ông tả giống cảnh nhà tôi quá chừng. Khi khám phá ra được sự thật, hầu như tôi không bỏ sót tác phẩm nào của nhà văn Võ Hồng. Tôi đọc văn ông để nhớ quê, để thấy như mình đang sống trong cảnh cực nhọc nghèo túng của gia đình, của bà con chòm xóm.. Tôi yêu văn ông rồi đam mê ông, rồi không dứt ra được miếng cốm chợ Đèo. Tết nào tôi cũng nhặn người thân gửi vào năm ba bịch để hưởng chút dư vị của mảnh đất nghèo khó quê mình.

Có lần tôi về thăm nhà rồi ghé lại Nha Trang thăm ông. Tôi ngại ngừng bấm chuông, cứ nghĩ nhà vẫn là một con người khác lạ, cao xa. Nhưng khi xuống mở cổng, thấy tôi, ông chấp hai tay cung kính “mô Phật, chào thầy”. Tôi lúng túng chấp tay vái lại và thấy ông cũng “xềnh xoàng” như bao con người bình thường khác, mới yên lòng. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau khá lâu, chủ yếu quanh chuyện quê nhà, làng xóm và những trang văn của ông. Ông nói trong truyện Tình Yêu Đất, nhân vật lão Xự là có thật, đó là người nông dân không có tấc đất cắm dùi, đến khi lên bìa rẫy dọn lùm gai bần chải, đào những gốc duối to... để thành ra mảnh đất trồng tía được là máu và mồ hôi đổ ra, Nhân vật lão Xự yêu mảnh đất do mình vỡ hoang còn hơn cả bản thân của lão. Tôi nhớ nhà vẫn lặng người đi hồi lâu khi kể lại chuyện này, và sau đó lại nói: *“tôi ước chi bà con dân quê mình giàu có lên để bớt cảnh khổ cực. Sức lực của họ đổ ra quá nhiều, từ đời ông, đời cha tới đời con cháu mà sao vẫn cứ khổ hoài”*.

Ấn tượng nhất, và nhiều kỷ niệm nhất là đầu hồi năm 69,70 gì đó tôi đọc truyện ngắn Bên Đập Đồng Cháy, ông tả lại cảnh dân quê chạy giặc ở Tuy An, đọc tới đâu, nước mắt tôi chảy ròng ròng tới đó. Thiệt mà, khổ chi mà khổ dữ vậy?! Từ đó đêm nào tôi cũng dành một khoảng thời gian nhất định để tụng kinh, niệm Phật cầu nguyện cho họ... cho tất cả những người dân nghèo hàn, cơ cực...

Đặng Hồng (Mỹ Tho, qua điện thoại):

Tôi thích Võ Hồng của quê hương anh, cũng như tôi thích Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc của đất Nam bộ. Tôi chưa

hân hạnh được sống nhiều ở miền Trung, chỉ mới đi ngang qua, trên xe dòm xuống, thấy chỗ nào cũng núi đá, cũng cát, gió và nắng gắt... tôi nghĩ chắc người dân nơi đây nhọc nhằn dữ lắm? Tôi không được đọc nhiều Võ Hồng (cũng như chưa được cái hân hạnh nhìn thấy con người thật của ông), chỉ mấy cuốn: Hoa Bướm Bướm, Như Cánh Chim Bay, Khoảnh Mát... sau này thì Thiên Đường Ở Trên Cao. Dầu vậy, những điều ông viết ra đều để lại ấn tượng cho người đọc, như hai nhân vật Luân và Quỳnh trong Hoa Bướm Bướm. Họ cũng lặn theo dòng chảy của thời cuộc, cam chịu và hy sinh. Mà hình như nhân vật Luân có chút gì có bóng dáng của nhà văn? Lúc nào gặp, anh thử hỏi nhà văn coi?

Còn Thiên Đường Ở Trên Cao, nhân vật Băng Trinh là hiện thân của xã hội phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, vốn dĩ có truyền thống đạo đức tốt đẹp đang bị “xuống cấp” nghiêm trọng? Hồi chuông cảnh báo ông đang gióng lên khá lâu, nhưng xem chừng tâm huyết của nhà văn không được giới trẻ “ngó ngang” đến? Tôi yêu tấm lòng của Võ Hồng, cũng như từng yêu Sơn Nam qua những trang sách viết về Nam bộ./.

Trang văn thơ tiêu biểu Võ Hồng



Võ Hồng qua nét vẽ của Thanh Hồ

Võ Hồng

Nơi kẻ có quyền cái xấu cũng đẹp

Sau khi phụ vương cộc thẳng hà, Đông cung Thái tử Cộc lên ngôi nối nghiệp thay cha. Hồi thiếu thời, nhảy qua cái hố tập săn mồi, Đông cung hụt chân, ngã lăn xuống hố, bị thương nơi lưng. Chạy chữa mãi, vết thương lành nhưng sau đó cái lưng không duỗi thẳng được, phải chịu lom khom. Thề chất không được mạnh bạo như tiên vương nên tính trầm lặng, không ham xông xáo chiến đấu.

Các vị đại thần trong triều do sinh thời tiên vương tín nhiệm phong chức, nay đều giữ y như xưa. Gấu vẫn làm thừa tướng, Beo làm Thái sư, Heo rừng làm Nguyên soái, Voi làm Giám nghị đại phu. Cuộc đời bình thản trôi. Cứ mỗi tháng hai lần, ngày Sóc và ngày Vọng, thiết đại triều, bá quan đông đủ đến bái mạng.

Một đêm, tân quân vi hành ra bến sông. Nghe có tiếng vợ Hà mã mè nheo:

-Ngày nào, đêm nào cũng thấy ông tập thể dục. Trưa không nghỉ trưa, tối không ngủ sớm. Già rồi còn muốn đi thi lực sĩ đẹp hay sao?

Hà mã chồng im lặng, cứ cong lưng cúi đầu gục gục nhiều lần một cách nặng nhọc và chăm chỉ.

Giọng vợ chuyển sang mỉa mai:

-Dẫu là lực sĩ đẹp, ngực nở, bụng thon, bắp thịt nổi vòng thì cũng còn phải cần cái mặt cho thanh tú, điển trai. Ông không đạt nổi tiêu chuẩn chót đầu. Cứ soi nhìn xuống mặt nước khắc biết.

Hà mã chồng vẫn im lặng, nhẩn nại tập tiếp phần cái

lưng. Cong nữa. Ráng cong nữa.

Giọng Hà mã vợ bắt đầu cáu kỉnh:

-Hay là ông mê con nào? Mùa này nóng bức, ao suối cạn khô nên bờ sông sáng chiều tấp nập. Có nhiều con nhỏ nhỏng nhảnh, xí xộn. Chắc là ông...

Hà mã chồng gừ một tiếng ngắn: “Bậy! Nói bậy!”. Rồi lại tiếp tục luyện tập. Hết tự kềm chế nổi, giọng Hà mã vợ the thé:

-Bậy cái gì? Tôi nói vậy không đúng sao? Từ ngày triều đình ban cho cái chức Hiệu úy tí tẹo, đi theo hầu ông Phò mã để ông sai vặt, ông đã tưởng là ông oai lắm. Ông...

Nghe vợ nói động tới triều đình, Hà mã chồng lật đật “suyt” một tiếng rồi đi lại gần, khẽ sát đầu nói nhỏ:

-Chuyện quốc gia trọng sự. Đứt đầu như chơi, đừng có ồn ào.

Hà mã nheo mắt tỏ vẻ nghi ngờ.

-Nguyên là tân quân có cái lưng không thẳng. Muốn vừa lòng ngài, các đại thần khi triều bái đều đứng cong lưng. Mỗi khi dự bàn quốc sự đều ngồi cong lưng.

Đôi mắt Hà mã vợ hơi dịu lại.

-Thưa tường Gấu làm việc đó không khó, vì lưng ngài vốn cong. Ngài Thái sư Beo cũng vậy vì ngài đã ngoại tứ tuần. Chỉ tội nghiệp ngài Đô thống Tê giác. Hình như ngài không có cái cổ nên đầu và lưng thẳng băng.

Giọng Hà mã vợ có vẻ lo lắng:

-Còn ông?

-Tôi cũng khổ tương tự. Nhìn lưng tôi ngó cũng thẳng băng, thấy không? Nên tôi cứ phải tập hoài.

Hà mã vợ mặt nung núc lại gần mặt chồng cạ cái hàm vuông bạnh vào hàm chồng, tỏ sự âu yếm, thông cảm:

-Bây giờ, em mới hiểu. Minh đừng trách em.

Mặt Hà mã chồng vẫn giữ nét ưu tư.

Hồi tiên vương còn tại vị, ngài xông pha chiến trận, tuy lớn tuổi mà ngực nở, bụng thon, lưng thẳng, dáng ngồi uy nghi. Các cận thần già nua phải gắng sức bình sinh ngồi thẳng như ngài. Sang triều đại này thì các cụ tha hồ thoải mái, thông dong bởi khom lưng là cái thế tự nhiên của tuổi tác. Các cận thần trẻ tuổi thì ngược lại, ngồi thẳng lưng lúc nào cũng không hay, bỗng chợt nhớ ra, lật đặt khom lưng trở lại.

-Vua bắt cận thần phải nô lệ đến vậy sao?

Hà mã chồng lắc đầu:

-Vua không bắt. Nhưng muốn được vua thương, các cận thần thường làm theo điều vua thích. Vua thích ca hát thì các cận thần cũng làm ra thích ca hát. Vua chuộng màu đỏ thì cận thần không dám thích màu xanh.

-Nghĩa là phải nịnh...

Hà mã chồng gật đầu:

-Có thể nói vậy cũng... không sai. Như tân vương có lần vui miệng kể rằng hồi nhỏ khi ngài bị tai nạn lệch khớp xương lưng, ngài phải nằm trong hang điều trị hàng tháng. Trong vắng vẻ cô đơn, suốt ngày ngài nằm nhìn ra cửa hang, nơi đó có những cây mè nở những đóa hoa cánh mỏng màu hồng lợt, trông tựa những cái chuông nhỏ. Ngài mượn nó làm bạn và ngài yêu nó hơn mọi loài hoa khác.

Giọng Hà mã vợ dịu dàng:

-Tân vương cũng mơ mộng vậy sao?

-Một thể chất yếu đuối dễ thiên về mơ mộng. Nhưng điều này mới là đáng nói: Kể từ ngày đó, cả triều đình ai cũng đổ xô yêu hoa cây mè.

Hà mã vợ “ồ” lên một tiếng nhỏ ngạc nhiên rồi im lặng, không có ý kiến để phát biểu. Câu chuyện có vẻ gì “triết lý” quá, văn chương quá, cao quá tầm tay suy nghĩ của khối óc bằng hột cau của mụ. Hà mã chồng nói tiếp:

-Mà nào mè có phải là một cây hoa quý! Nó là thứ cây người ta trồng lấy hột làm muối, làm tương, chắc có con chim nào ngậm hột bay qua hang đánh rơi, hột nảy mầm mọc thành cây. Báo hại tiểu thần phải đi kiếm cho được cây mè để trồng. Cụ Gấu lò mò xuống xóm, xuống làng để kiếm, gặp lũ tuần đinh vác hèo rượt một bữa chạy trốn chết. Nhưng rồi, không hiểu bằng cách nào mà các ngài cũng kiếm được giống mè. Thế là: quan gián nghị trồng cây mè, quan đô thống trồng cây mè, quan thừa tướng trồng cây mè, cho đến Quốc bửu Bao lang, lông mặt đã ngã màu bạc, lông cổ da rụng gần trụi mà cũng ngồi khom lưng moi đất trồng cây mè.

Nghe đến đây, tân vương nhẹ nhàng bước lui. Những điều bất ngờ biết được đè nặng lên tâm hồn, đang giăng một màn mỏng màu xám trước mặt. Tân vương yêu lý tưởng, yêu cái đẹp, yêu điều thiện, yêu cái gì cao hơn đời sống vật chất khôn ngoan tầm thường. Vậy mà cuộc sống thấp hẹp đó đang bao vây chính mình!

Từng bước chậm, tân vương đi tới như người mộng du. Không ngờ những bước chân lững thững đưa tân vương đi ngang qua cái hang của Đô thống Tê giác. Và, rõ ràng có một cây mè đang ra hoa đứng kề miệng hang. Tân vương bước mau về hướng tư hang của Nguyên soái Heo rừng, mau gần như chạy, vì trong lòng đã chớm nổi bức bối. Quả đúng y dự đoán, trước hang nguyên soái có cây mè. Còn cao hơn dự đoán nữa: đến những hai cây trồng hai bên lối vào.

Tân vương lắc đầu nhiều lần, đôi mắt chong chong nhìn thẳng vào hai cây mè lạc lõng, yếu đuối. Ngài buồn bã đi tiếp. Ở đằng xa, nghe có tiếng cãi cọ, Nép mình bước lại gần. Có nghe được không? Thừa tướng Gấu và Văn thái sư Beo đang ôm nhau vật. Đấm đá túi bụi một lát, cả hai dẫn ra đứng thở. Thừa tướng vừa vuốt ngực vừa hổn hển nói đứt quãng:

-Đường đường một Thái sư mà giữa khuya lén qua nhổ trộm cây mè.

Thái sư:

-Thứ đồ cây mè, thiếu gì trên bãi bên kia sông... phù phù... quý giá gì, chẳng qua tao già, lội qua sông không nổi... phù phù...tao có nói cho tao xin một cây... phù phù.

-Ông có hỏi xin nhưng tôi có hứa sẽ cho ông đâu?

-Thủy cúc, hồng nhung, thu mẫu đơn, lan bạch hạc... thiếu gì những thứ hoa vương giả... phù phù...

-Này, ông đừng có đánh trống lảng. Nửa đêm lén qua cửa hang của người ta nhổ trộm, bị bắt quả tang. Ai đi xin hoa giờ đó?

Thừa tướng cúi lượm cây mè bị đứt gãy ngang hông, chùm rễ lưa thưa (chắc lén nhổ lật đặt nên đứt hết rễ) giơ lên cao:

-Thân danh nhất phẩm triều đình mà tôi tệ như vậy!

Tân vương không muốn nghe tiếp những tội tệ. Bấy nhiêu đó đã đủ, đã quá đủ, đã dư cho một ngày.

Về hang, ngài nằm trần trọc suy nghĩ. Cái tội tệ bắt đầu do sự tranh sống. Vượt quá giai đoạn tranh sống là tranh chức vị quyền lực. Cái tội tệ bủa vây khắp cuộc sống sinh vật. Giữa núi rừng này, chỉ còn có cây cỏ là thoát được sự trói buộc của nó. Thảo mộc vô tình, thảo mộc

bình thảo, thảo mộc cao quý!

Tân vương ngồi dậy, bước ra khỏi hang, lại gần cây mè thân yêu của mình. Dưới ánh trăng, chùm hoa hình chuông sáng lên những ánh bạc. Thân bụi bám, lá dày, toàn thân là một sự mộc mạc, hồn nhiên, trong sạch. Miễn nhiễm, vô ưu.

Chợt cây mè nghiêng mình:

-Thánh hoàng muôn tuổi.

Tân vương ngạc nhiên, trố mắt nhìn. Có thể tin ở tai mình không? Ở mắt mình không? Một cây mè biết nghiêng mình và biết tung hô vạn tuế. Lần đầu tiên trong đời...

Thấy cây mè vẫn cúi đầu, cong lưng, tân vương ôn tồn nói:

-Mời cô cứ tự nhiên. Như bình thường trước đây.

Nhưng cây mè vẫn cúi đầu, cong lưng.

-Muôn tâu thánh thượng, lâu nay thần thiếp không dám cất lời vì chưa thuộc hết nghi thức của triều đình. Phải cần mẫn nghe, nhìn các cận thần mà bắt chước, mà học theo.

Tân vương lạnh nhạt buông một tiếng:

-Ồ...

-Thần thiếp trộm biết bệ hạ riêng có lòng đoái thương phận hèn của thần thiếp. Để đền đáp ơn trên, thần thiếp cố tập luyện cho cái cộng hoa của thần thiếp cong xuống, cộng thêm cho đúng với tư thế phủ phục triều nghi. Nhưng thân thực vật không có khớp xương, tự mình không dễ làm được, không thể ngày một ngày hai mà thực hiện được. Cúi xin bệ hạ rộng dung mà ân thứ cho. Cho thần thiếp thêm thời gian để tiếp tục luyện tập thêm nữa.

(Trích tập truyện Chúng Tôi Có Mặt,

NXB thành phố HCM tháng 9/2001)

Cánh Hoa Đầu Tiên

Năm năm về sau, mười năm sau
Khi đôi mái tóc sắp phai màu
Có bao giờ nhớ, em thầm nhắc
-Anh ấy bây giờ biết ở đâu?

Dăm lá thư về mang nét chữ
Xa hơn những kẻ rất xa vời
-“Ngày xưa” nhưng ghen thôi không nói
Mơ lại làm chi, chuyện đã rồi

Ừ nhỉ ngày xưa yêu biết bao
Tình trong như nắng buổi mai nào
Mẹ nhìn đôi lứa thầm mong ước
-Cho chúng yêu nhau đến bạc đầu

Nhưng ôi! Chinh chiến tràn muôn nẻo
Anh lạc chân mây, anh cuối trời.
Chờ đợi, nhưng đâu chờ mãi được
Xe hoa... Em phải lấy chồng thôi

Ước xưa đã lỡ mộng xưa tan
Một chút mong thôi cũng bề bàng
Mười mấy năm rồi tin tức bật
Âm thầm không một cánh thư sang
*1943 (Trích tập thơ Thời Gian Mây Bay,
NXB Đồng Nai 1996)*

Những tác phẩm của nhà văn Võ Hồng đã xuất bản:

1. **Hoài cổ nhân**, tập truyện ngắn, Nxb Ban Mai, 1959
2. **Lá vắn xanh**, tập truyện ngắn, Nxb Thời Mới, 1963
3. **Vết hằn năm tháng**, tập truyện ngắn. Nxb Lá Bối, 1965
4. **Con suối mùa xuân**, tập truyện ngắn, Nxb Lá Bối, 1966
5. **Khoảng mát**, tập truyện ngắn, Nxb An Tiêm, 1966
6. **Hoa bướm bướm**, tập truyện ngắn, Nxb Lá Bối, 1966
7. **Người về đầu non**, truyện dài, Tập san Văn xuất bản 1968
8. **Bên kia đường**, tập truyện ngắn, Nxb Mặt Trời, 1968
9. **Gió cuốn**, truyện dài, Nxb Lá Bối, 1968
10. **Những giọt đắng**, tập truyện ngắn, Nxb Lá Bối, 1969
11. **Ao em cài hoa trắng**, sách hồng, Nxb Lá Bối, 1969
12. **Nhánh rong phiêu bạt**, truyện dài, Nxb Lá Bối, 1970
13. **Trận đồn hoà giải**, sách hồng, Nxb Lá Bối, 1970
14. **Xuất hành năm mới**, sách Hồng, Nxb Lá Bối, 1971
15. **Mái chùa xưa**, sách Hoa Sen, Nxb Lá Bối, 1971
16. **Trầm mặc cây rừng**, tập truyện ngắn, Nxb Lá Bối, 1971
17. **Như cánh chim bay**, tiểu thuyết, Nxb Lá Bối, 1971
18. **Thiên đường ở trên cao**, tiểu thuyết, Sở VH TT Nghĩa Bình, 1987
19. **Trong vùng rêu im lặng**, truyện ngắn, Hội VHNT Nha Trang xb 1988
20. **Chia tay người bạn nhỏ**, truyện thiếu nhi, Nxb Trẻ, 1991
21. **Vẫy tay ngậm ngùi**, tập truyện tuổi hồng, Nxb Trẻ,

1992

22.**Thương mái trường xưa**, truyện thiếu nhi, Nxb Trẻ, 1993

23.**Hồn nhiên tuổi ngọc**, tập thơ thiếu nhi, Nxb Trẻ, 1993

24.**Một bông hồng cho cha**, tập tùy bút, Nxb Văn Nghệ, 1994

25.**Võ Hồng – truyện ngắn chọn lọc**, Nxb Hội Nhà Văn, 1994

26.**Trầm tư**, tập đoản văn. Nxb Trẻ, 1995

27.**Vùng trời thơ ấu**, truyện thiếu nhi, Nxb Trẻ 1995

28.**Thời gian mây bay**, tập thơ, Nxb Đồng Nai, 1996

29.**Tuổi thơ êm đềm**, truyện thiếu nhi, Nxb Kim Đồng, 1996

30.**Thơm ngát hương cau**. Tập truyện ngắn, Nxb Giáo Dục, 2001

31.**Chúng tôi có mặt**, truyện giả tưởng, Nxb Tp HCM, 2001



Thơ

PHẠM NGỌC LƯ • HẢI PHƯƠNG • NGUYỄN
ĐỨC NHƠN • LỮ QUỲNH • ĐOÀN CHINH NAM
• ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ • TRÂM MẶC HOA
HUYỀN • ĐỨC PHỔ • THANH HỒ • TRÂM
MẶC THIÊN THU • NGUYỄN LƯƠNG VỊ •
CAO VỊ KHANH • TỪ THẾ MỘNG •

Phạm Ngọc Lữ

Đề tranh thu nữ

Gió lập thu thổi ướt lòng
Ao chiều khép nép che không kín tình
Sau tà sương khói mỏng manh
Hoang vu mọc nhánh đâm cành xum xuê

Xôn xao gió chở thu về
Rủ mây nổi mảng kết bè qua sông
Dịu em trở lại cô phòng
Dài tay kéo sợi che lòng băng quơ...

Cuốn tà sương khói phát phơ
Ôi ... màu thu nhuộm hai bờ Vân giang
Tình em hoa lá mơn man
Nửa xuân xanh biếc... nửa vàng theo thu...

Tháng 8 . 2005

Mọc lên một đoá

Nằm dài trước mặt trùng dương
Dang ra... mở hết ngọn nguồn châu thân
Phơi em hơi hờ trắng ngần
Cơ hồ một đoá bạch vân tượng hình
Hương trời sắc nước kết tinh
Như chưa hề vấy đục tình trần gian

Rướn người em thả hân hoan

Với đề mê sóng mịn màng trườn qua
Lịm người trước biển bao la
Ồ... em đang rộng... mở ra muôn trùng
Mọc lên một đoá hư không !

8.2005

Ngó trời

(Tặng Nguyễn Lệ Uyên)

Gối tay nằm ngửa ngó trời
Mây... mây hí lộng vẽ chơi đủ trò

Quen tay vẽ chó đầu to
Vẽ trâu mặt cụt cỡi bò lưng cong
Vẽ chồn đổi lột thay lông
Mỗi tay vẽ rắn vẽ rồng linh tinh...
Chán phèo một lũ súc sinh
Xoá đi... vẽ đám âm binh lộn đầu
Mặt lừa lưng ngựa vai trâu
Những hình nhân khéo tô râu điểm mày
Vẽ thằng nam đang múa may
Vẽ thân con nữ vỗ tay reo mừng

Xem trò vân cầu... cầu nhân!
Ngửa tay, lật cái phong trần vẽ chơi
Tung hê... vùng vãi khắp trời
Ao ào gió nổi... mây trôi cuống cuồng.

Niệm Đặng Dung

Mài gương ! Gương khuyết bao giờ

Cắm chuỗi gương gở trước mồ trượng phu!

Cảm hoài khí tiết thiên thu

Ngâm câu “thế sự du du...” lệ nhoà

Lão hà! Ôi... nại lão hà! (*)

Mây râu vô mệnh hoá ra tầm thường

Cúi đầu trả lại thanh gương

Trắng tà đá khuyết... mài suông nổi lòng.

()Câu đầu trong bài thơ Thuật Hoài của Đặng Dung*

“Thế sự du du nại lão hà”

Hải Phương

Rừng Hát Ngân Nga

Khi về

rừng hát ngân nga

quên tấm tích cũ

quên ta

là người.

Hỏi rừng

rừng cũng đười ươi

hỏi ta

ta cũng môi cười

nhe răng.

Hỏi con suối

ngủ
dưới trăng
thì con suốt
lại ngậm vành
trăng chia.

Hỏi đêm
đêm giọt đầm đìa
sương chan
đầy chén trà khuya
chương đài.

Hỏi thơ
thơ hát lai rai
biết còn ai
biết với ai
nghe cùng.

Thì thôi
ta lại hỏi rừng
rừng bao nhiêu lá
gió không ngừng
rung cây.

*Khi ở La Jolla Beach
1998*

**Về thăm Thanh Nhung
ở rừng Santa Cruz**

Ta về

em mở cổng
trăng
đang đêm
pha chén trà
tang hải
mừng.

Ta về
em mở cổng
rừng
nửa khuya
pha chén trà
lưng
môi người.
Mẫu son em
lá cỏ phơi
ta chia môi
hứng
môi mời
mềm môi.

Ta về
rừng đứng
đơn côi
dưới kia biển vọng
em ngồi
hoá thân.

Ta về
cây dáng sâu
nghiêng

chỗ hư không
rụng
cội tiền kiếp
xưa.

Ta về
em mở cổng
ra
thấy trong tiềm thức
bóng tà huy
bay.

*Ở Santa Cruz
tháng 9
haiphuong68@hotmail.com*

Nguyễn Đức Nhon

Sau Mùa Chinh Chiến

(Tặng các bạn tù ở trại Cà Tót)

anh bỏ đi rồi, tôi ở lại
chờ bao oan nghiệt trút lên đầu
tôi vẫn đứng giữa một trời ly loạn
tàn chiến chinh mùa nắng lửa mưa dầm

chiều hun hút giữa rừng thiêng nước độc
đêm uy linh nhồn nhợn tiếng ma Hời
từng giọt máu căng phồng bày muỗm đói
tôi bỗng sồn da, bỗng rợn người

đêm về lạnh lẽo đêm Cà Tót
hiu hắt mưa khuya tạt chiếu nằm
núi rừng vây hãm người thua cuộc
hì hục quanh tôi tiếng hổ gầm
những bước chân đi thật não nề
mây mù giăng kín nẻo sơn khê
bao nhiêu chiếc bóng vô hồn ấy
sáng sớm ra đi chiều lại về

rồi lại ngày mai lại sáng mai
rồi lại bao nhiêu tiếng thở dài
cái gô và chiếc quần bao cát
nó lại cùng tôi đứng giữa trời... !!!

Giấc Mộng Cuối Đời

ta sẽ dựng một chòi tranh nho nhỏ
bên cạnh dòng suối nước chảy êm êm
ta sẽ rủ một vài thằng bợm nhậu
đến cùng ta bày tiệc rượu thâu đêm

ta sẽ bầy vài con chồn, con cáo
đợi cuối tuần ướp sả ớt xào lẫn
lũ bạn bè còn đưa nào chết dở
hãy về đây cùng uống rượu ngắm trăng

ta sẽ vào tận rừng sâu, núi thẳm
bới rễ cây mà tìm thuốc trường sinh
khi buồn chán thì giả làm hảo hớn
chém cây rừng mà dựng trại Lương Sơn

ta sẽ tạc tượng em trên đỉnh núi
mượn mây ngàn dệt nốt mảnh xiêm y
và sẽ mượn sao trời đêm lấp lánh
kết thành râu chuỗi ngọc lưu ly
cho em lộng lẫy trên ngôi Hoàng Hậu
và ta sẽ là một Quân Vương
sẽ diễn nốt vở tuồng thiên cổ
rồi trở về cùng cát bụi - mù sương !

Tôi Và Máy Ông Bạ Già

mấy ông chữ bảnh quá chừng
còn tôi thì vẫn lừng khừng như xưa
một đời đá cá lặn dưng
sáu mươi lăm tuổi còn chưa ra hôn
cũng mây cái xác này còn
ráng thêm ít tuổi cho tròn bảy mươi
trở về bên đó rong chơi
“sáng nghe ngao hát, chiều bơi ngược dòng”*
mồi chum ruột, rượu bình đông
xoay tua mấy lượt là xong một đời
đời tôi?
ừ, chỉ vậy thôi...!!!

** Trần Yên Thảo*

Lữ Quỳnh

Chiều mưa trên thành phố nhỏ

Chiếc xe buýt chạy vòng không bến đỗ
Bốn mươi phút một lần qua chốn cũ
Tôi cùng em đứng đợi dưới mưa chiều
Bên kia đường nghĩa địa đầu hiu
Bia mộ liu xiu mặt mù trong gió
Ngã tư ở đây không đèn xanh đèn đỏ
Ít lối băng dành cho khách bộ hành
Em quần khăn quàng cổ màu xanh
Như tranh Đinh Cường thời "Thiếu Nữ"
Tôi không còn trẻ để cầm tay em nữa
Nhưng lòng như sẵn lửa cho em
Và tình luôn ấm áp trong tim
Để sưởi em ngày đông tuyết giá
Tội nghiệp những con đường xe qua buồn bã
Không bóng người chỉ bóng mưa xao
Em con chim sâu nhỏ thỏ nhỏ nào
Tôi bụm tay mớm mỗi tưởng tượng
Nay vẫn đẹp lầy lừng cao thượng
Dịu dàng như khí hậu Bắc Cầu

Có chuyến xe nào chở hết nỗi đau
Âm ỉ trong em. Nay thành niềm An Lạc.
Watertown, 13.7.2005

Trái của đời dù đắng

Cơn gió xoáy vào tim buốt máu
Chân lang thang theo chiếc lá vô hồn
Nghĩa địa mùa này tro mộ chí
Xe tang nào lặng lẽ chở hoàng hôn

Thèm rượu mà ta không uống được
Bạn thì xa. tri kỷ cũng đi rồi
Tay vói trời cao không thấu nỗi
Tuổi già mất bạn cũng mồ côi

Đứa trẻ nhớ nhà không nước mắt
Là ta phơi ước hẹn mai về
Đất có giữ chân lòng vẫn quyết
Ngại đời lắt léo quá u mê

Ngồi tưởng quê nhà đang có bạn
Đứa nằm hiu hắt chốn trăng sao
Đứa đang chiếc bóng đêm mờ tỏ
Thì cuộc sum vầy nay chốn nao ?

Nghĩa địa mùa này tro mộ chí
Và lòng ta cũng mộ chí gập ghềnh
Tuổi đã đủ cho tay dài hái quả
Trái của đời dù đắng... Vẫn xin !

Newyork 17.6.2005

Đoàn Chính Nam

Khi hút thuốc

Búng đi một mẫu tuổi đời
Để theo khói mộng lên trời viễn mơ
Để tìm đốm lửa tàn xưa
Lập lòe cháy đỏ những giờ bên em

Quyện trong hương tóc hương đêm
Là hương khói thuở trắng thêm Văn Khoa
Hương thời gian – hương phôi pha
Hương theo suốt một đời ta - hương sâu

Một nửa mình không thể hiểu mình

Ta qua mấy thuở yêu buồn
Làm sao em hiểu ngọn nguồn nơi nao
Bên nhau - còn thoảng chiêm bao
Lời thương - vẫn nhớ - nên câu ngậm ngùi
Làm sao em hiểu mảnh đời
ta trong mắt lệ bóng người năm xưa
Hờn ghen chỉ một cánh thư
Xé chi tấm ảnh đã mờ rêu xanh
Đập tan chi cố nhân tình
như không - như có - chỉ mình ta đau

Mười năm hạnh phúc trở hoa
Em là nước mát - lòng ta thấm nhuần
Mười năm đời bỗng sang xuân
Em là nắng ấm : quên gần, nhớ xa
Mười năm phẳng lặng đời ta
Em là ngọn gió an hoà mơn man
Xưa em cười – nét bình an
Nay em khóc – nét tân trang cuộc tình
Cho nhau đời sống nguyên hình
Cho nhau hạnh phúc khai sinh muộn màng
Mưa là nước mắt không gian
Cho hoàng hôn lại huy hoàng sau mưa

Đoàn Ngọc Kiều Nga

Bơ vơ

Mây chiều xoa tóc
Đại lộ xanh xao
Trái tim bỏ ngõ
Tôi đi cúi đầu

Cỏ vàng công viên
Trời mưa tháng chín
Những đôi tình nhân
Bên hè phố vắng

Một mình đếm bước
Ôm nỗi bơ vơ
Nghĩ về cuộc đời
Buồn lên tiếng khóc

Bảy năm góp mặt
Tâm sự lê thê
Thế nhân mắt trắng
Tình quên lối về

Gió mùa trở lạnh
Thèm một vòng tay
Bỗng nhớ nhung đầy
Ơi người xa vắng

Bước chân trĩu nặng

Mưa rơi tóc mềm
Nhà ai đèn thấp
Mênh mông trời đêm
SG 1961

Thêm chuyến chia ly

Một sân ga trắng tã từ
Tàu đi, còi vọng, lời ru sóng cồn
Mây sâu xoắn tóc hoàng hôn
Nắng chiều khơi giọt khói buồn trên mi
Đời thêm một chuyến chia ly
Ga hồn thêm một chuyến đi bơ thờ
Người về xa, nắng gió đưa
Mình tôi ở lại bao giờ cho nguôi.
SG 1961.

Tháng tám

Buông tay đánh mất tuổi đời
Tóc không buộc nổi môi cười đầy anh
Mi sâu mộng ngủ chưa đành
Thôi em về nhé, tuổi mình xót xa
Hồn nhiên theo tháng năm già
Dòng kinh sám hối đi qua linh hồn
Mất quãng hoài vũng đêm sông
Mụn tâm tư vá đã mòn tay kim
Người yêu ơi, có trông tìm?
Tầm cao hạnh phúc xa miền ước mơ
Cúi đầu vĩnh biệt giấc xưa
Tình anh thôi cũng xanh vừa lãng quên.

SG 1961

Trầm Mặc Hoa Huyền

Siêu độ tình, em

1- Rồi em,
đốt lửa đêm sâu
Giú hồn tôi giữa hai bầu ngực căng
Lửa hừng cháy,
rụi bóng trắng
Cháy ngôn ngữ vụn...cháy chấn chiếu thừa
Vườn tình tôi,
hạn mấy mùa
Mưa em tưới xuống cho vừa cơn điên!

2- Rồi em,
vỗ cánh muộn phiền
Tan hoang sóng Hạ, sụp miền núi xưa
Theo cơn gió xoáy cột đèn
Sầu khô ngọn cỏ,
nghịch mùa ái ân
Phiêu lưu trong cuộc phong trần
Lửa hương tắt ngúm...gió trăng quên về!

3- Rồi em,
xuống tóc nguyện thề
Liều đơn,
tôi tụng kinh che mắt đời!
Kinh tôi lỡ khóc, lỡ cười
Lỡ mê, lỡ tỉnh, lỡ thời, lỡ duyên

Rốt lòng siêu độ tình em
Đừng sanh lộn kiếp
...trong niềm đau tôi!...

Hề, về qua biển nhớ, người

Lung linh
sương đọng trên cành
Mình xa nên
rụng xuống thành lệ rơi
Hề, về qua biển nhớ, người
Bãi dương còn thắm
mộng thời yêu em
Cát còn lún dấu chân quen
Những ngày nghỉ phép,
những đêm hẹn hò
Tình như trăng gió hững hờ
Mà em con sóng vỗ
bờ cát đau
Mòn tay se sợi tóc nhàu
của em
thuở ấy, qua cầu đánh rơi!
Em giờ xa biệt mù khơi
Tôi khàn hơi gọi tên người trong mơ
So le
mười ngón tay khờ
Nhớ em,
buồn,
đếm vu vơ tháng ngày!

Đức Phổ

Thơ Gởi Một Linh Hồn

(Thương tiếc Hoàng Ngọc Tuấn)

Ông sinh trước ta một năm
Và chết trước ta bao lâu
Điều đó không thể nào biết trước
Hôm nay nghe tin ông mất
Cốc rượu ta đương nửa chừng
Bỗng trào nước mắt
Vị chia ly xót dạ cay lòng !

Ông sinh trước ta một năm
Và phần số mỗi người một khác
Ông không vợ không con
Ta một đời hư hao bóng ngọc
Ông sống như chơi chằng màng bổng lộc
Mượn chữ nghĩa làm vui
Hình-như-là-tình-yêu..không có thật
Hà cớ chi ta khóc
Cho nỗi niềm cô độc ông mang theo !

Ông sinh trước ta một năm
Điều đó chẳng có chi quan trọng
Ai nói trăm năm đời người
Chỉ lời khoát lác
Tài cán như ông còn chơi nửa cuộc
Nửa cuộc mai này bè bạn chia nhau...

Thanh Hồ

Nửa chừng buổi sáng

Em buông những lời mềm như nhung
Và giọt lệ chảy thắm
Tím lạnh
Buốt trái tim anh
Ngấm dần đáy sâu vực cảm
Làm sao có thể yên lòng
Làm sao cản ngăn cơn xúc động
Tự thân mình
Xốn xang từng cơn ấm lạnh
Chiếc lá trôi
Theo dòng suối vắng
Về đâu?
Cuộc tình vô định
Nửa chừng buổi sáng
Rung lên khúc nhạc buồn!...

Nguyễn Lương Vỹ

Hòa âm độc huyền cầm

Trận gió ngàn năm
Một dây rung mãi...
Hồ Xuy Xang Xê Cống
Chảy dọc từ sông lưng
Sông không xương uốn khúc
Núi giập mình đắm ngực

Mấy ngàn năm đứng ngồi
Miếu lẩn lóc bình vôi
Khóc mấy mùa bão lụt
Cười băng đồng gió trút
Đám tang gò bông lau
Bông bọt đỏ cúi đầu
Tụng kinh trên sân gạch
Tổ tiên về gõ phách
Phách nghiêng hai hàm răng
Bàn thờ không nói năng
Con thần lẩn tặc lười

Cống Xê Xang Hò Xự
Chảy ngang từ trái tim
Trứng rụng ba ngàn côi
Biển nằm khóc vang dội
Tinh âm chìm trong dây
Hòa âm ghìm trong tay
Nở ra hoa tinh khí
Vút một trời phương ý
Cảm động mắt tre già
Bà con nhìn không ra
Chó mèo tru sắc máu
Liếm đuôi buồn như trấu
Nhe răng tìm hơi quen
Tổ tiên thềm tiếng kèn
Hòa một dây đưa vông

Xự Hò Xang Xê Cống
Luồn vô từ máu me
Gặt mấy mùa gió chướng

Đùn lên mây tám hướng
Nắc nẻ đèn cô hồn
Soi thây ma đầu non
Mắt còn trừng cuối bể
Huyết khô rên bóng xế
Tóc nghẹn ngào bình minh
Một dây buốt thâm tình
Lạnh rên ba ngàn cỗi
Ngọn sào đâm dấu hỏi
Đờn nhấn ba ngàn câu
Nhịp buông theo ngàn râu
Một vệt dài sinh tử

Cống Xê Xang Hò Xự

Luồn ra từ hồn mang
Miếng trâu nhai đỏ chạch
Búng tay một cái tách
Lỗi hết dấu tang thương
Câu vọng cổ bờ mường
Trống châu nổi gai ốc
Một dây rung trắng tóc
Bồng tiếng khóc hài nhi
Cọng rơm khô bay đi
Mái đình cong nét nhạc
Đờn nhấn ngàn cánh hạc
Thơm nức vú em ngồi
Mượt hết cỏ trên đồi
Mạ non thương nhớ ruộng

Hò Xự Xang Xê Cống

Thả một bè mây bay
Nhấn một dây trắng khí

Hát một câu thích chí
Vọt lên một tiếng công
Nhẹ hẫng một duyên không
Bà con về đông đủ
Sáng lóa trong tiếng hú
Nhú ngàn lời sương rung
Hít một hơi tận cùng
Thở một hơi tận số
Nhìn mặt nhau bia mộ
Đá khóc trong tiếng đờn
Đờn vuốt mắt ngàn sông
Dây rung ngàn trận gió...

2002-2004

Cao Vị Khanh

đạo phùng cố nhân

từ em hôn thú dãi dầu
"cỏ trong mình mảy em sầu ra sao"
mượn thơ Bùi Giáng nhắc nhau
nghĩ ra cái chuyện bể dâu, giựt mình !

Từ Thế Mộng

Tắc lòng riêng Má để lại như kinh

Từ Nha Trang về, con mặn mà hơi nước bể
Thấm hơi thơ, con thấm cả hơi người
Quỳ bên Má, thấy như mình thuở bé
Thuở trắng còn theo Má dắt đi chơi

Cầm tay con, sát bên con là Má
Trắng theo con, trắng sát ở bên trời
Con chạy con đi

Trắng chạy trắng cười

Con dừng lại

Trắng xòe tay lá vẫy

Má nâng bổng con lên

Thoáng đã

hương bồ kết

gội

Má trên đầu con, dập dồn hơi thở rồi

Vuốt tóc con, gầy một Má xanh xao

Má run rẩy trong tay con, tóc Má đã thưa nhiều

Ôi Má, con sao cầm nước mắt

Con biết Má ra thăm con

Chuyến đi lần cuối trong đời

Thuốc thang như lời nói lấp

Đã biết dư từ lúc máy môi

Má đau chịu nổi cơn đau, mỗi lúc một nhiều

Đau như xé. Có bao giờ Má kể

Ba gánh nặng oằn vai, một đời đau bể

Rút ruột nuôi con đau kể ngần dài

Má không thể quay ngang, không thể quay xuôi
Không thể nằm yên, không thể đứng ngồi
Không thể hết cho trào nước mắt
Chút sữa bò sao đủ Má cầm hơi!

Má liếm cặp môi khô
 sữa chảy ra ngoài
Cùng chảy ra chút ngày khô héo
Chút xương thịt úa tàn, chút đời mòn mỏi...

Cậu tụng kinh cầu an, tiếng mõ rơi đều
Nghe như có tiếng chân ngày sắp hết
Hơi thở Má mong manh
bóng người xa tít

Cậu tụng thêm thời kinh tiếp dẫn
Lời kinh kia mắt Má dịu đi dần
Má nhìn quanh
 khuất nẻo
 cõi trần
Đầy nước mắt, vỡ ra thành tiếng khóc !

Tiếng khóc nghe như toàn tiếng nấc
Con nghe gì trong cõi lặng im ?
Cả hư vô vừa bủa vây mình ?
- Không, Má của lòng con có bao giờ mất !
Không, Má ơi! Có bao giờ Má chết
Thì mới hôm nào đây Má còn đòi ăn đầu cá thu
Nấu cháo bỏ nhiều tiêu và nấu cho nhừ
Má thích nhai xương, lắng nghe xương mềm ngọt

Má còn bảo để chiếc máy may dành lại cho em con
“ Các con phải nuôi em học hành cho tốt
Và phải thương nhau, hết lòng đùm bọc”
Tắc lòng riêng Má để lại như kinh !

Ba con quần khăn. Con quần khăn. Bao nhiêu người
quần khăn

Bỏ Má vô hòm

Chiếc hòm rộng Má nằm trông lạnh quá
Bàn tay xuôi, xuôi cả mấy lòng con
Bao nhiêu người qua. Bao nhiêu người tới
Đều thương Má, chấp tay, quỳ xuống lạy
Khói nhang đèn lay bóng Má lim dim
Nói sao hết yêu thương trong mắt Mẹ nhìn !

Hôm đưa Má đi, con bước đi lùi
Trời vẫn nắng, Má nhìn ra phía trước
Và bên con, em con lùi lùi bước
Em ghen ngào

dáng nhỏ

bước thêm xa !

Con đường ngoằn ngoèo như dải nắng
Người đi đưa chậm chậm bước đi theo
Mới biết Má nghèo nhưng lòng không nghèo
Đưa Má, đưa thêm dòng nước mắt
Nơi chôn Má ít lùm cây rậm rạp
Trời muốn soi lòng Má, nắng chang chang
Trán đầm mồ hôi nhưng lòng vẫn dịu dàng
Chờ chôn Má gởi thêm vài nắm đất

Con lặng im nhìn huyết đời quá chật
Má của con, lòng Má quá thên thang
Má bước chồm ra từ làn mây nổi
Con dang tay, Má đã ôm chầm

Má vừa chạy vừa kêu, bom nổ âm âm
Tóc tôi tả

“- Con đây nè Má !”

Cầm hai tay con, vừa chạy vừa nhìn

“- Má! Má !”

Vội vàng chi lấp đất !

Đất thương yêu vùi Má thương yêu

Có Ba con tay chùi nước mắt

Có em con đang mùi mẫn khóc

Có anh con vòng tay lặng ngắt

Và có con đang nhìn sững sốt

Con dang cả hai tay lừa đất

Người ta nói xin một lần vĩnh biệt

Nhưng lòng Má lòng con nào được

Má trong con chảy suốt nên người

Má xưa vốn ở trên trời

Thương con, Má xuống làm người trần gian !

“-Bà nội con đầy lòng dũng cảm

Như anh hùng lẫm liệt đời xưa ?”

- Không nội sợ ma, sợ luôn điều xấu

Nhưng thương con, dẫu chết cũng chưa vừa !

“- Bà nội xưa ra đáng tiểu thư

Đường thi phú hay như người thuở trước ?”
- Không, Nội học mới i tờ
Nhưng nuôi con, Nội nuôi thêm dòng chữ
Chảy suốt dòng mình, ba nổi mấy dòng thơ !

Thưa Má, con làm thơ tặng Má
Và lòng riêng cũng tặng các con con
Con cháu uống chung nguồn nước
Cùng thương nhau soi rõ mấy lòng con

Má thương yêu dấu mắt cũng như còn !

Trầm Mặc Thiên Thu

Quá năm mươi nhìn lại

Mỗi chiều ta lại đến
Khách sạn dưới chân cầu
Thay đồ như kép hát
Thủ vai một ả hầu

Phần tư thế kỷ dài
Ta quanh quẩn nơi đây
Bao nhiêu người đổi “job”
Ta vẫn còn loay hoay

Vẫn một quây rượu cũ
Nằm ngủ khói thuốc cay
Rượu trắng đen vàng đỏ
Như lũ người qua đây

Vẫn những dãy hành lang
hiu hắt ánh điện vàng
những cửa phòng im ỉm
che chiếu giường truy hoan

Vẫn những khung kính rộng
nhìn xuống một dòng sông
chảy qua đời bịn rịn
cuốn nổi sầu mệnh mông

Mùa đông đến, tuyết rơi
Đường xá vắng thưa người
Khách cũng lười ra phố
Bồi bếp thở dài hơi

Đã gần ba mươi năm
Ta mất ánh trăng rằm
Đắm chìm trong lốc xoáy
Khẩn cổ gào vô âm

Ế ẩm, bèn lấy sách
Ra đọc chữ thánh hiền
Quản trị viên trở đến
Nhoئن miệng cười vô duyên

Làm bồi, như kép hát
Lòng buồn tênh vẫn cười
Miệng sẵn sàng vâng dạ
Ý khách như ý trời

Rồi bày trò quét dọn
Rửa ráy với lau chùi
Quần ta, hồ trắng nếp
Cứ gằm bàn mà chui

Ngày tám giờ, đã mệt
Thêm tám tiếng ban đêm
Chén đĩa run trong mắt
Bàn ghế nhảy trong tim

Đêm sâu như hố thẳm
Mắt đã đỏ hơn đèn
Phút trước giờ đóng cửa
Thêm một chàng Mỹ đen

Thăm êm thành sỏi đá
Nằm đau buốt dưới chân
Khách chờ ăn sốt ruột
Mất quắc đuổi sau lưng

Tên khách già khó tính
Đòi “Strip Steak” “well
done”

Đầu bếp lười, thiếu rượu
Cứ gây gổ liên miên
Óc tị hiềm quá nặng
Loanh quanh một chữ tiền!

Trời ơi, thêm nửa tiếng
Ta muốn thành du côn

Quản lý, người da trắng
đôi mày cong như râu
tướng đi như vẹt đẹt
miệng không ngớt câu nhàu

Vừa ăn, vừa đọc báo
Chẳng buồn nhìn chung
quanh
Nhà hàng im thin thít
Vắng như chùa bà đanh

Thêm một giờ trôi qua
Trắng non, nay đã già
Thỏa mãn cơn hành hạ
Tên khách già đi ra

Tạ ơn chiếc xe già
Chở nặng quăng đời ta
Ta và người chung phận
Hạt cát giữa hằng sa

Tiền típ mười phần trăm
Tức, chỉ biết rửa thâm
Nhìn mâm, mâm chẳng nói
Nhìn đĩa, đĩa trầm ngâm

Quá tuổi tri thiên mệnh
Ta vẫn còn vác mâm
Môi vẫn bầm tê tái
Thuốc không hút mà thâm

Quá năm mươi, nhìn lại
Thấy kinh hãi quá chừng
Biết làm sao níu nổi
Xe thời gian dừng dừng

Ta nhuộm đầu đen mướt
Cố giấu hồn bạc phơ
Bởi đời là bể khổ
Nên lặn hụp từng giờ!

3/05



Truyện

NGUYỄN LỆ UYÊN • THÀNH VĂN • PHẠM
VĂN NHÀN • TRẦN BANG THẠCH •

Nguyễn Lệ Uyên

Không phải lúc nào cũng bình yên

-Thôi, nói hoài, mệt quá!

-Cái gì? Anh nói sao? Vậy không đúng chắc.

-Thì đúng. Nhưng khuya rồi, đừng làm kinh động giấc ngủ trẻ thơ. Chúng cần yên tĩnh. Em hãy tưởng tượng một giấc ngủ trong veo, nhẹ tênh...

-Là để cho anh yên tĩnh mà tơ tưởng, mà mộng mơ... Chính miệng anh nói ra đấy nhé!

-Khổ quá...

-Sao lại khổ? Hình ảnh hồi sáng đó, nó vướng vất trong đầu anh, xâm chiếm tâm trí anh, anh mộng mị, ngẩn ngơ... để thành hoa, thành mây bay.

-Thiệt bậy bạ. Mộng mị, ngẩn ngơ gì ba thứ tào lao đó. Mà thôi không nói nữa. Khuya rồi. Ngủ.

-Không ngủ. Không được ngủ.

Anh quay lại nhìn vợ trong bóng tối nhá nhem, với một chút ngạc nhiên. Hà đâu phải thế? Có thật đó có phải là cách nói của Hà với chồng con? Ở đâu mà vụt ra một kiểu nói lạ đời? Những ngọt ngào, nhẹ êm thường ngày biến đâu mất rồi để dần dà, rồi đột ngột biến thành trực ép nước cốt kén, chà miết, vất đến cạn kiệt chút chất lỏng sền sệt ngọt, bày ra đông xơ, hoá thành áng mây đen với những sấm chớp đi đùng, xé toạt sự bình lặng vốn có trong ngôi nhà xinh xắn, đầy ắp những lời yêu thương, nựng nịu này từ lúc nào anh không hề hay biết trước.

Anh xoay mặt vào vách, co quắp một chân lên, một tay gối đầu, tay kia bấu vào mép giường như kẻ thủ thế.

Đêm tối nhờ nhờ qua chiếc đèn hắt ra màu xanh nhạt. Khoảng cách giữa anh và vợ là chiếc mền chưa giữ ra, tạo thành một cái gờ mỏng trong khoảng 5 tấc vuông mong manh; thông thường không phải là bức tường thành để ngăn chặn đối phương xông lên như những hào lũy chống giặc thời phong kiến mà là vật che đấp, giữ cho hai người chút hơi ấm thương yêu chồng vợ. Trước nó đã từng, đã nhiều lần thường xuyên từng như vậy. Nhưng giờ này dường như đang bắt đầu có sự xộc xệch nho nhỏ xuất hiện... Anh nghĩ vậy.

Chút ánh sáng mờ đục không rõ mặt người, nhưng anh đoán chừng vợ mình đang giận, tức và hình như đang ghen. Có thể đang là cơn ghen vu vơ, một loại cố tật của hầu hết phụ nữ mà cánh đàn ông phải dè chừng. Nó không hề được báo trước như sự bất thường của thời tiết. Chỉ ít những cơn bão khủng khiếp cấp 12, 13 hay những cơn động đất cấp 9, cấp 10 đi nữa, thì trước đó có những dấu hiệu thật rõ ràng. Đằng này... không thể lường trước, không thể đoán sẵn. Những cái vụ vợ không tưởng ấy không hình dạng, không khối lượng, màu sắc nhưng nó sẽ sôi lên ừng ực, cháy bùng lên thành ngọn bất kỳ lúc nào để nhấn chìm, thiêu đốt người trong cuộc chỉ còn lại nhúm tro bay bung trong cơn gió trốt. Tất cả những hiện tượng này, người đời gọi là ghen? Nếu vậy thì rõ ràng vợ anh đang trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê này?!

Rồi anh nghe như chiếc nệm rung lật bật từng cơn nhỏ, rồi đến cái vạt giường, đến toàn thân chiếc giường. Tất cả là những rung chạm khê khàng như có bàn tay nín giữ, kềm ép lại để phát ra tiếng nắc nhen không thực sự rõ ràng, nhưng thừa sức làm tim anh co bóp đau nhói.

Anh dịch người sát hơn vào thành giường, gần với vách

tường và nhớ lại buổi sáng với những người bạn nghề có chút ít cảm tình. Chỉ là một sự tình cờ: đó là một buổi sáng trong veo, mát mẻ, đẹp với cơn mưa rào đầu hôm phủi sạch lớp bụi mỏng trên cành lá, với những bông đại bất ngờ chồi lên khỏi mặt đất khô nẻ, rung rinh trước mắt. Và trước mắt là những con bướm màu sắc sặc sỡ đập cánh chào nhau và chào những bông hoa. Và những tiếng chim véo von trên cao. Tất cả khiến bọn họ không thể cầm lòng, không thể đứng vững giam hãm trong những ngôi nhà hình hộp, những quán cà phê bay um khói thuốc lá. Họ bất ngờ kéo đến nhà anh. Ban đầu là một, rồi hai, rồi năm. Năm người với năm bộ mặt khác nhau, vóc dáng khác nhau và cung cách cũng khác nhau xa. Hai người đàn ông tự nhận mình là nhà thơ thì huyền thiên về chữ nghĩa, mượn chữ nghĩa người khác lấp đầy vào đầu óc mình để làm của riêng. Anh họa sĩ thì nổi dài màu sắc thành những vệt đen đỏ bay ngang qua đầu mọi người bằng bút tóc dài luôn luôn lúc lắc qua lại trên hai vai mỏng để gây sự chú ý của những người chung quanh trước khi người khác kịp nhận ra mình là người cố tình làm dáng và gọi đó là nghệ thuật tân hình thức. Người đàn ông thứ tư là anh nhà báo tự do, luôn nở nụ cười bí hiểm mỗi khi nghe ba ông bạn to tiếng tranh cãi về cái đẹp. Người thứ năm là một cô gái đi cùng với người họa sĩ, có vẻ như người mẫu, là nguyên nhân không xác thực mang đến những giận hờn vu vơ cho người vợ xinh đẹp của anh. Cô người mẫu duyên dáng lịch thiệp, luôn nghiêng đầu và mỉm cười kiểu cách với tất cả mọi người. Cô ta rót trà, cô ta châm rượu, y như thể những người đàn ông đang lùi về quá khứ xa, được ngồi trên bàn đá uống rượu ngâm thơ có tiên nữ hầu hạ?

Họ thăm thì to nhỏ về cái đẹp vây quanh chiếc bàn trà kê dưới gốc vú sữa. Họ mang hết mọi hiểu biết bày lên mặt bàn gỗ, như thể đó là những vật sờ nắm được, cốt cho cô gái kia tiếp tục nở những nụ cười tươi với họ. Nhưng khốn nỗi, hình như cô không cười cho riêng ai, vẫn tiếp trà tiếp rượu đầy các cốc tách... Có ai đó buộc miệng than “trời nóng dữ”. Vậy là từ chuyện cái đẹp nhân thế chuyển hẳn sang chuyện khí hậu, thời tiết rồi băng qua chuyện buôn bán làm ăn. Giữa chừng, khi những ly rượu đủ sức làm cho đầu óc lâng lâng, họ nhảy sang chuyện ca hát, rồi bay qua thời trang áo tắm áo dài lúc nào chẳng hay. Chuyện nọ xọ chuyện kia bay bổng với những cánh bướm chập chờn, la đà với khí trời bỗng nhiên dịu lại đột ngột. Anh nghĩ, tất cả mọi chuyển động cơ học trên và trong thân thể họ dường như chỉ để nhằm vào cô gái ngồi trước mặt; một cuộc chạy đua lúp xúp về kiến thức và tình cảm không hơn kém, khiến anh nghĩ tới những con gà trống, chìa vôi, thiên đường... cố sức xoè hai cánh, vung vẩy lông đuôi màu sắc sặc sỡ trước con chim mái? Sự liên tưởng mơ hồ hình như gây cho anh niềm thích thú không rõ rệt và bật cười với mình.

Tán lá vú sữa xanh mướt màu xanh ngọc bích, phớt màu nâu sậm bên dưới như chiếc rổ thưa lọc ánh sáng ban mai đổ xuống lổm đổm trên mặt bàn gỗ thâm sì như thể tay phú gia cầu thả đổ những viên kim cương, ngọc bích lên nền đất xám xỉn. Những đốm sáng nhảy nhót, lúc đậu trên miệng chén trà, lúc nhảy sang bàn tay ai đó đang vâng vâng chiếc quai nhỏ xíu, xoay xoay chiếc tách. Anh đắm đuối nhìn theo những viên kim cương nhảy nhót. Anh ngó sững chúng đậu trên mu bàn tay trắng nõn, thon mịn phớt chút lông măng hắt lên màu sáng của

kẽ năng rớt xuống. Năm búp măng động đây, di chuyển chiếc tách khê khàng mà như không hề chạm đến chúng. Anh say sưa nhìn những đốm tròn sáng chuyển động, đùa giỡn với những búp măng kia, lúc lảng xa, lúc áp thật gần, khi thì ôm riết lấy bàn tay thon thả. Vợ anh ngồi đầu bàn thông thả xách phích nước sôi rót vào bình trà, góp chuyện dè dặt vừa ngó chừng phích nước đặt dưới nền đất vừa chú tâm quan sát những người đàn ông ngồi lỏng chỏng trên những chiếc đu nhựa thấp. Vợ anh không nhìn bọn họ như anh đang nhìn ngắm những vệt nắng nhảy nhót trên bàn mà là một mũi lửa nhỏ xúu xuyên thẳng tới đôi mắt anh trong khoảng cách hơn mét. Nó như tia hồng ngoại khiến anh cảm thấy hơi nhột nhột ở hai mép tai, ngứa ngáy ở sống mũi, nóng như viên than hồng áp sát vào bên má. Bất ngờ anh ngược nhìn lên. Hai tia mắt dịu dàng mà thật dữ dội xuyên thẳng vào mắt anh, đẩy lùi chúng ra khỏi năm búp măng thon trắng, đẩy ra khỏi chiếc tách trà và cắm phụp xuống mặt bàn thâm sì. Anh quay sang những người bạn. Nàng cũng ngược nhìn mọi người với cặp mắt dịu dàng một cách thật bất ngờ. Cô gái hồn nhiên cười nói, phô hai hàm răng trắng đều và chiếc miệng duyên dáng đến lạ kỳ. Cô ta không hề cảm thấy nhột nhột nơi tai, ngứa ngáy nơi má... bởi tia lửa nhỏ xúu xoáy thẳng vào chỗ trống giống như một bức tường bê tông ngăn cách sự xáp gần đột ngột của một kẻ nào đó cố công tìm kiếm cái đẹp ngoài khả năng cho phép của sự bảo thủ mông muội một cách ngọt ngào. Cảnh tượng ban sáng cứ tiếp tục lướt thướt trôi qua đầu óc anh, tĩnh lặng và ồn ào. Bỗng dưng anh bật cười thành tiếng. Vợ anh quay lại, cầm chiếc mền ném xuống phía đuôi giường, chồm lên

lay vai anh như người đốn củi lay gốc tre trong bụi rậm.

-Anh cười gì? Tôi nói không phải sao? Đàn ông các anh đều một giuộc. Hễ thấy đàn bà con gái là y như con gà trống: xoè cánh, xum xoe, mổ túc túc mà chẳng có hột lúa, miếng mồi nào.

-Em không thể ví von con người với gia súc gia cầm.

-Đúng. Nó khác xa con người, Con người khác xa chúng. Nhưng về cung cách khi đối diện với người khác phái thì cùng một kiểu.

-Chỉ mới nhìn thì chưa thể gọi là phạm tội. Các bộ sách luật từ cổ chí kim, từ đông sang tây, chưa thấy có điều khoản nào ghi người đàn ông nhìn ngắm người đàn bà và ngược lại thì khép ngay vào tội được.

-Đã đành. Nhưng đạo đức, luân lý, tập quán, phong tục thì không thể được.

-Em nói như thể chính từ miệng Tần Thủy Hoàng nói ra vậy. Phàm trời ban cho con mắt thì phải nhìn, tai phải nghe, mũi phải ngửi... và... và... đầu óc thì phải suy nghĩ. Giữa suy nghĩ và hành động là một khoảng cách khá xa, nhiều khe. Không thể cấm mọi người suy nghĩ. Càng không thể bắt mọi người suy nghĩ một chiều.

-Vậy là anh đã công nhận hồi sáng này anh có nhìn cô ta, suy nghĩ về cô ta, cảm cô ta và... và...

-Và cô ta ra khỏi cổng, lên xe, nhấn ga, chạy xe về nhà. Chấm hết?

-Không chấm hết được. Chưa chấm hết được. Trong đầu óc anh lúc này vẫn còn vương vất hình ảnh cô ta.

-Anh có đọc ông Daisetz Teitaro Suzuki dẫn ra một công án rằng: có hai vị hoà thượng đi tụng kinh ở một hóc núi xa, chiều xẩm xẩm trở về tới con suối thì trời đổ mưa tầm tã, nước dâng cao, chảy xiết. Sát nơi bờ suối, có một

thiếu phụ xinh đẹp ngồi khóc nỉ non. Thấy lạ, một vị bước tới hỏi: “Cớ sao đã chiều tối mà thí chủ còn ngồi đây mà khóc làm vậy?”. Thiếu phụ ngược mắt lên, khóc ồ ồ còn hơn mưa xối: “Bạch sư cụ, tôi đến chân núi kia để thắp nhang cho chồng tôi vừa chết. Khi quay về thì trời đổ mưa. Nước suối chảy xiết không thể lội qua được, mà con tôi thì ở nhà một mình...” – nói và thiếu phụ không thôi khóc. Vị hoà thượng nọ kêu “mô phật”, rồi ghé lưng bảo thiếu phụ bám vào để ông công qua. Tối bờ bên kia, ông đặt thiếu phụ xuống và bước thẳng về phía chùa không đợi thiếu phụ mở lời cảm ơn. Vị hoà thượng thứ hai bươn bả chạy tới: “Thầy tu hành đã lâu, sao lại đi công người đàn bà trên lưng?”. Vị hoà thượng thứ nhất không trả lời. Vị thứ hai cứ bám theo và nhùng nhằng những lời trách cứ. Đến chỗ queo, vị thứ nhất nói: “Mô phật, tôi có công người đàn bà nào trên lưng đâu mà thầy ngầy tôi?”...

-Nguy biện. Vả lại người ta tu hành chớ còn anh...

Tiếng vợ anh nhỏ dần, nhỏ dần... vương vít đầu đó trên tán lá cây vú sữa một mặt xanh sậm, một mặt màu nâu sẫm. Anh có cảm giác như mình đang bay theo tiếng nói rung rinh kia và nhảy nhót trên tán cây xanh cùng với những ta nắng chảy qua tầng lá tạo những vệt tròn di động lung linh.

Lại một ngày nữa không phải đến sở, không phải nghe tiếng máy nổ ầm ĩ, khói bụi bay mù mịt, tiếng than thở về đồng lương còm cõi, vật giá gia tăng vùn vụt. Anh ước sao trong tuần có nhiều ngày thứ bảy và chủ nhật như vậy để lơ mơ nhìn ra góc vườn yên tĩnh, nơi những

cây cau kiểng xoã những tàu lá xanh vẫy vẫy với gió, mang quanh mình buồng trái chín màu đỏ; cây măng cầu đứng xa xa giơ cánh tay như muốn kéo xích cây mít ngoài góc rào, cây vú sữa đứng gần thêm giếng bước lại gần lại chút nữa để tâm sự; rồi nụ tầm xuân tím xanh biêng biếc xoắn lấy hàng rào dâm bụt, duối không muốn rời nửa bước... Thật yên tĩnh. Hoàn toàn yên tĩnh.

Vợ anh dọn bữa sáng lên bàn. Cháo trắng và cá măng kho tương. Đưa con chống muống, bi bô:

-Con không ăn đâu.

Vợ anh trừng mắt:

-An. Không được hỗn. An trứng hai ngày rồi, phải thay đổi.

Thằng bé mếu máo chống muống vào chén cháo, uể oải xúc từng muống nhỏ một cách nặng nhọc. Vợ anh ngồi bên cạnh thằng bé, không nhìn nó mà xoắn mắt vào chiếc muống đang kẹp giữa những ngón tay thả lỏng của anh như thăm hỏi “còn anh, anh cũng ngán món cháo sáng này rồi chờ gì?”. Anh cứ xoay miết chiếc muống quanh miệng chén.

-Hồi còn nhỏ xíu, sáng nào bà nội cũng nấu một nồi cháo to cho cả nhà. Một năm có đến ba trăm ngày ăn cháo với muối hay cá kho mặn. Thỉnh thoảng bà nhắc “ăn cháo để nhớ những cơ cực, vất vả... Sau này các cháu có là gì đi nữa thì vẫn phải nhớ và giữ lấy chén cháo trắng mỗi buổi sáng để tự răn mình”.

-Tự răn mình là một đức tính tốt. Mỗi khi ngồi trước chén cháo anh vẫn tự răn như vậy. Sau này con lớn hơn chút nữa, hẳn nó cũng sẽ làm như em và anh thôi.

-Anh nên thôi cái tính bông phèng không đúng chỗ ấy đi. Cuối cùng thì thằng bé cũng ăn xong bữa sáng và chạy

ra vườn với con Bin. Vợ anh cho đường vào ly cà phê và đẩy tới tận chỗ anh ngồi, nói bằng quơ:

-Thiệt kinh khủng.

Anh cầm cúi ăn hết phần cháo trong chén và đặt chén xuống vào chiếc thau nhựa để sẵn ở góc bàn. Mặt trời buổi sáng dính ở lưng lửng bụi tre có những cành cong chúc xuống. Nó không áp mòn những cành gai tua tủa mà hình như những cành gai ấy cào nát vòng tròn sáng kia, khiến con cu cườm thỉnh thoảng giật mình buông vài tiếng cú cu cu rời rạc.

-Người ta vẫn thường nói câu văn câu thơ đáng giá ngàn vàng, nhưng sao em thấy bản thân họ thì ngược lại. Buổi trưa đó em thấy... - Vợ anh bỏ lửng câu nói.

-Anh thấy họ là những người dễ thương, không vì cuộc sống mà đánh mất sự trong sáng trong tâm hồn. Họ yêu cuộc sống này, yêu bản thân họ và những cái đáng yêu chung quanh họ.

-Nhưng hơi bất bình thường. Em xin lỗi có chút thô tục bám quanh con người họ.

-Em ám chỉ cái gì vậy?

-Không phải là ám chỉ mà là những cái có thật, hiển hiện ngay trên con người họ. Họ tự đánh mất họ trong buổi gặp gỡ sang trọng với những câu thơ bóng bẩy, những đoạn văn óng mượt như dòng suối mà họ đã phô diễn ra.

-Anh không hiểu?

-Đó, anh bạn nhìn ngắm đầu đó, đầu để ý những chi tiết chung quanh Em thấy hình như những chi tiết quanh cuộc sống giúp ích cho sự sáng tạo mà.

-Chi tiết. Em nói đến chi tiết nào vậy?

-Em thấy họ vừa đọc thơ – Em không rành lắm về thơ – vừa nhai nhồm nhàm thức ăn trong miệng đến độ tưởng

chừng thức ăn vắng bản theo những câu thơ bay bổng kia? Em kính trọng họ vì họ là bạn anh, nhưng khi nhìn thấy cảnh ấy, có chút gì gần như thất vọng. Chẳng lẽ nhà văn nhà thơ thì họ được quyền làm như vậy? Giữa đời sống thật và tác phẩm họ viết ra là hai chiều trái nghịch nhau? Họ viết để làm gì nhỉ? Em đọc một ít tác phẩm, thấy trong đó họ ca tụng cái đẹp, phê phán cái xấu, thì chẳng lẽ lấy nguyên mẫu bản thân mình để phơi bày lên trang giấy?

-Anh không rành lắm về ba cái vụ lý luận văn chương, văn nghệ; nhưng không ai bắt nhà tu không được ngồi trên xe máy, ô tô; cấm cản đưa trẻ lên mười nếm thử tách trà, cà phê. Những điều em vừa nói chưa hẳn là thói xấu. Anh nghĩ nó chỉ là thói tật. Thói tật thì chỉ mới là khởi đầu cho điều tốt cũng như điều xấu. Dừng lại và bước tới, đó là bản lĩnh của mỗi người.

-Vậy còn như chuyện này thì anh giải thích ra sao? Hôm thứ Năm rồi, con bạn cùng cơ quan em ngồi kể: “tao có ông chồng không biết phải khóc hay cười, suốt ngày la òa với bạn bè từ sáng tới tối mịt. Có bữa giận quá tao nhắn tin “chẳng lẽ anh coi bạn bè là lẽ sống hơn em và con sao”. Rồi có hôm tao nói “bữa nay đi công tác xa, tối mới về”, nhưng có đi đâu. Trưa về đã thấy đám bạn của ông ngồi chật nhà. Như vậy rõ ràng ông nhà tao rất vui mỗi khi vợ vắng nhà?”.

-Anh cũng có mấy ông bạn vong niên thường hay nói “trong cuộc sống mà không có bạn bè thì coi như mất hết...”.

-Nhưng cũng có năm bảy đường bạn bè.

-Anh thấy hình như đã đến lúc phải đi chợ rồi đó. Để trưa nay anh nấu nồi canh rau tập tàng. Một tô canh có

màu xanh đậm đặc bày ra giữa mâm để thấy ngày chủ nhật thật xanh, như bầu trời trong xanh trên cao kia.

Vợ anh hứ đánh cốc, đứng dậy bưng thau chén muống đi ra giếng nước. Bước đi vẫn thong thả lướt nhẹ như mọi ngày, mang theo thau chén, mang theo nỗi bức dọc vu vơ để gàu nước xối lên, rửa trôi nỗi phiền muộn, để mọi thứ trở nên sạch bong./.

Thành Văn

Nhà văn muộn màng

Cuối cùng thì rồi ông cũng đạt được giấc mơ ông ấp ủ từ những ngày còn niên thiếu. Ông đã trở thành nhà văn. Ôi, cái giấc mơ này nó còn vĩ đại hơn cả “giấc mơ Mỹ” của người khác nữa. Thực ra, ông chỉ nghĩ thế, chứ ông có biết cụ thể cái giấc mơ Mỹ của những người khác nó thế nào đâu để mà so sánh, mà biết hơn với kém. Đó là cái ý nghĩ chủ quan của ông khi ông nghĩ về mình. Đúng ra là về cái sự nghiệp văn chương lúc khởi đầu của ông như thế.

Ông cầm quyển sách không dày không mỏng lên ngắm nghía. Tác phẩm đầu tay của ông đây. Một tập truyện ngắn dày đúng hai trăm trang giấy, in cỡ chữ trung bình 12. Ông cầm nó, có lúc bàn tay ông hơi đưa lên đưa xuống theo một động tác như người ta đang ước lượng sức nặng của một món đồ vật. Nghĩ cũng kỳ. Đã gọi là tác phẩm văn chương, thì cốt ở nội dung nó có hay hay không, chứ đâu phải độ dày hay sức nặng của nó. Vậy mà thỉnh thoảng bất chợt ông bắt gặp mình đang làm cái động tác cân đo đong đếm kiểu đó.

Có lúc trong đầu ông như có tiếng chê bai : “ Hơi mỏng”. Lúc khác một tiếng phản bác : “ Mỏng thì đã sao ? Ăn nhằm gì. Cốt ở nội dung ấy chứ. Có phải con gà con què đâu mà tính nặng nhẹ để bán được nhiều tiền hơn”.

Có lúc ông ngắm nghía cái bìa sách sắc sỡ, đến bảy màu. Đúng là một cái bìa techni- color, màu của những cuốn phim mà ông từng xem hồi còn trẻ. Trong số những màu sắc, số màu nóng hình như nhiều hơn màu lạnh. Có lẽ người họa sĩ nhận lời trình bày cái bìa cho ông nghĩ như thế để cho nó khớp với cái tựa “ Mặt trời tháng Tư” của cuốn sách chẳng ? Rất có thể. Còn cái dáng cô gái mặc váy không ra váy, áo dài không ra áo dài, thì lại hơi mập, chiếm gần hết khoảng giữa bìa sách nữa. Đây là một bức tranh theo trường phái biểu tượng, hay gì gì đó, như có lần ông họa sĩ giảng giải với ông. Cô gái trông không đến nỗi “ nóng” lắm. Đó là nói về các màu sắc. Cô ta ăn mặc có vẻ bình thường, không có gì hở hang. Khuôn mặt cô tròn vành vạnh. Mái tóc che mất nửa khuôn mặt. Ông họa sĩ muốn dấu tuổi tác của cô gái.

Ông nghĩ nhiều về cái hình thức của tác phẩm. Vì ông là tác giả. Nội dung của cuốn sách ông gần như thuộc nằm lòng rồi. Còn gì mà phải ngắm với nghĩ. Phần ngắm nghĩ về nội dung quyển sách kể từ giây phút này đã thuộc về người khác, những người sẽ đọc ông. Không, đọc “ nó”, cuốn sách của ông, đứa con tinh thần ông mới khai sinh ra.

Phần ông, nghĩ về những cái mới đến sau. Những cái của người khác; ông họa sĩ làm bìa, trình bày sách, nhà in, kiểu chữ. Ngay cả loại giấy người ta dùng để in cuốn truyện đầu tay của ông. Có cái không phải do ông quyết định. Nhưng nó đã hợp với những dòng chữ, những ý

tưởng ông gói gắm vào từng trang sách, để làm thành một tác phẩm văn chương mang dấu ấn của ông.

Ngồi trước cuốn sách có khi ông mơ màng nghĩ đến ngày ông nổi tiếng. Nhà xuất bản sẽ thông báo cho ông biết dự tính tái bản. Toàn là những giấc mơ đẹp đẽ. Ông cảm thấy lòng lâng lâng vui sướng. Rồi ông sẽ trở thành nhà văn best-seller. Trong cái thị trường chữ nghĩa vắng vẻ về chiều này điều đó có nghĩa là sách ông sẽ được in lần thứ hai thứ ba, mỗi lần in một ngàn bản. Một hiện tượng đột biến. Cho dù có như một ngọn đèn phụt lên trước khi tắt chẳng nữa, thì nó cũng đánh dấu giây phút huy hoàng của nền văn học hải ngoại. Cái phút huy hoàng đó kéo dài bao lâu ông không cần biết. Và sau đó cả sự nghiệp văn chương của ông cũng tắt ngấm theo. Ông không cần biết. Điều quan trọng là ông, một nhà văn muộn màng nhưng đã hiện diện như một dấu chấm hết của cái nền văn học này. Để rồi nếu sau này lịch sử văn học Việt Nam dù muốn dù không cũng phải đề cập đến nó, như một chi nhánh của dòng chính văn học Việt. Và biết đâu tên tuổi của ông, tác phẩm của ông chẳng được nhắc đến dăm ba dòng. Như thế cũng đủ để ông ngậm cười ở một nơi nào đó, nếu quả thật sự hiện hữu của ông dù là vô hình, nhưng vẫn còn đâu đó. Chả thế mà niềm tin ấy khiến cho bao nhiêu con người ta nhọc nhằn moi tìm moi óc để trải ra trên mặt giấy những con chữ chứa đựng cái phần tinh túy trong tâm hồn của họ.

Ông ngồi ôn lại cái cơ duyên đã khiến ông cầm lại cây viết. Không, không phải.

“Cầm bút” chỉ là một cách nói. Bây giờ các nhà văn còn mấy ai viết bằng cây viết, dù là viết bi hay viết chì. Người ta viết bằng chiếc computer. Ông cũng vậy. Ông

hồi tưởng lại cái lý do khiến ông viết văn trở lại. Một vài câu khích lệ của đám bạn cũ nhân ngày họp mặt truyền thống của trường xưa. Chính những lời mắng mỏ âu yếm của lũ bạn là những lời khuyến khích ông viết. Ngày xưa hồi còn bé ông đã mê văn học. Tiền quà cha mẹ cho thằng Cu Nhom, hồn danh người ta đặt cho ông hồi còn bé, nó chỉ ăn quà một nửa, còn một nửa để dành mua truyện Tấm cám, Chàng Nhái Kiển Tiên, hay truyện Tây du để đọc miệt mài. Lớn hơn chút nữa ông đọc Tự Lực Văn Đoàn, đọc Nguyên Hồng, Lê Văn Trương, Phạm Cao Cung.

Trong lớp, ông là đứa giỏi văn. Một phần ba số bài luận của ông được thầy cho đọc lên cho cả lớp nghe làm mẫu. Ông rủ rê bạn bè làm báo viết văn. Lũ bạn có đứa vừa trêu chọc vừa khích lệ gọi ông là “Tuấn văn sĩ”. Văn sĩ là cái danh hiệu cao quý nhất mà ông mơ ước trở thành. Nhưng cuộc sống không cho ông trở thành nhà văn. Nói đúng ra, ông không đủ say mê để theo đuổi cái nghề nhiều “vinh quang và cay đắng” này. Ông lớn lên và không bao giờ trở thành nhà văn được. Vậy mà gần cuối đời ông lại trở thành nhà văn. Một phần nhờ cuộc sống mới no đủ dễ dàng nơi xứ người. Phần khác biết đâu chẳng phải là nhờ chiếc computer. Ông nghiệm ra có lẽ đúng. Viết văn bằng máy điện toán quả là dễ thật, dễ hơn viết bằng bút nhiều lắm. Cứ viết rồi xóa, hay lại vò tờ giấy thành một cục vứt vào sọt rác để nản lắm. Không say mê, không kiên trì không làm được. Viết bằng computer khác. Viết hồi nào cũng được. Có hứng thì ngồi lâu, viết giờ này sang giờ khác. Chưa hứng, cũng cứ ngồi vào bàn máy. Lọc cộc một hồi cũng ra văn. Liên mạch với đoạn trước càng hay. Không, thì sau đó cắt

xén, đùn lên, kéo xuống, sửa tới sửa lui. Sau cùng thế nào rồi cũng được những đoạn văn đầu vào đó. Những đoạn văn đó gom lại rồi cũng thành những câu truyện có đầu có đũa. Người ta ào ào chen chân vào thế giới văn chương chữ nghĩa, biết đâu chẳng là nhờ viết lách bây giờ dễ hơn hồi trước nhiều. Cứ so sánh tỉ lệ về dân số thì có lẽ không ở đâu nhà văn lại nhiều như trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Tính số đầu sách văn học được in ra, có lẽ sách Việt chỉ thua sách Mỹ. Thì cứ cho là như thế đi. Hơi cường điệu một tý thật, nhưng có sao đâu. Dân mình vốn là một trong những giống dân mở miệng là ra văn ra thơ kia mà.

Và ông, trong cái chợ chiều chữ nghĩa ở đây, ông cũng chen chân vào đứng xớ rớ ở một góc, ngơ ngác nhìn thiên hạ mặc áo thụng, đi qua đi lại vái nhau.

Còn một lý do nữa; đó là thời giờ ông quá nhiều. Kể từ ngày kiếm đủ bốn mươi tín chỉ (credit), trả xong cái nợ công dân xứ người, ông về hưu non. Mỗi ngày tám tiếng ở sở bây giờ ông ngồi ở nhà. Vợ ông trẻ hơn ông đến tám tuổi, nên bà vẫn phải đi cày trả nợ, như cách nói của đồng bào ông ở đây. Con cái ông đứa ở gần đứa ở xa. Nhưng chúng nó cũng chỉ cuối tuần mới ghé thăm vợ chồng ông. Lũ cháu ông đôi khi theo chân cha mẹ chúng đến nhà ông bà chơi giỡn ầm ĩ. Nhưng cũng chỉ được nhiều lắm là hai ngày cuối tuần. Còn ngày thường ông ở nhà một mình. Ông có quá nhiều thì giờ. Biết làm gì cho hết. Căn nhà trở nên vắng lặng một cách đáng sợ. Làm vườn ông cũng thích, nhưng mau chán. Nên ông viết. Viết rồi ông lại muốn trở thành nhà văn. Đó cũng là lẽ tự nhiên.

Thoạt tiên ông tưởng chỉ dạo qua thế giới văn học một tí

cho vui. Giá phỏng những bài đầu tiên ông gửi cho những tờ báo người ta chê không thêm đăng, như ngày xưa thời mới lớn ông mới tập tành viết lách, thì có lẽ ông đã nản, không tiếp tục nữa. Ông sẽ có lý do để tự thuyết phục : “ Ăn cái giải gì chớ. Bây giờ cuối mùa rồi. Viết cho ai đọc. Văn chương làm được cái trò trống gì cho cuộc sống quay quắt ở đây mà viết. Thì giờ rảnh để xem phim bộ. Không sướng hơn ư ?”

Khổ nỗi, những bài ông gửi đi lại được các nơi đón nhận khá mau mắn. Người ta đăng bài của ông, có nghĩa là ông viết được. Ông viết được thì ông lại viết tiếp. Ngày một ngày hai cùng với số bài được đăng báo, cái giấc mơ trở thành nhà văn của ông tưởng đã chết ngỏm tự hồi nào, bây giờ lại bừng bừng sống dậy. Ông lại mơ màng tưởng mình thành văn sĩ. Ông lục lọi trong trí nhớ mọi móc ra những mẫu đời xưa cũ để đưa lên mặt giấy. Thế hệ ông trải qua biết bao thăng trầm nhục nhằn thống khổ. Nếu cần, chỉ việc kể lại cũng đủ thành bao nhiêu truyện ngắn, truyện dài. Ông viết chuyện của mình, chuyện bạn bè, chuyện hàng xóm. Rồi những mẫu chuyện ông nghe người ta kể lại. Ông xào nấu lắp ghép. Vặt đầu cá vá đầu tôm để thành những cốt truyện.

Ông nghe người ta nói, nhà văn mà chỉ biết viết chuyện của mình thì đâu phải là nhà văn. Nhà văn là phải bịa. Phải sáng tác, phải sáng tạo. Như Thượng đế tạo ra thế giới. Nhà văn phải tạo ra thế giới của mình bằng tưởng tượng. Không vậy, anh ta chỉ là kẻ viết hồi ký. Viết hồi ký nhưng vẫn không dám chường mặt mình ra trong những gì mình kể.

Thế là ông lặn xả vào tìm tòi cách dựng truyện, cách viết. Ông ra tiệm sách lục lọi khuôn về dăm bảy cuốn

sách dạy viết văn. Ông quên rằng, người ta có thể học cách viết văn, nhưng không ai học để có thể thành nhà văn được. Một nhà thơ nổi tiếng đã chẳng từng tuyên bố một câu ông không nhớ rõ nguyên văn, nhưng đại khái : “ Người ta là nhà văn từ ngay dòng chữ đầu tiên, hay không bao giờ cả.” Người ta lập ra các trường dạy viết văn để dạy các nhà văn cách viết mà thôi. Ông mua gần chục cuốn sách loại đó. Nhưng sau cùng ông nhận thấy chỉ vô ích.

Có truyện đăng báo, ông càng phấn khích. Ông tin rằng câu phê của ông thầy dạy văn ngày trước là đúng. Ông thầy đã phê trong học bạ của ông : “ Một nhà văn tương lai”. Hay nói cách khác, câu phê của ông thầy nó đã “vận” vào ông, như một lời nguyện. Ông tin mình có văn khiếu. Ông hãnh diện gửi cho bạn bè những tờ báo có bài của ông. Người ta không thờ ơ. Nhưng không ai khen ông nồng nhiệt. Dĩ nhiên không ai chê ông. Người ta sợ ông buồn, sợ ông mất lòng. Thành ra rút cục ông cũng chẳng biết thực sự văn mình có ra cái gì không. Hay các tờ báo chỉ vì kẹt bài mà đăng cho ông, như kiểu người ta “ Điền vào chỗ trống cho đủ nghĩa”. Niềm tự hào của ông đôi khi nguội lạnh đi một cách đáng ngại.

Ông nhớ, cách đây đâu vài ba năm, thỉnh thoảng ông đọc được những bài văn, những truyện ngắn của những người không phải là nhà văn (Hay ít ra cũng là người ta tự bảo thế). Những câu truyện viết rất hay; cốt truyện rất hấp dẫn, văn phong sáng đẹp. Đúng là văn chương. Đó là những câu chuyện ngắn ngắn giản dị trong một chương trình thi viết do một tờ báo tổ chức. Thế mới là văn chương chứ. Ông tự hỏi : “ Sao những người như thế họ không làm văn sĩ nhỉ ?” Ông thắc mắc, bởi ông cũng đã

đọc một số khá nhiều truyện ngắn của một số tác giả. Có cả những tác giả trong nước. Họ là những nhà văn. Nhưng nếu đem truyện của những nhà văn kia so với những câu chuyện của những người không phải là nhà văn nọ thì ông lại thấy thích những người “không phải là nhà văn” hơn. Nhiều tác phẩm ông đọc thấy tối hù. Rán vận dụng hết trí thông minh và cảm quan thường ngoạn ông vẫn chịu không thể nào hiểu nổi. Ông tự đùa với mình bằng cách đặt tên cho những tác phẩm như thế là “Chuyện bí hiểm kể trong đêm trừ tịch”.

Ngày xưa còn đi học, thầy ông định nghĩa: văn chương, văn là vẻ đẹp, chương là vẻ sáng. Bây giờ thời buổi văn minh, văn chương có khi chẳng cần sáng đẹp nữa chẳng ? Ông không biết và ông cũng không tin điều đó. Nhưng quả thực ông rất thích một số trong những câu chuyện kể của những người dự thi kia. Họ tự bảo mình không phải là nhà văn mà sao văn họ hay thế. Truyện họ hay thế. Vậy thực sự, ai là nhà văn ? Còn ông nữa. Ông có phải là nhà văn không ? Người ta đọc văn ông, nhưng cảm nghĩ của người đọc đối với những gì ông viết ra nó giống như ông đối với các người có tác phẩm và được xưng tụng là nhà văn hay giống những người không phải là nhà văn kia ? Ông không biết. Không biết, nhưng lòng ông xốn xang. Một mặc cảm tự ty âm ỉ trong lòng ông. Người ta, những người không chịu nhận là “nhà văn” mà họ viết hay như vậy, thì mình làm nhà văn làm gì? Ông thở dài một mình. Tinh thần ông như rơi xuống từ những đám mây tự hào do ông tạo ra. “Nhà văn ! nhà văn ! Ông là ai ?” Những câu hỏi ấy cứ bong bong trong đầu ông ? Ông muốn buông bút. Ô, không phải. Ông muốn đóng máy điện toán lại. Không viết nữa. Viết chẳng để

làm gì. Bây giờ còn viết chẳng ra gì thì thôi đi cho rồi. Ông ngồi nghĩ những điều lẩn cảm về chuyện những người không phải là nhà văn và những nhà văn. Lòng ông hoang mang. Ông tự hỏi mình là ai. Mình thuộc vào nhóm nào ? Từ tâm trạng tự hào, ông chuyển qua tự ty. Ông suy nghĩ để cố thoát ra khỏi cái mặc cảm tự ty đó. Phải tìm cho ra sự khác biệt giữa nhà văn và những người không phải là nhà văn. Sự tìm tòi liệu có cứu ông thoát khỏi tâm trạng hoang mang để vững niềm tin đi tiếp con đường ông đã khởi đầu.

Mặc dù quay quắt, ông vẫn viết. Cứ hễ còn có báo chịu đăng bài là ông lại viết. Những con chữ vẫn từ óc ông theo những ngón tay gõ trên bàn phím máy điện toán trải ra trên màn hình, rồi theo nhau chui qua máy in, hiện lên mặt giấy. Như những giọt nước lôi kéo nhau đi, bởi sức mao dẫn. Tạo thành dòng chảy. Những con chữ xúm xít nhảy múa, đùa bỡn. Chúng trêu ghẹo nhau như một lũ trẻ con nghịch ngợm. Chúng thách thức ông, rủ rê ông vào một cuộc chơi vừa say mê hào hứng vừa vô bổ một cách tội nghiệp.

Tâm trạng ông thay đổi luôn luôn. Lúc thế này, lúc thế khác. Người xưa bảo “ Lập thân tối hạ thị văn chương”. Rồi thì văn chương hạ giới rẻ như bèo. Nào là “ Sách vở ích gì cho buổi ấy. Trăm năm thân thế có ra gì ?” Toàn là những câu làm nản lòng người viết. Nhưng tất cả không thể nào dập tắt được cái lòng háo danh. Ông cũng là một kẻ háo danh. Gì thì ông không biết, nhưng cái danh xưng nhà văn thì ông thêm lăm. Thêm từ những ngày còn nhỏ. Nhưng bây giờ nhiều người họ khó lắm. Không biết căn cứ vào đâu mà một số người viết văn cứ nhất định bảo rằng chưa có sách xuất bản thì chưa thể

gọi là nhà văn, cho dù anh có nhiều truyện đăng báo đến đâu chẳng nữa. Sự nghiệp văn chương của một người chỉ được nhìn nhận kể từ khi tác phẩm đầu tay của người ấy ra đời. Ông biết thế. Nên ông tự nhủ phải cố mà in lấy một quyển. Nhưng đến lúc này thì còn nhà xuất bản nào dám mạo hiểm nhận in tác phẩm đầu tay của một nhà văn chưa nổi tiếng như ông. Ông đành tính chuyện tự in lấy. Ông để dành tiền hưu. Số bài ông đăng báo đã có hơn trăm, trong đó gần sáu chục truyện ngắn. Ông lựa ra mười truyện ông ưng nhất, để in sách. Vợ ông biết được ý định của ông, bà bảo : “ Ôi dào ! Nhà văn với chả nhà viết ! Đã bằng này tuổi đầu. Thất thập cổ lai hy rồi, sao ông còn ham ba cái thứ vớ vẩn ấy. Để làm gì chứ ? Tiền cho con cháu nó ăn quà hay đi du lịch sang Tàu xem Vạn lý trường thành không sướng ư ?” Ông phang ngay một câu : “ Vạn lý trường thành thì có khổ gì mà xem. Chẳng qua đó chỉ là nắm mồ tập thể của một thời phong kiến man rợ. Có gì đáng xem đâu, mà xem ?” Bà lừ mắt ném cho ông một cái nguyệt dài thượt.

Bây giờ thì ông đã in được quyển truyện đầu tiên. Nói theo văn chương chữ nghĩa, thì ông đã cho ra đời tác phẩm đầu tay. Đứa con tinh thần ông mang nặng đẻ đau rồi có ra hồn gì không, ông không biết. Nhưng ông cứng nó vô cùng. Một người đàn bà sinh con ra, thương con thế nào thì ông thương đứa con tinh thần của ông như vậy. Đứa con bằng thịt bằng xương của người mẹ kia lớn lên làm vương làm tướng gì hay chỉ trở thành đứa ăn cắp ăn trộm, bà không cần biết. Bà vẫn thương yêu nó vô vàn. Chỉ một lý do duy nhất vì nó là máu, là thịt của bà. Bà đã rút một phần thân thể mình để tạo ra nó. Nó sướng thì bà sướng, nó khổ thì bà khổ.

Đối với ông cũng vậy, tập sách ông đang cầm trên tay nắm nghía, trong mỗi cảm xúc bồi hồi, nó cũng là đứa con do ông đẻ ra. Cái tập giấy màu trắng chỉ chút những con chữ màu đen kia đâu ông chẳng phải rút ruột đẻ ra. Nhưng cái phần hồn ẩn dấu sau những con chữ đó chính là máu thịt của ông. Hơn thế nữa nó là tim óc ông, là tâm hồn ông. Dầu nó thế nào ông vẫn cứ yêu nó. Vì nó người ta gọi ông là nhà văn. Ôi cái danh xưng có lúc ông thấy nó cũng tầm thường như mọi thứ tầm thường khác trong cái cõi vô thường của cuộc sống. Vậy mà vẫn có những lúc nó làm ông bồi hồi sung sướng như thể cuộc sống của ông có thêm ý nghĩa. Phải chăng vì thế mà cuộc sống này cứ tiếp nối nhau tồn tại. Phải chăng nếu không nhờ những cái vỡ vụn đó cuộc sống sẽ chẳng còn ý nghĩa gì ?

Ông lại ngồi vào máy điện toán. Ông viết miệt mài. Ông muốn ghi lại tất cả niềm hạnh phúc ông vừa cảm thụ sau sự ra đời của tác phẩm đầu tay. Cho tới tận khuya, đến lúc bà dục ông đi ngủ. Không nghe tiếng ông trả lời. Đầu ông gục trên bàn phím, bình yên lặng lẽ, như người ngủ quên. Mái tóc lơ thơ bạc trắng phủ lên những nút chữ. Lúc người ta mang ông ra xe cứu thương, không ai còn tâm trí đâu để ý đến những dòng chữ trên màn hình. Một lúc sau, những con chữ cũng tự chúng chìm vào giấc ngủ. Cho đến khi có ai đó nhúc nhích “ con chuột”, chúng lại thức giấc, tươi tắn lịch sự. Nhưng ông, nhà văn muộn màng, một ngôi sao nhỏ bé yếu ớt vừa chột loé lên đã tắt lịm. Một sự chấm dứt mang một cái tên rất bình thường trong y học : Heart attack (Kích tim).

Cuốn lịch “ lốc” nhỏ đặt cạnh chiếc đèn để bàn cho biết con số ngày tháng. Đó là một ngày mùa Đông lạnh lẽo,

đầy tuyết phủ của năm 2015. Hình như đó là ngày sinh của nhà văn già. Lạ nhỉ ! Không, không phải. Đó chỉ là ngày sinh của cuốn truyện đầu tay của ông. Tác phẩm đầu tay và cuối cùng. Chiếc xe cứu thương vừa chạy vừa hú còi nheo nhéo trên đường.

Nhưng tất cả đã trễ. Nhà văn già không bao giờ thức dậy. Ông đang mỗi lúc một chìm sâu vào giấc mộng ông nuôi từ thuở ấu thời. Gọi đó là giấc mơ Mỹ cũng được. Mặc cho chiếc xe lắc lư. Hình như miệng ông lão đang mỉm cười thì phải.

Phạm Văn Nhân

Buổi Chiều Trong Thành Phố

Mười năm. Phải. Tôi trở về lại thành phố mà tôi đã lớn . Những con đường. Những góc phố như ngày nào tôi đã đi qua và nhìn thấy. Phố vẫn như cũ, chẳng có gì thay đổi sau mười năm tôi ra đi. Không như những thành phố tôi đã trải qua. Những ngôi nhà cao tầng mới cất. Những con đường mở rộng cho những chuyến xe cơ giới nhà binh vận chuyển. Thành phố mà tôi trở về hôm nay vẫn mang bộ mặt của một cô gái quê còn rụt rè, nhút nhát, không chịu tô thêm chút son phấn để thành phố có một bộ mặc mới, đẹp hơn. Nhưng dù gì trong cuộc chiến vừa qua, nó ít mang tính mỹ hóa hơn các thành phố khác.

Nhưng ở đâu rồi cũng thế, cũng những chiếc xe nhà binh với ngôi sao trắng chạy qua vội vã. Và, chị Khản vẫn thường viết thư cho tôi kể về những đêm pháo kích hay những tiếng đại bác vẫn nổ đi đùng dội về trong đêm. Những lá thư của chị như một chuyện cổ tích ngàn lẻ một

đêm, kể hoài kể mãi không hết những chuyện xảy ra ở quê nhà.

Nhưng bây giờ thì khác, thật sự tôi đã trở về. Khi tôi bỏ cái lớp áo bên ngoài từ một thành phố rộn rịp người ta bỏ chạy ở thị trấn Ba Ngòi. Một bà già ngồi bán nước trà nóng bên lề đường với một cậu bé, có lẽ là cháu ngoại hay nội chi đó, giúp bà mang ly trà nóng tới cho khách. Thấy tôi cởi giày cởi áo bỏ lại. Bà nhìn rồi hỏi: cậu có áo quần xi-vin không? Tôi cười: vậy cũng được mà bác. Có nghĩa là chỉ cần cái quần xà lỏn màu cứt ngựa với cái áo thun trắng mặc trong người. Bà nói chi đó với đứa cháu, thằng bé chạy về nhà mang ra một bộ đồ. Tôi mặc vào cụt ngủn. Thằng bé đứng nhìn rồi cười. Tôi cũng cười theo nó. Buổi trưa ở Ba Ngòi nắng gắt. Ngọt ngọt bởi người là người từ miền ngoài đổ về. Tiếng khóc tiếng la của trẻ con. Tiếng chửi bới ồm tỏi từ một góc phố trên quốc lộ. Tiếng bánh xe cơ giới rít mạnh trên mặt đường như giận dữ tạo nên một âm thanh nghe chát chúa, khó chịu. Tôi nhìn thằng bé, nhìn bà già nói lời cảm ơn rồi đón xe xuôi nam. Thằng bé nhìn theo, nói vói: bộ đồ của ba cháu đấy, chú mặc lấy hên. Tôi đưa tay vẫy nó. Buổi trưa ở Ba Ngòi một lần hôm đó là thôi, và tôi không trở lại.

Chị Khản dặn: cậu đi chơi cẩn thận, thành phố còn bất ổn lắm đó. Tôi cười: ai biết mình đâu chị. Vừa nói tôi vừa đưa tay lấy cái nón nỉ của thằng cháu con chị Khản. Cái nón nhũn vành vì đội lâu ngày, lụp xụp xuống vành trán. Tôi nói với chị, tôi đi. Chị hỏi: tối về dùng cơm, chị chờ. Tôi cười cười: thôi chị ạ. Tắt vào nhà thằng bạn

nào đó rồi cũng xong. Cần thận. Chị dặn lại: thành phố hôm nay có những con người lạ lắm.

Mười năm, con đường từ nhà chị Khản xuống phố vẫn còn nhiều ổ gà. Vẫn dãy phố cổ im lìm, mệt mỏi. Bên kia đường là khu bệnh viện. Chiếc cổng sắt đóng kín, một vài chiếc xích lô nằm chờ khách như một thói quen mỗi ngày họ đến rồi đi. Cứ thế tôi đi suốt dọc con đường mà tôi đi lại hàng ngày thuở còn đi học. Hàng phượng bên đường vẫn xanh lá. Từ ngã tư bưu điện, nơi phát xuất những con đường xuống biển, ra ga mà ngày nào tôi cũng đạp xe đi đi lại lại với lũ bạn. Tiếng cười. Tiếng chọc phá vui ngày nào như còn đâu đây bên những gốc phượng già. Chiếc cầu sắt đen sậm bắc qua sông thời Pháp thuộc như nhịp thở của người dân trong thành phố. Gãy đi thời kỳ nước lụt năm nào được sửa lại cũng bằng với những thanh sắt đen sì đó. Dòng sông với dãy phố chạy dài dọc theo con đường dẫn xuống biển. Dãy phố lâu quét vôi vàng đã tróc lớp vôi cũ từng mảng lớn. Một bức tường chắn ngang chiếc đầu máy xe hủ lô thời Pháp của ty lục lộ vẫn còn đặt ở đó. Mấy mươi năm rồi khối sắt và nước sơn màu vàng đã bạc mầu.

Nhà người bạn tôi đây. Mở cánh cổng bên hông ra nhà sau. Nước cống thải chạy dọc theo bức tường của ty lục lộ cũ bốc lên có mùi thúi. Cửa đóng chặt. Tôi nhón người nhìn vào nhà. Trống vắng. Có tiếng người ho trong dãy hành lang dài mờ mờ với những chiếc thùng gỗ lớn hình tròn dùng làm nước mắm trong dãy nhà dọc đối diện với bức tường của ty lục lộ cũ, mà khi vào tôi không để ý. Tiếng người đàn ông hỏi:

- Ông tìm ai đó?

- Dạ. Tìm anh Khanh.

- Đi hết rồi. Đi hơn tuần nay, lúc thành phố mới lộn xộn.
Tôi nói: Vậy hả bác.

Vừa nói tôi vừa bước chân xuống bậc cấp của ngôi nhà định đi. Người đàn ông lại hỏi với:

- Sao cậu không đi như nhà cậu Khanh?

- Đi đâu hả bác ?

- Thì đi chứ đi đâu. Đi tìm một chỗ để sống. Lộn xộn mà. Máy người nhà giàu đều đi hết. Máy ngày nay tôi cũng chẳng dám ra đường. Sợ tai bay vạ gió.

Tôi cười cười rồi chào ông ra đi. Có tiếng người con gái ngồi đầu đó. Nói:

- Ba cứ nói. Không sợ!

Người đàn ông nói thêm:

- Cậu không biết. Hai hôm trước chợ bị đốt. Tôi tưởng cả thành phố cháy theo ngôi chợ.

Tôi nói: vậy hả! Rồi đi dọc theo bờ sông. Biển không xa, chỉ cách vài con đường. Trong những đêm thanh vắng, ngồi trên sân thượng nhà Khanh có thể nghe từng tiếng sóng vỗ vào bờ. Dưới sông, những chiếc thuyền đã vào bến đậu. Và ánh đèn điện leo lét dưới chân cầu sắt đen sạm đủ để soi rõ những chiếc thuyền đánh cá từ biển vào chạy qua cầu về trên xóm lò heo. Cái dốc cầu vẫn sáng lờ mờ như thời chiến tranh đệ nhị sợ máy bay đồng minh thả bom. Và ngôi vườn hoa cổ trong thành phố cũng thế.

Thành phố mười năm trước tôi ở vẫn ánh đèn lờ mờ soi không tỏ lăm trên những con đường rợp bóng me Tây hay phượng vĩ. Và bây giờ vẫn vậy.

Thằng bạn đã ra đi. Còn ai nữa. Tôi đến nhà vài đứa cũng cửa đóng then cài. Thành phố như vừa trải qua cơn bão lớn. Cuốn trôi hết tất cả ra biển. Con đường chính. Phố xá đóng cửa. Rác rến ngập trên vỉa hè. Chỉ còn vài ba ngôi nhà cửa hé mở. Một tiệm sách vẫn còn mở hờ cánh cửa. Tiệm sách này của một ông thầy dạy học trường tư. Tôi vào mua một tờ báo. Nhật báo cũng chẳng có. Chỉ còn vài ba tạp chí văn học. Thấy tên của người bạn in trên bìa tạp chí BK. Thích quá, mua ngay. Định tối về nhà chị Khản nằm dài dưới nền gạch hoa mà đọc. Tôi hỏi ông chủ tiệm sách: còn tạp chí nào khác nữa không? Ông ta cười méo xẹo: làm gì còn, tháng này không có báo chí chi cả. Đường bị cắt khoảng rừng lá. Xe Sài Gòn không ra được.

Lâu, không gặp người bạn văn này. Kể từ khi rời khỏi Tháp Chàm. Hấn đi chinh chiến biệt tăm. Tôi cũng thế. Biền biệt chiến chinh. Thôi được, cứ đọc văn của người bạn như đã thấy bạn. Thằng bạn nóng tính. Cái nóng của người lính bình thường khi bị xúc phạm. Cả tôi nữa, cũng thế. Để rồi cả một chai bia không biết làm sao trút hết cơn giận đập bể nát trên mặt bàn trong ngôi nhà tranh ở ngoại ô thành phố Qui Nhơn mà đáng lẽ phải đập chai bia ấy lên trên đầu của người bạn thơ khi hấn mới bị bắt về tội trốn lính. Cũng vì mấy chữ mà hấn gọi chúng tôi là lính đánh thuê.

Rời khỏi con phố chính, đi ngược lên dốc cầu tìm tới quán cà phê bên cạnh vườn hoa cổ. Cái quán cà phê có tự hồi nào, lâu lắm dưới tàn cây me Tây. Ngày đó, mỗi lần về thăm phố, mấy đứa bạn hay rủ ra đây ngồi uống

cà phê, hóng gió từ dưới sông lên và nghe nhạc TCS. Lại, ở ngoài chiến trường về mà sao vẫn thích nghe loại nhạc này. Có lẽ cũng cầu mong một sự an bình nào đó cho bản thân qua những dòng nhạc của ông. Thực tế và hiện hữu. Đại bác đêm đêm dội về thành phố. Người phu quét đường dừng chỗi đứng nghe...Chị Khản vẫn thường viết thư cho tôi và cũng thường ca cẩm như thế. Đại bác ...dội về thành phố..., ngồi uống cà phê buổi sáng nơi ngôi quán này, nghe bạn bè nói lại một cô giáo đi chiếc xe PC để tới trường dạy học. Khi đi ngang qua sân quần vợt bên hông toà tỉnh thì pháo kích. Cô giáo ngã chết bên chồng sách vở học trò của cô vừa chấm điểm tối hôm qua. Những bông hoa tươi thắm của mấy cháu học sinh đem tới đặt nơi cô nằm xuống. Tươi mát những đoá hoa của tình thầy trò. Bây giờ, tôi lại đến quán này. Sân quần vợt vắng vẻ. Cô chủ quán giờ đã già hơn những năm trước. Giờ này, cô cũng chẳng nhìn ra tôi. Bộ áo quần xi vin rộng lưng thùng. Cái nón nỉ nhũn vành của đứa cháu. Đôi dép nhật lệt xệt trên đường. Chẳng ai biết tôi là ai. Và, tôi cũng chẳng biết ai. Khi một vài thanh niên ngồi bàn bên trong đưa mắt nhìn tôi có vẻ...khi thấy tôi bước vào cửa. Có lẽ họ nghĩ tôi như chị Khản đã nói: Thành phố hôm nay có nhiều kẻ lạ. Bởi vì, khi tôi mới bước chân vào quán, họ im lặng và sửa lại thế ngồi. Tôi lạ lắm sao dưới vành nón nỉ lụp xụp như thế này?

Nắng chiều trải trên những ngọn cây trong công viên. Gió dưới sông thổi lên mát. Ngôi quán trở nên xa lạ một cách lạ lùng. Đâu rồi những người bạn một thời cà phê thuốc lá. Đâu rồi những buổi sáng ngồi uống cà phê nghe chim sáo hót trên những tàn cây cao trong công

viên. Đâu rồi những hoa vong nở rộ đỏ thắm trên cành. Những buổi sáng đẹp trời lạ lùng với những đứa bạn... Tôi trả tiền ra đi, cô chủ quán ngồi bó gối trên cái ghế bành bên bằng những sợi dây mây, tôi thấy những ngón chân của cô nhịp nhịp trên thành ghế với lớp sơn móng chân đỏ tót ra trông nham nhở. Cô chủ quán cũng chẳng nói chẳng rằng. Có lẽ cô cũng nhìn tôi: thành phố có nhiều kẻ lạ.

Rời quán, định đi về nhà chị Khản, nằm dài dưới nền gạch đọc cái truyện của người bạn trong tờ tạp chí vừa mới mua. Nhưng rồi tôi đi dọc theo bờ sông ngược lên đầu nguồn đến một xóm chài. Phải rồi. Bạn bè đã bỏ đi. Hi vọng còn một người bạn đang tu trên chùa. Tôi tìm đường lên động cao. Dưới chân động là xóm chài và dòng sông uốn quanh. Bóng chiều ngã về phía Tây. Mặt trời đỏ ối trên những đám mây chiều u uẩn. Những ngôi nhà sàn. Những người con gái đang vá lưới, nhìn tôi: thành phố có nhiều kẻ lạ. Tôi tìm đường lên chùa. Những người con gái này như mới ăn ánh đèn đêm. Tối xuống là áo quần nhiều màu sắc lượn phốc cười nói ồn ào trên đường hay vào rạp xem cải lương. Tôi biết như thế mười năm về trước.

Đường lên chùa, ẩm nước. Những dòng nước vẫn rỉ ra hàng ngày hàng đêm từ trong động chảy ngoằn ngoèo ra sông. Đường lên chùa đã xây bằng những bậc cấp, dễ đi. Đứng trước cổng tôi ngần ngừ nên vào hay trở ra. Giờ này, có lẽ sắp công phu. Nhưng, người bạn tôi đã thấy. Chiếc áo nâu sòng di chuyển từ bậc thêm đi ra cổng:
- Ông mới về?

Tôi đỡ cái nón nỉ xuống cầm trên tay, vái một vái.

- Vâng! Thầy mạnh giỏi.

- Vẫn mạnh. Còn ông?

- Lo!

Ông cười.

Bây giờ chúng tôi không phải là những thằng bạn khi xưa nữa. Ngày nó vừa học xong trung học, nó bỏ đi tu. Không còn mấy tao như ngày nào thả rong ngoài ruộng để chơi những ty-rô chơi của trẻ con nữa, mà hôm nay tôi phải xưng hô đằng hoàng hơn.

- Lo cái gì? Thầy hỏi.

- Đủ thứ!

- À! Tôi hiểu rồi: cái có và cái không của ông hôm nay phải không? Ông lại cười. Nụ cười đôn hậu.

Tôi nói thầm trong bụng: chán bỏ mẹ khi tới thăm ông. Nhưng còn ai nữa đâu khi mười năm tôi trở lại thành phố này. Chúng nó đã bỏ đi hết rồi. Chỉ còn tôi với ông là bạn cũ.

- Thầy cứ nói. Sao lại không lo. Thầy khác. Tôi khác. Khi mà...

- Tương lai của ông đã mất...?

- Không phải thế. Tôi..sợ việc khác...

Thầy nhìn xuống dòng sông, cười:

- Địa ngục. Thiên đàng. Khổ. Sướng chứ gì? Nay ông: địa ngục chẳng có mà thiên đàng cũng không. Đừng lo. Tất cả là huyền hết. Ông vẫn an nhiên tự tại. Ngày hôm nay có khác hơn ngày hôm qua. Nhưng ông vẫn là ông tự tại trên cõi đời này. Cõi đời này có mà không, thì ông lo nghĩ làm gì cho bạc tóc.

Rồi ông nắm tay tôi, nói:

- Vào đây.

Trên lối đi vào chùa, những bông sứ trắng rụng đầy. Một mùi thơm thoang thoảng trong không gian chiều xuống. Mặt trời vẫn ửng đỏ trên dòng sông. Tôi và ông ngồi xuống trên băng đá, dưới những tán bông sứ. Dưới chân đôi, dòng sông vẫn chảy không ngừng. Và, cái làng chài nhỏ bé kia vẫn có cuộc sống như ngày nào, dù cho bạn bè tôi có bỏ đi. Sông và làng chài vẫn hiện hữu. Tôi và người bạn tu hành vẫn còn đây trong thành phố mà tuổi thơ của tôi và ông vẫn còn chất ngất hương thơm. Như mùi hoa sứ hôm nay trước sân chùa. Ông nói:

- Ông có thấy gì không?

- Thấy gì?

- Mùi hoa sứ.

- Có nghe thấy.

- Đấy. Mười năm, ông chinh chiến, có khi nào ông để tâm mà nghe cái mùi rất đơn sơ này không? Tuổi nhỏ của ông và tôi hay đi nhặt những hoa sứ này trong ngôi vườn của một ông Tây trên toà sứ. Lúc ấy bọn mình ngỡ là bình yên. Bây giờ ông ngồi lại đây với tôi và ông đã thấy ông.

Tôi cười nhìn xuống dòng sông.

Người bạn tu hành của tôi nhìn về chân trời phía Tây đỏ ối ánh mặt trời chiều. Nói. Giọng nói nhẹ tênh trong hơi thở: ông đừng bỏ đi đâu nữa. Tất cả rồi cũng là không. Ông nhé.

Tôi nhìn người bạn tu hành. Vái một vái. Xuống động cát rời chùa. Sau lưng tôi, vẫn còn nghe thấy hương thơm của hoa sứ và tiếng chuông chùa ngân.

Trần Bang Thạch

Thầy Giáo Làng

1. Căn nhà bây giờ đã không còn chỗ trống. Một mái trại được dựng lên sơ sài bằng lá dừa nơi sân trước cũng đã đầy người. Phía sau nhà, nơi khoảng đất nhỏ bằng chiếc đệm dưới tàn cây trứng cá cạnh sân nước, các cục gạch được xếp thành một hàng bếp. Củi lửa nổ giòn dưới những đít nồi, đít chảo to. Những người đàn bà vừa chụm lửa vừa quạt mồ hôi. Trời đứng gió nhưng vài cánh lá vàng cuối mùa cũng không còn sức bám thêm vào các nhánh cây trên cao. Những cánh lá chao nghiêng như chưa muốn về với đất. Vòm trời phía tây có những dãy mây đen thấp, báo hiệu thêm một cơn mưa đầu tháng mười.

Bên trong nhà tuy đông người nhưng thật yên lặng. Người ta nói năng khi người ta chưa bước qua ngưỡng cửa căn nhà. Yên lặng như người đang nằm trong áo quan đặt giữa nhà. Bốn người mặc áo tang trắng đứng hai bên quan tài như mấy pho tượng. Đến lượt bốn người khác vào thay cũng thành những pho tượng. Hai người cũng mặc áo tang trắng quì hai bên quan tài thì liên tục lạy trả lễ khi có người đến viếng linh cữu. Một nải chuối xanh có cắm một nén nhang trên nắp quan tài. Chiếc bàn con đặt phía trước quan tài với bình hương và mấy nhánh lily-ơn trắng đứng trong bình thủy tinh cổ cao. Ba cây nhang luôn luôn tỏa khói càng làm cho gian nhà thêm mờ ảo. Người ta thay nhau đến lạy trước linh cữu người quá cố rồi ra sân trước ngồi hút thuốc, ăn trầu nói

chuyện. Có những người đàn bà lạy xong ra phía sau phụ với mấy người khác lo nấu nướng.

Những người cao tuổi cho rằng đây là đám tang lớn nhất từ trước tới nay tại làng này.

Thầy giáo Tư đã ra đi từ đêm hôm qua. Thầy cũng vừa ăn tuổi thọ thứ tám mươi chiều hôm trước. Người ta nói thầy đi thật êm, như người vừa mới thay bộ đồ mát, bước tới bộ ngựa gỗ rồi buông mình ngủ một giấc thiên thu. Giấc ngủ với niềm vui và với nụ cười còn hiện rõ trên nét mặt. Những người biết chuyện còn cho rằng thầy đi trong niềm hạnh phúc. Điều này thì có nhiều chục phần trăm là đúng nếu người ta chú ý đến một sư bà đang có mặt trong căn phòng nhỏ nằm bên cánh trái của ngôi nhà. Sư bà trạc lục tuần ngồi trước chiếc bàn kê sát vách, trước mặt sư bà là khuôn ảnh nhỏ chỉ bằng bàn tay đặt giữa cái chuông và cái mõ cũng thật nhỏ như tách trà. Trong ảnh là một gương mặt thanh niên có vầng trán cao và đôi kính gọng đen. Cốc. Cốc. Cốc. A di đà phật. A di đà phật. Người thính tai mới nghe được loáng thoáng mấy lời tụng niệm này, còn những lời thật nhỏ thì không ai nghe được. Hình như có lúc sư bà đang thầm thì với một người đang ở đâu đâu. Sư bà đã ngồi như vậy từ đêm qua, ngồi thẳng và thầm thì tụng niệm suốt đêm.

2. Thầy giáo Tư đang đứng mà tưởng như chân mình không chạm đất. Trước mắt thầy là một vùng mờ ảo. Thầy tháo cặp kính, chùi chùi hai tròng thủy tinh bằng cái khăn tay nhỏ để được nhìn rõ hơn. Thầy không nghĩ tất cả những gì hiện trước mắt thầy là sự thật. Trời ơi, thằng Năng, thằng Ngo, con Cam, con Ngọc đây mà! Có thêm Thăng Bính, con Mum...và bao nhiêu người nữa đang ẩn hiện trước đôi mắt nhòe nhoẹt vì nước mắt của

thầy! Những người học trò cũ, họ đã về đây. Họ về với râu tóc bạc trắng như thầy. Vài người đã xa trường đúng năm mươi năm. Họ về từ những nước ngoài. Họ về từ những địa danh khác nhau trên đất nước. Họ từ làng này. Họ từ những quận huyện làng xã kế cận. Họ nói họ đã hẹn để về đây mừng lễ Bát Tuần Thượng Thọ của người thầy cũ. Họ đã chuẩn bị cả năm để có ngày hội ngộ này bên người thầy tám mươi tuổi và bên ngôi trường đã cất giữ những tiếng ABC đầu đời của họ từ năm chục năm nay. Người đàn bà trong một đêm tối âm u đã bỏ lại tất cả để ra đi, rồi làm kẻ vắng mặt mấy mươi năm cũng đã về trong cánh áo nâu sòng. Bỗng chốc căn nhà nhỏ của thầy Tư trở thành nhà tiệc khi những bàn ghế, bếp lò, chén đĩa và những thức ăn thức uống từ thành phố được chở vào bằng ba chiếc ghe máy. Cả cái ấp Thượng bé nhỏ chưa tới ba chục nóc gia như sống trong ngày hội. Thầy giáo Tư ngồi ngay ngắn trên chiếc ghế bành bằng gỗ lim kê giữa nhà. Hai tay thầy nắm hết tay người này đến tay người khác. Những học trò cũ của thầy lần lượt đến trước mặt thầy, quì xuống lạy thầy ba lạy vừa chúc thọ vừa nói lời cảm ơn công lao dạy dỗ của vị thầy khai tâm. Thầy ăn mừng thượng thọ tám mươi. Còn các trò thì đã quá lục tuần. Trí nhớ của thầy giáo Tư còn in rõ nét 12 học trò cũ có mặt hôm nay. Có người đã xa thầy rất lâu, bốn năm chục năm. Có người thầy vẫn gặp hàng năm. Vài học trò cũ vẫn bám sống ở làng này thì họ và con cháu thay nhau chăm lo từng cái ăn cái mặc trong cuộc sống đơn chiếc già yếu của thầy trong những năm sau này. Người ở xa thì cũng thay nhau gửi quà và lời vấn an về thầy. Thầy trò thầy giáo Tư đã sống với nhau bằng cái nghĩa tình đậm đà cao quý như vậy từ mấy

mười năm qua. Nghĩa tình này vẫn đơm hoa kết trái theo dòng đời thăng trầm, trôi nổi. Nếu không là người trong cuộc thì cũng khó mà biết là những hoa trái này đã kết thành từ những cây cành đã được vun bón từ những ngày thật xa.

Ngày đó, thời thập niên hai mươi, cái thôn làng An Trụ chỉ là một thỏi đất rộng không đầy hai cây số vuông. Thỏi đất như một cục u nhỏ trên con sông Bassac, cách bến bắc Cần Thơ hơn ba mươi cây số theo đường chim bay. Dân làng An Trụ không làm ruộng mà chuyên làm rẫy nhờ nguồn đất phù sa màu mỡ. Cũng có những mảnh vườn trồng cây ăn trái như măng cầu, vú sữa. Cư dân chỉ trên dưới năm mươi người già trẻ bé lớn, tất cả đều thất học. Chỉ có một người biết chút ít chữ nho, chữ quốc ngữ và có tài hốt thuốc nam mà người làng gọi một cách thân quen là ông Huế. Ông Huế có mặt ở làng này vào giữa những năm hai mươi. Thật sự không ai biết tên thật ông ấy là gì. Người ta truyền miệng rằng ông Huế có chân trong một phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục gì đó ở ngoài Trung kỳ, bị truy nã phải bỏ làng mạc vào thỏi đất ít người lai vãng này để mai danh ẩn tích. Dân làng không nhờ cái vốn chữ nho mà nhờ thật nhiều vào các món thuốc nam gia truyền của ông Huế. Người ta nhờ ông nhưng người ta không dám giao thiệp nhiều với ông một phần vì sợ dính líu đến chánh trị, phần khác người ta thấy ông không phải là "người mình" qua tiếng nói lạ tai và khó hiểu của ông. Đến giữa thập niên 1950, ngay sau khi Hiệp định Genève vừa ký kết, làng An Trụ có thêm một người khách từ miền Trung vào An Trụ tìm anh rồi ở lại lập nghiệp. Người thanh niên trán rộng, mũi cao, mang đôi kính gọng đôi mỗi tên Tư Gấm lúc đó gần ba

mười, chính là em trai ông Huế. Người làng cũng coi anh Tư Gấm không phải là "người mình", lại có lý lịch không rõ ràng. Người ta còn đồn đãi rằng anh Tư Gấm bỏ xứ, bỏ vợ con vào đây là nằm trong kế hoạch "cài người" của phía bên kia để chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử 1956. Điều này đã đưa tới một thiên tình sử đầy nước mắt cả mấy chục năm sau. Nghe nói anh Gấm đã đậu bằng sơ học yếu lược. Lần đầu tiên An Trụ có người biết nhiều chữ nghĩa. Cũng là lần đầu tiên An Trụ có một mái trường sơ cấp. Đó là nhờ công lao của thầy giáo Tư Gấm. Còn nhớ những ngày đầu xây dựng trường, đa số dân làng thờ ơ, thầy giáo Tư cùng với vài em trai lớn tuổi và mạnh sức dốc công ngày đêm cất lên ngôi trường chỉ có một phòng duy nhất. Cổng trường uy nghi bằng bê tông cốt sắt có tấm bảng tên trường bằng xi măng nằm ngang với hàng chữ nổi là do công lao và hoa tay của thầy Tư. Có người phê bình là ngôi trường thì mái lá vách ván nhỏ bằng cái chén chun mà cái cổng thì như cổng của một toà lâu đài! Thầy Tư nói ngôi trường này sẽ lớn ra, sẽ mái ngói tường vôi nền gạch, làng An Trụ này cũng sẽ đầy chữ nghĩa. Các bàn ghế, bảng đen cũng do chính tài trợ mộc của thầy Tư mà có. Trường ốc đã xong, thầy Tư đi đến từng nhà năn nỉ cha mẹ cho con đến trường. Lớp học đầu tiên khai giảng với 1 thầy và 6 trò. Thầy Giáo Tư tiếp tục đến năn nỉ từng nhà cho con em đi học. Tuần lễ thứ hai có thêm 3 trò nữa. Thầy trò chuyên cần dạy và học. Lớp học nhiều khi là lúc rảnh tay ở ngoài rẫy dưa, hay bên cái đĩa vừa tát cạn. Thầy Tư cũng sinh sống bằng nghề rẫy. Thầy dùng tiền của mình mua sắm dụng cụ cho trường và mua sách vở, giấy mực giúp đỡ những học sinh nhà nghèo. Sau ba năm thì

chánh quyền công nhận trường Sơ cấp An Trụ và bắt đầu trả lương cho thầy giáo với số lương thật thấp của ngạch trật giáo viên xã ấp không có bằng sư phạm. Làng An Trụ có thêm nhiều cư dân mới. Lúc đó trường đã có 3 lớp học chung một phòng do thầy Tư dạy, sĩ số có lúc lên tới trên 20 mỗi lớp. Trường ốc đã đi vào nề nếp trong hệ thống giáo dục của quốc gia.

Nhưng năm đó cũng là năm có hai người sầu khổ vì tình tại làng An Trụ.

3.Hôm đó tin di Út Lan của tôi bị cha chửi mắng rồi cắt trọc cái đầu tóc lan truyền buổi sáng thì buổi tối di Út tôi trốn nhà đi mất. Cả làng An Trụ bấy giờ chắc chỉ bàn tán chuyện của di tôi. Những năm năm mươi làng An Trụ vẫn còn quá thủ cựu trong vấn đề tình yêu trai gái. Năm đó di Út tôi được 20 tuổi. Di bỏ đi mất biệt. Có người nói họ đã gặp di làm sư cô tại vùng Núi Bà Đen Tây Ninh. Có người nói di đã qua Cao Miên. Ông bà ngoại và cả nhà cố tâm tìm kiếm khắp nơi từ nhiều năm vẫn không gặp. Cũng từ hôm đó thầy giáo Tư của tôi như kẻ mất hồn. Thầy buồn như thổi đất An Trụ cô đơn quạnh quẽ ngàn năm nhòai mình ra dòng sông Bassac. Thầy đã đi nhiều nơi và đã ngồi đợi suốt cuộc đời một tiếng lá xào xạc ngoài ngõ báo hiệu một bước trở về. Ôi! Chỉ là bóng chim tăm cá!

4.Tiếng mõ và tiếng niệm Phật thật nhỏ vẫn phát ra từ căn phòng bên góc trái. Còn những lời thì thầm thì không ai nghe được. Bốn người học trò mang tang phục vẫn đứng hai bên quan tài, yên lặng như bốn pho tượng trắng.

5.Sáng hôm sau đám ma thầy giáo Tư đi trong cơn mưa

lất phất vừa rớt xuống An Trụ. Mười hai người học trò đi chân đất khiêng quan tài với đoàn người dài đi quanh ấp Thượng, rồi ghé vào ngôi trường tiểu học An Trụ bây giờ là dãy nhà nhiều phòng học khang trang với tường gạch, ngói đỏ. Quan tài đi qua chiếc cổng trường bằng xi măng cốt sắt đã vững vàng có mặt từ nửa thế kỷ qua.

Sư bà Thích Nữ An Trụ gõ mõ đi trước quan tài. Nước mưa hay nước mắt đã làm ướt đôi mắt của một nhà sư./.

Cảm ơn

Nhóm chủ trương dự án Y Uyên chân thành cảm ơn các anh chị và bạn bè đã mua ủng hộ tuyển tập truyện ngắn, nhan đề: ***Tuyển Truyện Thời Chiến*** của nhà văn quá cố Y Uyên.

1/

* Cô Trần Thị Cẩm Tú (cali) \$200 * Anh Phan Văn Mai (Dallas) 4 tập \$60 * Anh Kha Ngân Kiếm (Dallas) 1 tập \$30 * Anh Vũ Linh (Houston) 3 tập \$50 * Anh Hoài Ziang Duy (VA) 1 tập \$50 * Anh Phạm Trọng Hoàng (Austin) 1 tập \$30 * Anh Phạm Trọng Kiệt (Austin) 1 tập \$30 * Anh Nguyễn Văn Tư (Amarillo) 2 tập \$40 * Anh Tony Hoàng (cali) 1 tập \$15 * Anh Nam Sơn (Canada) 2 tập \$30 * Anh chị Trần Bang Thạch (Houston) 5 tập \$100 * Ô. Phạm Phi Hùng (vancouver- Canada) 1tập \$50- Anh chị Bảo+Kiêm Anh (Dallas) 2tập \$30-

Nhà văn Trần Doãn Nho 2tập \$30- Nam Phương Restaurant (PA) 1tập \$20- Một thân hữu ở Virginia 1tập \$50- Nhà văn Thành Văn 1tập \$30- Dịch giả Hồ Bạch Thảo (NJ) 1tập \$50- Mr. Long Nguyễn (VA) 1tập \$50- Cô Lâm Hường (Houston) 3 tập \$50- nhà văn Tưởng Năng Tiến (CA) 3 tập \$50- nhà văn Tạ Quang Khôi (VA) 1tập \$15- Cô Ngô Kim Chi(Montreal, Canada) 5 tập \$120- Thân hữu Trần Đình Thắng (IL) 2tập \$30-Nhà thơ Ý Yên (CA) \$50 (1 tập ủng hộ DAYU, còn lại ủng hộ TQBT)- Nhà thơ Túy Hà 1tập \$25- nhà văn Hồ Minh Dũng (GA) \$120 (2 tập ủng hộ dự án Y Uyên, còn lại ủng hộTQBT)- Anh Nguyễn Đức Nhơn (Dallas) 5 tập \$75. Mr Phạm Quang Tân (VHVN- Houston) 2tập \$50. Nhà văn Nguyễn Thanh Ty (MA) 6 tập \$100.

2/

Ngoài ra còn một số anh chị và bạn bè đã order sách, chúng tôi đã gửi sách. Nhưng chúng tôi chưa nhận tiền. Cho nên không thể đưa vào danh sách tổng kết được.

Anh Ung Minh Nguyên (San jose) 5 tập * Anh Lê Ngọc Thạch (San Jose) 2 tập * Chị Mai Minh (Nam Cali) 1 tập * Anh Nguyễn Văn Hiền (NY) 1 tập * * Anh Vũ Thái Minh (Miami) 1 tập. Anh Nguyễn Ngọc Thanh (MA) 10 tập- Anh Nguyễn Kỳ Phong (VA) 2 tập- Nhà thơ Lê Mai Linh 10 tập. Nhóm thân hữu Cao Vị Khanh (Canada) 15 tập.

3/

Tổng số tiền (đã nhận - check hay money order, tiền mặt) ủng hộ DAYU là: \$1,455.00

4/

Vì TQBT 21 phải đưa đi in trong tháng 9 năm 2005, do đó chúng tôi phải tổng kết trước (số ngân phiếu đã gửi đến). Sau khi nhận đầy đủ số tiền ở mục 2, chúng tôi sẽ tường trình bổ túc.

Một lần nữa thay mặt nhóm chủ trương dự án, chúng tôi thành thật cảm ơn anh chị và bạn bè đã ủng hộ mua tập truyện: Tuyển Truyện Thời Chiến.

Nhóm chủ trương TQBT:

Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư, Trần Bang Thạch, Cao
Vị Khanh, NG~

Chăm sóc bài vở, trình bày, kỹ thuật in đóng:

Phạm Văn Nhân & Trần Hoài Thư

Liên lạc nhận TQBT:

Trần Hoài Thư

tranhoaitru@yahoo.com

Phạm Văn Nhân

nhanvanpham@yahoo.com

Thư Ấn Quán

P.O.Box 58

S. Bound Brook, NJ 08880